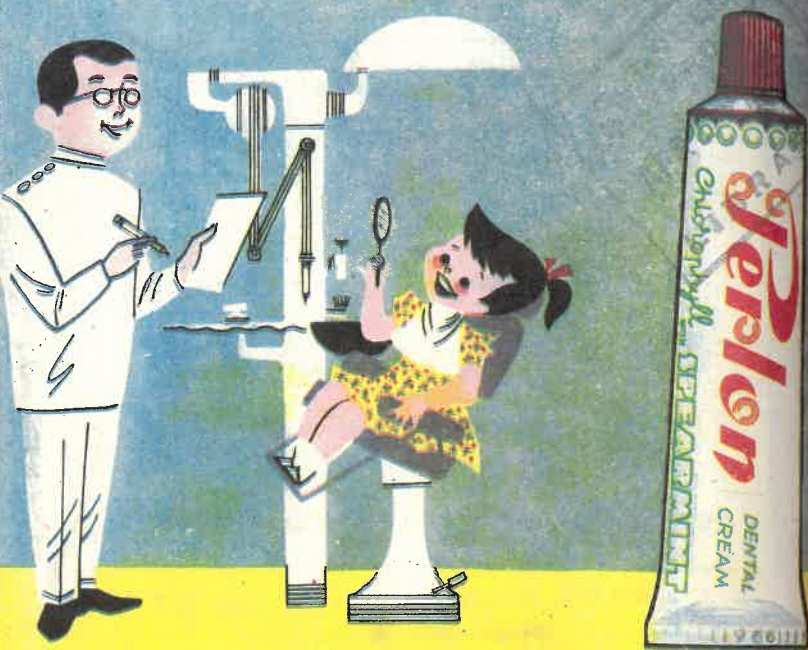


Do Vỹ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

TẠI SAO NHA SĨ LÀ BẠN THÂN CỦA EM

- Nha sĩ đánh bóng răng cho răng thêm tươi đẹp và khỏe mạnh.
- Nha sĩ xem răng có bị sâu không.
- Răng sâu sẽ được nha sĩ trám lại.
- Nha sĩ chụp ảnh răng bằng quang tuyến và xem lộn trong thân răng.
- Nha sĩ chỉ ta cách chải răng.



THUỐC ĐÁNH RĂNG *Perlon* NHẮN

Giá: 15*00

PHỔ THÔNG ĐỀ BÁT CHU NIÊN

1-11-1966



1-11-1966. 183 . NĂM THỨ IX

PHỒ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XAY DUNG VAN HOA VIETNAM
PHO BIEN VAN HOA DONG TAY KIM CO

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ IX * SỐ 133 * 1-II-1966

4 giờ rưỡi sáng.. 5 giờ	Nguyễn Vỹ	5 — 6
1.— Phồ Thông năm thứ IX	Nguyễn-Vỹ	7 — 9
2.— Tê ra nhà giàu cũng có người khôn	Thiếu Sơn	10 — 13
3.— Tình ta như hoa hướng dương (thơ)	Phong Sơn	14 — 15
4.— Ngày lý tưởng (truyện ngắn)	Lê Hương	16 — 27
5.— Cái răng (truyện dịch)	Nhà Điền	28 — 33
6.— Tôi (thơ)	Động đình Hồ	34
7.— Sau lưng thành phố (truyện ngắn)	Bùi klm Đĩnh	35 — 46
8.— Khoa học Không gian ở Nhật	T.Đ.S. Nhật	47 — 53
9.— Lặng lẽ, người đi (thơ)	Phương Duyên	54
10.— Ông Hồ hứa Trường sẽ phi tặc về đâu?	Thái Bạch	55 — 66
11.— Miền Tây Nam châu Mỹ	Thái bình Dương	67 — 78

12.— Xin cho tôi (thơ)	Thiên Hà	79
13.— Gặp ma (truyện vui)	Cao nguyên Lãng	80 — 87
14.— 9 ngày ở trung tâm 3	Nguyễn thu Minh	88 — 93
15.— Bài khi xa Vĩnh điện (thơ)	Định trâm Ca	94
16.— Nhân trị hay pháp trị ?	Thiếu-Sơn	95 — 99
17.— Tuấn chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	100 — 107
18.— Chung và riêng (thơ)	Thùy dương Tử	108
19.— Saigon — Châu đốc	Tâm Trí	109 — 118
20.— Thế giới 15 ngày qua	Nguyễn vạn Hồng	119 — 123
21.— Niệm (thơ)	Trần minh Phú	124
22.— Những tay lỏ trong ngành gián điệp	Nguyễn Minh	125 — 131
23 — Văn hào Soseki Natsume	Nhất Thiên	132 — 138
24 — Niềm đau thối nổi tiếp (thơ)	Trần Việt Thành	139
25 — Minh ơi ! Phù thủy	Diệu Huyền	140 — 154
26 — Mừng Phở Thông Đệ cửu niên (thơ)	P.T	155 — 160
27 — Bến đêm (thơ)	Nguyễn Vương	161
28.— Vượt ngục	Tấn Đắc	162 — 168
29.— Đăng trình (thơ)	Quang Linh	169
30 — Thư bạn đọc	P.T.	170 — 172
31.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	173 — 178

• Hình bìa : tranh vẽ của họa sĩ Ngọc Dũng



• Tổng phát hành PHỞ - THÔNG toàn quốc :
ĐÔNG NAI, 270, Đê-Thám — Saigon

• Tổng-phát-hành PHỞ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
• Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
• Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
(vente — abonnements — Publicité)

4 giờ rười sáng... 5 giờ

4 giờ rười sáng chuông Chùa rền vang,
« Thương thông Thiên-đường, hạ triết Địa phủ,
Phong điều, vô thuận, Quốc thời Dân an,

Chiến mã hưu chinh, địa lợi nhơn hòa,
Trận bại thương vong, siêu sanh tịnh độ...

5 giờ sáng chuông Nhà thờ đổ,
« Sáng danh Chúa ngự trên Trời
Và bình yên cho người lành dưới đất.

Chúng tôi ngợi khen Chúa,
Chúng tôi hát mừng Chúa,

Lạy Đức Chúa Giêxu Kirixitô...

— Amen »

4 giờ rười sáng... 5 giờ,
Tàu bay phân lực, trực thăng lớn nhỏ,

*Rầm-rầm rộ-rộ
Đem bom đi ném trong bụi trong bờ.*

*4 giờ rưỡi sáng... 5 giờ.
Gà gáy lơ-mơ,
Trời sáng lơ-mờ,
Kinh Phật, Kinh Chúa
Tiếng chuông tiếng mõ
Vang khắp thành phố,
Tận bốn phương trời
Phi cơ phản lực, trực thăng lớn nhỏ,
Chiếc trước chiếc sau, rầm rầm rộ rộ
Đem bom đi ném trong rừng xa xôi*

*4 giờ rưỡi sáng... 5 giờ,
Tôi ngồi làm thơ
Trong căn liêu nhỏ
Hai ngón lệ rơi,
Mực nhòe loang lổ.
Tôi khóc nước tôi...*

NGUYỄN VỸ

T A P
C H Í
P H Ồ
THÔNG
N Ầ M
T H Ứ
C H Í N
I X

NĂ M nay Tạp-chí Phò-Thông làm lễ kỷ-niệm, không « ăn mừng » đệ-bát chu-niên, vì là năm chiến-tranh khốc hại vô cùng.

... quốc-gia tang-tóc, Nhân-dân đau khổ nghèo nàn, kinh-tế quần bách, đời sống cơ-cực, xã hội loạn-ly...

Trước tình cảnh bi-dát hiện tại của Đất Nước mọi việc vui mừng đều gát lại.

Số báo này mở đầu năm thứ IX, đáng lẽ ra ngày 1-11, phải chậm haimươi mấy hôm cũng vì chiến tranh. Hầu hết nhân viên phải đi làm nghĩa-vụ quân-sự. Chỉ còn Giám-đốc và Tổng thư ký.

Chao ôi, bao nhiêu thử thách tàn-nhân, sóng gió bất thường, Phò Thông cứ lướt qua, cứ tiến.

Lại có những kẻ ganh tị, dèm pha, đặt điều nói xấu, lên-lút phản bội. Phò Thông làm thình bất chấp, bất cầu, điềm nhiên làm tròn nhiệm vụ.

«Tất cả sẽ chìm trong quên lãng, chỉ còn văn hóa tồn tại mà thôi », như nhà văn ngoại quốc đã nói : Tout s'oublie, seule la Culture reste.

Văn hóa xây-dựng, chân-chính, lương thiện, Văn-hóa của trí óc không bệnh hoạn, Văn-hóa biểu dương Chân-Thiện-Mỹ, sẽ còn lưu truyền mãi mãi. Một thế hệ, hai thế hệ, muôn ngàn thế hệ, ánh-sáng Văn-hóa không mờ. Hương vị Văn-hóa không bao giờ phai.

Chỉ có kẻ mù theo kẻ mù.

Chỉ có tiểu-nhân hòa với tiểu nhân.

Không bao giờ phi-văn-hóa trường tồn.

Phò Thông tạp chí thân ái trao đến hôm nay muôn ngàn bạn đọc bốn phương, bốn biển, lời chào tri ngộ.

TẠP CHÍ PHÒ THÔNG NĂM THỨ CHÍN

Một tác lòng cảm mến chân thành, của Bộ Biên tập trung-thành với Bạn trong 8 năm trời.

Bạn đọc đã góp phần vĩ đại trong công tác xây dựng Văn-hóa Dân tộc.

Bạn đã phổ biến tư tưởng Đông-Tây Kim-Cổ.

Vì bạn đã hưởng ứng với chúng tôi. Bạn đã ủng-ho chúng tôi làm tròn nhiệm-vụ.

Cảm ơn Bạn.

Phò-Thông tạp-chí tiếp tục năm thứ chín với lời tha thiết nguyện cầu Hòa bình cho Dân tộc.

— Với lời tái nguyện văn-hóa phục vụ Hòa-bình tự-do.

— Với lời tái nguyện Văn-hóa phục vụ Danh - dự và Tình yêu Tổ quốc.

— Văn hóa phục vụ Nhân-dân.

PHÒ THÔNG Tạp chí

PHÒ - THÔNG 184

Với những bài của :

- * Thiếu Sơn — Thái Bạch — Nguyễn Thu Minh — Thăm Thệ Hà — Lê Hương — Võ quang Yên — Nguyễn Văn Cừ.
- Lê Tất Điều — Bùi kim Đĩnh — Phong Sơn — Nhà Điền
- Nguyễn Vạn Hồng — Duy Thức v.v...



té ra nhà giàu cũng có người khôn

△ THIẾU-SƠN

Tôi không tin mấy bác nhà giàu. Nhà giàu bản xứ cũng vậy và nhà giàu ngoại quốc cũng thế thôi. Túi tiền của họ nằm bên mặt mà trái tim của họ vẫn nằm bên trái như tất cả mọi người. Nếu không có túi tiền bên mặt thì người ta thường nghe tiếng gọi của trái tim và phần nhiều là những tiếng gọi của tình cảm, của lương tâm. Nhưng khi đã có túi tiền ở bên mặt thì người ta ít sống bằng trái tim mà chỉ sống

bằng tiền bạc. Người ta cho « thì giờ là tiền bạc », « tiền bạc là chìa khóa mở tất cả các cửa » rồi tất cả mọi hành động đều bị tiền bạc chi phối. Nó chi-phối người giữ nó và người giữ nó lại dùng nó mà sai khiến người khác.

Do đó mà các ông tư-bản mang tiếng là người ở phe hữu, ở vị trí cái túi tiền của các ông.

Ngược lại bọn không có túi tiền cố nhiên phải sống bằng trái tim của mình ở bên tả nên bị gọi là phe tả.

TÉ RA NHÀ GIÀU

Nhưng luật chung thì thế mà còn có những luật riêng không phải thế. Có những ông nhà giàu mà nhân đức, khôn ngoan. Lại có những anh nhà nghèo mà lưu manh đều giả.

Bởi vì người ta không phải chỉ có trái tim mà còn có khối óc. Có những ông nhà giàu mà học nhiều, biết rộng, thức-thời, thông biến nên thường có những tư tưởng siêu việt mà mấy anh thợ phú không hiểu nổi. Ký giả Lippmann. T. Nghị sĩ Fulbright là ở trong số những nhà tư-bản khả kính đó.

Ông Fulbright luôn luôn chống đối chánh sách « leo thang » của T. Thống Johnson là « đồng chí » trong đảng Dân chủ của ông. Điều đó ai cũng biết, khỏi cần phải

nói thêm. Mời đây ông còn công kích vụ thiết lập căn cứ quân sự ở Thái Lan và sự có mặt của quân đội Mỹ trên lãnh thổ nước này.

Điều đó làm cho chánh phủ Mỹ bất bình mà còn làm cho chánh phủ Thái Lan ói máu.

Chánh phủ Mỹ bất bình là phải vì nếu một ngày kia

Thái Lan sẽ là một căn cứ chống Cộng lý tưởng hơn nữa Cộng sản đã bắt đầu hoạt động ở đây rồi. Phải tiêu diệt chúng nó ngay từ khi chúng nó còn phôi thai.

Đây là một vấn đề chiến lược thuộc thẩm quyền của những chiến lược gia.

Ông Fulbright biết gì mà xen vào ?

Theo tin AP từ Vọng-các đánh đi thì Thủ-Tướng Thái Lan tuyên-bố nước ông không ở dưới sự kiểm-soát của Hoa-Kỳ. Ông nói rằng căn cứ không quân Sattahip do Hoa-Kỳ xây cất tại Thái-Lan phi tồn ước lượng 40 triệu mỹ kim hiện nay là của Thái-Lan. Ông nói thêm rằng muốn sử dụng phi trường đó cho oanh tạc cơ B. 52 Hoa-Kỳ phải được Thái-Lan chấp thuận trước. Ông còn nói : « *Vài Thượng nghị sĩ Hoa-Kỳ coi Thái Lan như là tiêu bang thứ 51 của Hoa-Kỳ* ». Ông lại nói : « *Thái-Lan không hề yêu cầu Hoa Kỳ gửi quân đội qua diệt trừ cộng-sản; nhưng có lẽ chánh phủ Hoa-Kỳ đang dự định viện trợ thêm vật liệu cho Thái-Lan* ».

Có nhà báo cho rằng bang giao Thái - Mỹ trở nên cân

thẳng, thật ra có căng thẳng gì đâu.

Khi Mỹ cho thiết lập căn-cứ ở Thái-Lan ít nhất cũng đã có sự đồng ý hay đồng tình của chánh quyền bên ấy. Tới khi hoàn thành mà đem ra sử dụng chánh phủ Mỹ sẽ tổ chức một bữa lễ long trọng xin phép Thái-Lan và nước này sẽ lấy quyền chủ nhà mà cho phép là êm đẹp cả làng, chứ có gì đâu mà gọi là căng-thẳng ?

Nhưng cả 2 chánh phủ Mỹ và Thái Lan đều nên biết ơn ông Fulbright là ông đã cảnh cáo cho biết trước

Ba tháng Cọng sản ở Thái Lan có gì đáng sợ mà phải chuẩn bị một vạn lý trường thành để ngăn chặn chúng nó. Chỉ một nửa số tiền chi tiêu về việc đó đem ra dùng để cải tiến xã-hội, nâng cao mức

sống của người dân, như là dân nghèo thì ba tháng Cọng Sản chỉ còn có một đường là rút êm có trật tự.

Nước Thái Lan nhỏ, dân số ít, Hoa - Kỳ thừa sức giúp nước này làm việc đó.

Té ra nhà giàu mà cũng



Δ Chi tại sương mù

Trong khi đi tới sở vì sương mù dày đặc, một người Anh vấp mạnh phải một vật nằm ngang đường. Anh ta vội quát soa : Ô, xin lỗi bà. Nhưng khi nhìn kỹ thì chỉ là một... con bò, cái.

Đến trưa trở về nhà, sương mù vẫn còn dày đặc; ông ta lại chạm mạnh phải chính bà vợ mập của mình ngay trước cửa nhà. Chợt nghĩ tới chuyện hồi buổi sáng ông ta kêu lên : Trời đất quý thần ơi, lũ bò cái trưa nay chúng muốn gì vậy !



Tình ta như hoa hướng dương

PHONG SƠN

Tưởng rằng hát để mình nghe
Trăng lên để mộng đêm về cô đơn
Chiêm bao hèn gối chấp chờn
Dư-âm tắt lịm cung đèn Bá-Nha
Tưởng rằng lạc tiếng cầm-ca
Âm-u gió lạnh trăng tà thâu canh
Chim kêu cuối bãi đầu ghềnh
Tiếng chim kêu gọi tâm tình nước mây
Nỗi niềm đau phải riêng tây
Cho nên thắt ruột chau mày với nhau
Trái tim bắc những nhịp cầu
Tiếng lòng lắng đọng mối sầu cảm thông
Cho nên nổi tiếng tơ đồng
Bài thơ giao cảm về trong ân tình

Chuyện nghìn xưa, tui tóc x n
Bao nhiêu năm hận đao binh ngút trời
Đi về đâu tuổi hoa đời
Mà trang quốc-sử, ghen lời giới giảng
Bán đồ rơm máu cách ngăn

Biên cương lạnh một vừng trăng hai miền
Chừ đây sông núi đảo-diên
Đành nghìn năm để một thiên sử thừa
Tình người gửi gắm song thưa
— Quên ? — Không. Nhớ ? — Chẳng. Sầu ?
— Chưa đáng sầu

Bão bùng còn chuyện bề dâu
Thương yêu còn chuyện giang đầu phân ly
Hỏi công danh, để làm gì ?
Hỏi tình duyên, đã lỡ thi phần son
Ai đi trên nẻo đường trơn
Còn mang một chút u-buồn trong tim
Dù phương trời lạnh bóng chim
Vẫn cùng mây gió nhắn tin người thương
Tình ta như hoa hướng-dương
Dù cho vùi dập phong-sương vẫn bền

PHONG - SƠN

Sau khi phát hành thi tập
« Trăng canh Tâm sự »



NGÀY LÝ - TƯỞNG

truyện ngắn ● LÊ-HƯƠNG

BẢNH nhạc Tam biệt của tuồng hát cải lương thâu thanh vừa dứt tiếng thì hân ngã dài trên sàn gác ngoác mồm ngáp một cái gần trật quai hàm. Đêm nào cũng vậy, nhất là đêm thứ bảy, hân phải nghe ông hàng xóm mở máy phóng thanh hết tốc lực, từ 8 đến gần 12 giờ, « cho bà con trong đường hêm nghe chơi cho vui ». Tiếng kêu khóc của các nghệ sĩ trong mấy câu vọng cổ triển miên như

lời than thở của một gia đình có đám ma làm át cả tiếng nói chuyện của mọi người. Quả là một cái máy phát âm loại tốt nhất thế giới. Hân nhìn đồng hồ : 11 g. 45; hân kéo chăn đắp trên bụng, lè nè tuyên bố :

— Mai này xin ngủ đến 10 giờ rưỡi !

Hân nói như vậy có nghĩa là trong những ngày khác hân phải dậy sớm, chỉ trừ có ngày

NGÀY LÝ TƯỞNG

chúa nhật mới có thể « nường » thêm vài giờ. Ủ ! Thì hân là một công chức, còm còm ngày hai buổi sáng đạp xe đi, tối đạp về, tuy phận sự chỉ có 7 giờ 30 ở tại sở nhưng suốt ngày kể như hết ráo. Sáng loay hoay một lát là phải lên đường trước một giờ. Nhà hân thuê ở cách sở làm khá xa, hân phải để phòng chiếc xe thồ tá nằm vạ thình lình. 12 giờ về ăn cơm, nghỉ độ nửa giờ lại đi tới 6 giờ chiều. Bao nhiêu việc nhà hân để dồn lại giải quyết sau buổi cơm. Bảng thời khắc biểu ấy được áp dụng đều đều ngày này qua ngày khác, năm này tiếp năm kia. Hân thêm một giấc ngủ thêm vô cùng, nhất là một ngày chúa nhật nằm nhà đọc sách, ngủ trưa.

Vợ hân bỏ mừng xong, nghe hân tuyên bố làm vậy, bèn vỗ vai hân cho hân nường mắt lên, mà rằng :

— Ngày mai « ta » giặt mền và mừng, xin « mi » giúp ta một tay.

Từ ngày loại chuyện kiểm hiệp, quái hiệp tràn ngập hè phố thì bỗng dưng vợ hân gọi hân bằng « mi » và xưng « ta » mỗi khi... có vấn đề gì cần thảo luận. Hân

không phản đối, cũng dùng 2 danh từ ấy gọi là cho vui cửa, vui nhà.

Hân thờ phỉ một cái, nhắm mắt lại. Thế là đi dứt giấc ngủ ngon, biết làm sao tỏ ý không chấp thuận ? Nhà neo người, vốn vẹn có hân và vợ, vì tiền lương hàng tháng không cho phép hân thuê người giúp việc. Mà có việc gì để giúp chứ ? Hân có thể cẳng đáng tất cả những gì vợ hân không thể làm vào những giờ hân ở nhà. Thôi thì thức sớm, trưa ngủ bù lại vậy.

Trời chưa sáng hân, ông hàng xóm đã mở máy phát thanh nghe âm nhạc cổ pha âm nhạc mới. Hân cố bịt tai lại để thả hồn theo giấc mơ thình lình một giọng nói oang oang nổi lên, một giọng đàn bà đứng tuổi, âm thanh to hơn tiếng hát trong máy :

— Tiên sư nó, nó nuôi bồ mẹ nó thì phải hót cứt bồ mẹ nó chứ ! Bồ mẹ nó đi ra trước nhà người ta mỗi ngày bắt người ta hót hoài hay sao ? Tiên sư bố nó !

Hân bật cười đánh xet một cái, văng nước miếng ra gối. Thật là nghe nó hay còn hơn bản nhạc tá-pi-lu của Đài phát thanh. Đó là bà Tư bán đồ chơi trẻ em ngoài chợ, nạn nhân thường xuyên của ba

PHỒ-THÔNG — 183

17

con chó của một bà tư chức, một bà bán khô và một người mới mua nhà trong đường hẻm, mỗi sáng chúng nó đến trước cửa nhà bà « bình » ra một đồng to. Có lẽ chúng nó cho nơi đó là cái cầu tiêu của chúng. Thành thạo có con cao hứng đến trước nhà ông Liên gia trưởng làm một vài keo, chọc bà vợ ông ấy thò lộ can tràng, rằng :

— Tôi ở đây hơn mười năm rồi, tôi không biết chửi ai, không biết đánh lộn với ai chỉ biết năn nỉ thôi. Tôi năn nỉ ông nào, bà nào nuôi chó thì sấm câu tiêu cho chó ỉa, thả nó đi ỉa trước nhà tôi, tội nghiệp tôi phải hốt hoài như vậy !

Trong lúc ấy, mấy người chủ chó hẳn là sướng mê lên vì thắng chó của họ sao mà giống họ quá, khôn quỉ quá, cứ ỉa nhà người chứ không ỉa nhà họ. Thế nào họ không khen thắng chó một câu và cười mấy bà to mồm mắt thì giờ nói láp giáp vô ích. Chười xiên xỏ làm gì, họ nghe quen rồi, nghe từ lâu rồi.

Hắn kéo vạt áo chùi miệng, ngồi dậy cuốn mùng, ôm mền bỏ vào thau. Tiếng te-te náo nức 6

giờ. Hắn mở cửa, đem chiếc xe đạp ra ngoài để dựa vách. Ngay chỗ hắn đứng, một vũng nước vàng chạch còn nổi bọt lênh bênh. Hắn tiếc mình không phải là Bác sĩ nên không biết phân chất xem là của người ta hay của chó. Hắn muốn bắt chước hai bà kia « vãng » lên một câu, nhưng tìm mãi không ra danh từ nào « văn chương » hơn, nên lẳng lẳng múc nước quét rửa. Hắn vừa dựng cây chổi vào góc bếp, thì nghe vợ hắn nói :

— Cái gì thúí quá vậy mi ?

Hắn hình mũi lên, hít lia lia, rồi xác nhận :

— Ủ ! Có mùi thúí, hình như... của người ta thì phải.

Hắn ra cửa mở cuộc điều tra cấp tốc. Hắn thấy 5, 6 bà cầm chổi và lon nước rửa một khoản đường trước nhà mình, vừa rửa vừa rửa liền miệng. Hắn soát lại trước nhà hắn thì thấy ngay một bệt vàng vàng do bánh xe đạp tha vào. Thì ra ngoài đầu hẻm có kẻ nào « tương » ra một ờ, rồi ông nào đạp xe không thấy, cán nhảm đem rêu rắc khắp nơi. Hắn đoán chừng tác giả mấy « ờ » đó là mấy ông, mấy bà bán trái

cây ở tỉnh lên từ đầu hôm, ngủ tạm trên lề đường trước chợ chứ không ai. Hắn lại cầm chổi và lon nước lần nữa.

Tiếng nước dội xuống thau gọi hắn vào bếp. Vợ hắn bắt đầu giặt đồ để phơi cho kịp khô. Vừa tiếp vợ, hắn vừa làm bầm :

— Giặt xong, ăn, rồi nằm nghỉ một chút.

Hắn biết trước như vậy vì vợ hắn sẽ đi chợ, hắn được nằm nhà để coi chừng nhà. Hắn tính nhằm rằng giờ đó mà chộp mắt được năm mười phút thì khỏe xác lắm. Nhất định hắn sẽ ngủ trong lúc vợ hắn mua thức ăn. Tưởng tượng đến niềm vui sướng ấy, hắn hoạt động rất hăng. Công tác chấm dứt, hắn xem vừa đúng 8 giờ 30. Nhồi 5 đồng xôi, nốc ly nước lạnh, hắn khóa xe đạp, khép cửa, lăn kèn ra ván. Chà ! Nó khỏe lưng làm sao ấy. Hắn mở quyển sách để tìm giấc ngủ, đột nhiên nhiều tiếng-la ó giạt bản hắn ngồi dậy. Ngay cửa hắn, một nhóm trẻ con vây quanh một người mặc quần áo rằn đang nhìn vào căn nhà đối diện, nét mặt hăm hăm. Cảnh ông ấy có hai thiếu phụ chân nhảy tung tung, say xỉn xối, miệng tuông hàng dọc của không ngon

tặng cho gia đình kia. Tức thì đối phương ứ ứ, chiến ngay với lực lượng khá hùng hậu : người chồng, bà vợ và 4 cô con gái. Bên này tung ra ngón gì, bên kia quăng ra ngón khác có phần ác độc hơn. Ban đầu là những món ăn kể đến là vấn đề sinh lý, người này kêu gọi kẻ quá cố của người kia mà ép vào những cuộc ái ân loạn xạ. Người chồng có vẻ hăng hái hơn hết, quát to hơn hết và nói nhiều hơn hết. Đến lúc tình hình căng thẳng đến cùng độ thì ông ta xông ra cửa. Khán giả định nịnh rằng phen này là màn cuối cùng để giải quyết vấn đề bằng một trận đấu vô ngoạo mục, nhưng vừa chạm phải nét mặt lăm lì của ông mặc quần áo rằn thì ông ta hoành thân theo thể võ « Tôm bản lúi » rút lui vào tận phòng ngủ. Bấy giờ ông áo rằn mới phát ngôn :

— Tôi muốn thắng đàn ông đó ra nói chuyện với tôi chơi mà thôi. Đàn bà làm mệt tai lắm ! Tôi muốn thắng đàn ông ra đây.

Thắng đàn ông đó thân hình ốm như cây sậy, mặt mày xám ngoét ngồi im lặng trong phòng, mấy mồm hình như bị liệt thỉnh linh. Thiếu một đơn vị, trận tuyến bị thủng, cuộc

chiến tỏ ra kém thế rõ ràng, dần dần phần thắng nghiêng về phe ông áo rằn. Như vẫn chưa hài lòng, ông ấy cứ nhắc đi nhắc lại nguyện vọng của mình :

— Tôi muốn thắng dần ông ra đây nói chuyện chơi.

Hình như lời nói một cách bình tĩnh ấy có hiệu lực làm kẻ đối thủ tự động chịu thua nên trong nhà im hẳn. Phe tấn công ở ngoài buồn tình vì không có người múa mép nữa, cũng rút về nhà. Tấn kịch hạ màn có hơi lảng xạt.

Đám trẻ con làm khán giả miễn phí từ phút đầu tỏ vẻ không vui, liền xoay ra bày trò chơi ngay đấy. Con đường hẻm từ ngoài đi vào đến đây tự nhiên phình ra như cái bụng đàn bà chữa, tạo thành một nơi tụ họp lý tưởng của mấy mươi cái con trong xóm. Chúng chơi đùa bất kể giờ giấc, bất kể lời rầy la của thiên hạ. Muốn đuổi chúng, có bà nghĩ ra một sáng kiến : đổ nước đầy mặt sân. Chúng chịu thua, tản lạc vài phút, chờ sân khô liền trở lại như cũ.

Hắn nằm xuống, cầm quyển sách. Hắn tính ra đã mất non

một giờ. Máy phát thanh cạnh nhà rú lên một bản nhạc Charabia do Ban kịch động « Cu, Cò, Cú » trình bày. À ! Hắn phải chịu đựng cho hết phần tuyên lỵ tại tử mới mong chợp mắt. Hắn nhớ có lần thấy một nhạc sĩ đứng đàn ghi-ta Hạ-uy-di, cây đàn được cột giây choàng lên cổ, để ngang bụng, ông ta vừa khảy vừa nhún nhảy, thỉnh thoảng lại « Hộc » lên một tiếng ; báo hại hắn cứ giạt mình thon thót từng cơn. Hắn vươn vai vặn mình rôm rốp, cố bắt óc nghĩ chuyện khác, nhưng tiếng hét của ông nghệ sĩ như quất vào tai hắn từng chập. Đồng thời ngoài sân nhiều tiếng trẻ ó lên một lượt :

— Hè ! Hè ! Hè ! ... Hè ! Hè ! Hè ! Hắn ngồi dậy hé cửa xem. Đám « ông nhỏ » chơi trò biều tình. Hai đứa cầm hai mảnh cờ rách, hai đứa căng một tấm vải làm biều ngữ đi trước, một toán hơn mười đứa theo sau, vừa la như đánh nhịp. Đoàn trẻ xuất phát từ khoảng đường rộng tiến ra đường nhựa đi vòng quanh đồng rác cao tú ụ rồi trở vào. Nhiều người thò mặt ra xem, mỉm cười khiến chúng háng hái la lớn hơn. Bốn đứa cầm đầu kêu gọi mấy

đứa khác gia nhập thêm để đi luôn qua đường hẻm kế cận. Nhưng khi trở về tới nơi xuất phát thì một trận mưa roi mây, cán chồi của cha mẹ chúng tưới vào đất chúng. Đoàn biều tình phút chốc rã tan như bị lựu đạn cay. Đường hẻm được yên tĩnh trở lại. Hắn thở phì một hơi dài, ngả dài trên phản, mỉm cười nghe cậu nhỏ rao bánh mì như ca âm nhạc cái cách :

— Bánh mì, Bánh mì, ơ ! ơ !
ơ ! Bánh mì, bánh mì ngọt, ơ !
ơ ! ơ ! lát .. Bánh mì, bánh mì...
ơ ! ơ ! ơ !

Vài đứa trẻ mon men chạy theo, cười rộ lên. Chúng lấy cờ ấy để họp lại bày trò khác.

Hắn cầm quyển sách mở trang coi dở; chợt nghe cửa mở kẹt. Vợ hắn đi chợ về. Hắn ngồi dậy đón cái xách đem vào bếp. Người đàn bà hình như chỉ chờ gặp mặt chồng để trút những nỗi bực tức vừa thấy và nghe ngoài chợ. Rằng :

— Cái gì cũng lên giá. Không mua người khác giạt liền. Nói bao nhiêu phải mua bấy nhiêu, trả giá thì bị háy, nguýt.

Rằng :

— Món này hồi đó bao nhiêu, bây giờ bao nhiêu...

Hai danh từ « hồi đó » và « bây giờ », được nhắc đi, nhắc lại ở mỗi món hàng như tiếng trống « tùng-tùng » đem bản nhạc lai căng.

Hắn gât gù ra về tán thành, những lời báo cáo của vợ, không biết nói gì hơn. Một lát, mỗi miệng, vợ hắn cự hắn :

— Người ta nói vật giá lên cao, tại sao mi không nói gì hết, cứ tỉnh bơ vậy ?

Hắn giạt mình, ngạc nhiên nhìn vị Hoàng hậu của lòng hắn mà rằng :

— Ơ ! Ơ ! Ừ , thì giá lên, lên giá. Ừ ! Thì tại sao mi không tìm cái món hồi đó mà mua, sao lại mua cái bây giờ chỉ cho nó mắc.

Hắn thường áp dụng lối trình bày ý kiến loại ấy với vợ. Ban đầu người đàn bà nổi gân cổ cãi lý với hắn, sau dần nhàm quá, mụ trả lời bằng phương pháp làm thinh, dòm chỗ khác hay nhắm mắt lại không thèm ngó hắn. Mụ xuống bếp làm cá, lảng lạng như mọi khi. Hắn không dám cười to, lòn lòn nhowi mình trên ván. Vợ

hắn có dịp « trả đòn » lại, hỏi vọng vào :

— Ngủ hả mi ? Lên gác trở đồ phơi cho mau khô. Chiều nay mưa đấy.

Hắn xác nhận lời nói ấy rất có lý vì mừng và mền không kịp kịp thì đêm nay vợ chồng sẽ đắp chiếu. Hắn ngồi đây thì hành công tác đoạn trở xuống cầm cuốn sách chỉ cho vợ xem, vừa nở một nụ cười khà, khà. Người đàn bà liếc thấy biết ngay là người đàn ông sắp nằm đọc sách, bèn trả lời bằng cách chỉ tay vào lu nước. Nhìn hai tay vợ dính đầy máu cá, hắn gật đầu, cất sách, múc nước đổ vào chậu. Đồng hồ gõ mười một tiếng, hắn nói khơi khơi :

— Nằm một chút cho khỏe xác coi nào!

Còn những 60 phút nữa mới ăn cơm, trong lúc vợ nấu nướng hắn có quyền kèn một giấc chứ ! Chủ nhật mà ta. Hắn ngồi trên ván, sửa soạn ngã lưng chọt nghe tiếng kêu của một Hoa Kiều :

— Chờ ơi ! Chếch ngộ đời ! Tiếp đó là tiếng xe lạt và tiếng thùng đồ xuống đất. Hắn ra cửa, thấy người bán lương chở đầy một xe ba bánh các loại tương đến giao cho bà

Xâm bán lẻ ngoài chợ. Nhà bà ấy ở xéo nhà hắn. Thùng tương để phía ngoài ngã chổng kèn, há một vũng ra đường hẻm. Đó là loại tương thập cầm, thường dùng với phở bò. Trẻ con xúm lại vây vòng quanh nói, cười âm ỉ. Hắn tiếc rỏ với vợ :

— Ngăn ấy tương vài ra, đắt có hơn 5 ký, bộn xu đấy. Uống quá !

Hắn thắc mắc không hiểu người bán tương hốt bỏ ở đâu thì ngay khi ấy, trước mắt ngạc nhiên của mọi người, ông Ba Tàu dụi hai bàn tay vết đồ lại vào thùng rồi giao cho bà Xâm. Hắn nhớ rõ ràng ban sáng ngay chỗ ấy, bà Xâm có quét rửa bột vàng vàng do chiếc xe đạp và danh tha từ ngoài đầu hẻm đem vào. Hắn dụi mình lăm bằm :

— Sau này không ăn phở với tương nữa, nhất định ăn với nước mắm.

Hắn nằm xuống, mở sách ra. Máy phóng thanh của ông hàng xóm cho nghe một câu vọng cổ. Tiếng đờn cô, đờn ghi-ta hòa với giọng của nàng ca sĩ nghe như lời than thở của một thiếu phụ khóc chồng vừa chết vì bệnh dịch

ta. Thành linh tiếng trống nhạc Tây nổi lên : xập xình, xập xình xập xình, tiếng kèn tồ le, tiếng nhịp lốc cốc cụp, lốc cốc cụp, nàng ca sĩ đang buồn vụt vui lại « mần » mấy câu âm nhạc mới nghe tươi như chồng nàng vụt sống dậy. Nhưng chỉ vui có mấy câu, nàng buồn ngay, khóc tiếp câu vọng cổ như chồng nàng lại ngã xuống chết lần thứ nhì.

Hắn thở dài nghĩ đến nhà thương Biên Hòa có lẽ nay mai sẽ có thêm nhiều thân chủ gồm những nhà soạn giả đại tài kiêu ấy và những thính giả trung thành của họ. Hắn mơ màng theo lời ní non, ai oán, chọt vai hắn giật mắt hắn mở ra. Vợ hắn nói nhanh

— Trời sắp mưa, đem đồ vào. Ta mắc ghế nời cơm.

Hắn choàng dậy, phóng lên gác. Tác động này rất có hiệu nghiệm đối với cơn buồn ngủ. Hắn tỉnh táo hơn bao giờ hết, làm việc nhanh nhẹn, thoáng cái đã xong. Hắn nghĩ thầm : « Ăn cơm rồi sẽ hay. Hà ! Hà ! Tới chiều ! Tới chiều ! » Hắn vụt nói to :

— Tới chiều !

Vợ hắn hỏi :

— Mi nói gì tới chiều ? Cơm chín rồi nè ! Ta nấu có trễ đâu.

Hắn cười xoa lấy má, chén. Trời bắt đầu mưa. Bầy trẻ rút lui hết. Đường hẻm vắng tanh. Hắn cho rằng ông Trời biết thương hắn khéo chọn giờ này đuổi đám oắt về nhà cho hắn ngủ trưa. Hắn phát họa cảnh lặn kèn ra ván đập cái áo lạnh kéo một giấc thẳng tới chiều. Ôi chào ! Còn Trời.

đất gì nữa. Mưa mỗi lúc một to thêm. Khi hắn dùng xong bữa thì nước tuông như thác. Vợ hắn mừng quỳnh lên, hối thúc hắn lấy thùng hứng để dành, còn mẹ th. lấy đồ nghề rửa nhà, chùi gạch. Căn nhà hắn thuê bề sâu chỉ có hơn 4 thước, ngang 4 thước 50, phía sau có một dãy nhà xây mả. ra đường xe lửa. Hắn nghe thiên hạ đồn dãy nhà ấy đã nhận được giấy phải dời đi vì chính phủ sẽ bỏ thiết lộ làm đường nhựa. Có lẽ vì vậy mà ông chủ căn nhà ngay xối, kể mỗi lần mưa to thì nước chảy tràn vào nhà ông ta và nhà hắn.

Hứng đầy lu rồi, hắn xoay qua quét nước bên kia chày qua. Quần quật đến khi mưa dứt hột, hắn xem đã gần 2 giờ. Hắn lau mình

mặc áo, nằm thẳng cẳng. Hấn ngáp dài một cái, uốn mình nghe cùm-cụp. Thôi nhé ! Thôi nhé ! cho hấn xin vài mươi phút bình yên nhé. Hấn ngáp cái nữa, mở mắt hết lên. Thành linh có tiếng trẻ khóc rống lên ngay cửa hấn :

— Má ơi ! Má ! Hự ! hự ! Má ơi !

Hấn giật mình ngồi dậy hé cửa thấy một ông nhỏ đang tập một ông khác già khóc như bị đòn thiệt. Hấn nổi xung lên, mở vạt cửa ra thì hai ông đã vọt chạy biến đi. Trở lại ván, hấn rá rời nằm mẹp xuống, chưa kịp kéo chăn đắp ngực, thì ngoài đường một ông nhỏ khác vừa đi ngang nhà hấn vừa đá một cái ống lon không, kêu ròn ròn. Hấn chưa hết giận hai ông trước, liền ngồi dậy mở cửa, ông nhỏ đã đi khỏi nhà hấn bị bà Phán già mắt nhắm, mắt mở hé cửa chửi :

— Tiên sư bố mi !

Tức thì ông nhỏ họa lại

— Tiên sư bố mi !

Rồi thân nhiên tiếp tục đá cái lon đến đường nhựa.

Vợ hấn dọn dẹp trong bếp xong đến ván nằm, gọi hấn :

— Hơi đầu mà giận chúng nó ? Nghỉ đi mi !

Hấn đóng cửa, nằm canh vợ. Người đàn bà lấy áo lạnh đắp cho hấn, ra chiều thân mật lắm. Hấn cảm thấy sung sướng quá nhắm mắt lại để tận hưởng, chợt vai hấn giật, mắt hấn mở ra. Vợ hấn hỏi :

— Hồi sáng bên nhà anh Hai có đánh lộn phải không ?

Chà ! Diễn lại tấn, tuồng này thì còn thì giờ dân mà nghĩ ? Hấn lè nhè đáp :

— Mi bảo ta nghĩ mà còn bắt ta kể chuyện, để tối ta sẽ nói, được không ?

Hấn nhắm mắt lại, nhất định không ngôn lời nào nữa.

Ngoài đường hẻm, ngay chỗ phình ra như bụng chứa có tiếng đàn bà hỏi to :

— Có phải nhà này không ? Có phải nhà này có mấy cô nhỏ nhỏ không ? Đây mấy cô có làm biếng quá thì đi lấy Mỹ mà ăn đừng có ăn dơ, ở đây quá vậy.

Rồi bà phân bua với hàng xóm :

— Bà con nghĩ xem các cô ở trên lầu đi ia gói lại bỏ trên nóc nhà tôi ngay phía sau, tôi bắt

được rõ ràng, bây giờ lại quăng một con chuột chết thối boảng trước cửa tôi nữa. Ai đòi con chuột được gói cẩn thận, báo hại trẻ con tưởng quà, bánh dành nhau mở ra !

Các thính giả bật cười ò lên. Bà ấy càng tức giận :

— Ăn ở gì mà thất nhơn sát đức như vậy ? Hết cút tôi chuột chết, ai chịu cho nời ?

Trên lầu cạnh nhà hấn, có tiếng đàn ông nói :

— Ai liệng chuột hồi nào bao giờ mà bà bảo chúng tôi ? Bà xem chúng nó đang ngủ kia.

Bà nọ vẫn khẳng khẳng :

— Làm sao tôi biết mà rình để bắt tại trận ? Tôi bắt được một lần quăng cút thì nhất định lần này cũng mấy cô đó quăng. Tiên sư chúng mày có làm biếng thì đi lấy chông Mỹ mà ăn.

Căn lầu cạnh nhà hấn vốn vẹn lối 14 thước vuông mà chứa vừa lớn vừa nhỏ 10 người. Cầu tiêu, nhà tắm đi chung với tầng dưới. Có lẽ vì ngại lên thang, xuống thang, nên chủ nhân dọn hết lên trên, dùng hành lang làm sàn nước, cầu tiêu, chứa rác, hằng ngày tuông nước dơ xuống cho hấn

thường thức luôn luôn.

— Tiên sư bố chúng mày...

Trên lầu hình như không chịu được, vũng phát âm lên :

— Tiên sư con già nói bậy, bà đánh bỏ mẹ bây giờ.

Một trận đấu khẩu nổi lên có mùi kịch liệt hơn tấn kịch ban sáng. Bà bắt được con chuột chết thấy đối phương đưa ra nhiều lý lẽ chắc nịch, chứng minh rằng mình trong sạch, nên thiếu lời buộc tội, từ từ rút lui. Các chiến sĩ trên lầu, không muốn kéo dài câu chuyện để thiên hạ biết nhiều về « dĩ vãng » của mình nên buông khí giới tức thì. Bà kia vẫn chưa hết tức vừa đi vừa tuyên bố không ngừng miệng rằng bà cương quyết giữ vững lập trường.

Hấn bật cười nghĩ rằng nếu quả nhà hàng xóm không phải là thù phạm thì kẻ gieo tai họa chánh thức hấn là đang cười dài một mình như Không Minh xem Tào Tháo đánh với Châu Do.

— Cười gì vậy ? Ngủ đi.

Nghe vợ nói, hấn ngồi dậy :

— Ngủ quái gì nữa ?

Hấn có tật như thế, buổi trưa chập chờn một vài phút hé giạt mình thì hết ngủ được. Hấn hé

cửa. Đám trẻ con tụ họp, đủ mặt trong sân vây quanh hai đứa đang đấu chường với nhau, vừa vỗ tay khuyến khích ăm ỉ. Hai tên diễn trò bắt chước mấy ông kếp cải lương xuất thần hát một lớp kiếm hiệp. Khách giả nổi hăng xúm lại gỡ hết một tấm lưới sắt làm kiếm làm gươm, chia nhau từng cặp trở tài. Đánh chưa được mấy hiệp, thỉnh linh một vài ngọn roi quất vào đất liên hồi. Thì ra ông Tàu chủ tấm lưới, nóng ruột bắt thường chúng bằng phương pháp ấy. Hấn thấy ông ta múa roi giữa bầy oắt ra vẻ như một tay kiếm khách tài nghệ đến bậc thượng thừa đang ra tay áp đảo quần hùng.

Khoảng rộng của con đường hém vắng khách. Hấn không còn gì để xem, quay vào cầm quyển sách. Hấn lật đến trang đọc dở chợt nhớ đến mấy món đồ giặt phơi chưa khô, bèn đi xuống phóng lên gác. Trời ngả bóng nhưng ánh nắng vẫn còn khá gay gắt, hấn tính nhàm có thể khỏi đắp chiếu đêm nay. Dưới nhà vợ hấn sửa soạn nấu cơm. Hấn làm bầm : « Tối nay ngủ sớm, bây giờ đọc sách chờ ăn. » Thì giờ của hấn dùng rất khéo, đâu ra đấy, cũng như chương trình của hấn

vạch mỗi ngày. Hấn mở rộng cửa, kéo cái ghế dài gần chỗ ánh sáng, nằm xuống, mở sách ra. Mắt hấn chưa « đặng » chữ nào đã « vấp » phải hình dáng cao lêu nghêu của ông Sáu ở xéo nhà hấn từ trong phòng vọt ra vừa quát :

— Tờ mẹ tàn nhẫn ! Mày là con tàn nhẫn số một trên thế giới. Tờ cha tàn nhẫn. Mày vét tao hết hầu bao rồi còn về nhà làm giặc.

Ông Sáu chửi bà Sáu vì bà Sáu ghen ông Sáu có vợ bé. Có lẽ bà Sáu thủ hết số tiền của ông Sáu nên ông Sáu mới nổi thù lâu làm vậy.

Ông Sáu thấy bà Sáu làm thỉnh thì phẫn khởi thêm lên :

— Tờ cha tàn nhẫn. Ban đêm mày gõ mõ cụp, cụp, cụp, ban ngày mày lục sạch túi tao. Tờ mẹ tàn nhẫn.

Ông Sáu lấy ghế ngồi ngay cửa la oang oang, không để bà Sáu bất ngờ lạch bạch chạy ra xô ông Sáu té chổng kèn, đoạn vói theo đám thùm thụp trên lưng ông Sáu.

Sau một phút thắm đờn, ông Sáu bình tĩnh vùng dậy trả miếng. Hấn không thể làm ngơ, vội quăng sách, bước qua con hai vó sĩ. Chận đứng lại được trận đấu rồi, hấn về nhà dọn cơm.

Bấy giờ hấn cất sách vào tủ về đêm xuống, nhà hấn thấp đèn dầu không đủ ánh sáng để xem. Hấn ghé thăm, không đọc thì ngủ sớm bù lại giấc trưa. Hấn cho rằng tối chưa nhứt Đài Saigon không có tuồng hát cải lương thanh, chắc ông hàng xóm không mở máy, nhưng hấn không biết chương trình các đài ở gần vẫn có như thường. Quả nhiên, hấn lại phải nghe hết một mùng hát tình cảm, đã sử Á-rập mới ngả oách tấm thân thước rươi trên sàn gác. Hấn nhìn đồng hồ 11 giờ 45. Hấn cảm thấy khỏe

rog, khỏe cò, khỏe các khỏe xương tay và chân vô cùng. Hấn nhắm mắt, ngáp dài một cái, uốn mình nghe cùm cụp. Vợ hấn giăng mùng, đắp chăn lên bụng hấn, đi đèn. Hấn mơ màng thả tâm hồn chơi voi theo mấy bài ca vọng cổ trong tuồng hát, thấy mình đang đi theo một đám ma nghe thân như kẻ quá cố khóc ni non theo tiếng đàn cò ò c, òn òn, thỉnh linh vợ hấn vỗ vai hấn tỏ vẻ rằng :

— Sáng mai thức sớm đi chào cò, nhớ cái thùng rác nghe mi



* Tại vì ...

Một đôi trai gái ngồi tâm sự trên băng ghế trong sở thú. Trời đã tối và cũng tới giờ đóng cổng. Một viên cảnh sát bước lại ôn tồn hỏi :

— Nay hai ông bà, cả hai ông bà đều cưới hỏi rồi chứ ?

— Lễ dĩ nhiên, người đàn ông đáp.

— Nếu vậy ông bà còn ngồi ở đây làm gì ? Sao không về nhà cho rồi ?

— Không thể được, người đàn ông đáp, bị « kẹt » vợ tôi ở nhà ...



CÁI RĂNG

● KATINKA LOESER
★ NHÀ-ĐIỀN dịch

H ẮN đập cửa sau vào, lấy chân đóng cửa lại, xô ghế làm người ta chú ý tới nó, ngồi lên đó, hai tay chống vào cằm, và chăm chú nhìn thẳng ra phía trước. Nó tám tuổi. Đôi giày cao cổ, đế cao su màu trắng của nó bần hết chỗ nói; đầu dây giày đã biến mất từ lâu, dây giày cũng bắt đầu xạc xơ. Ống quần kaki nhàu nát, và áo sơ-mi màu trắng của nó được cầu thả vắt trên vai.

Tóc nó màu chanh và khuôn mặt lấm đất của nó là màu, là chất liệu, là nhiệt độ của một trái đào chín vừa rớt từ trên cây xuống

Nó kết luận nói:

— Đừng có đợi thấy con ở Thiên đàng.

Tôi mở máy nước lạnh và trả lời:

— Ừ.

Nó hít và nói:

— Mẹ bảo là mọi người đều lên Thiên đàng. Mọi người có nghĩa là cả Sid nữa

CÁI RĂNG

Nếu Sid lên, con không lên.

Tôi nói:

— Thôi, con; bố mẹ sẽ nhớ con.

— Có chắc là mẹ nhớ.

— Còn có lý do nào mà quyết định như vậy?

Nó cay đắng nói:

— Mẹ lúc nào cũng nói như vậy. Có lý do nào không? Con sẽ bảo là có.

— Cho mẹ biết với.

— Mẹ nghe đây này. Con sẽ không đi tới đâu với thằng khốn đó.

Tôi bảo nó!

— Trên Thiên đàng thiếu gì người, con đâu có cần phải chơi với nó.

— Ha, Với sự may mắn của con, chúng ta lại ở đối diện với nhà hần. Mẹ đâu có cần để ý tới đó.

— Có chứ, mẹ chú ý tới.

Nó hỏi:

— Vậy sao Mẹ không nghe.

Tôi trả lời nó:

— Mẹ có nghe, mẹ có thể

vừa nghe vừa rửa rau.

— Thật thế à.

Tôi bỏ rau xuống, quay lại nhìn nó:

— Được rồi, mẹ nghe đây.

Nó nhìn lên mà không di động cái đầu. Nó hỏi:

— Trên Thiên đàng có gì vĩ đại vậy? Thiên đàng giống như thế nào?

Tôi nói:

— Con đi học giáo lý ngày chủ nhật, hần con phải biết chứ.

— Ồ, chắc chắn rồi.

— Vậy ở đó con chưa nghe nói gì về thiên đàng à?

Nó trả lời ngẩn ngứ:

— Chưa.

— Vậy con tới đó làm gì?

Nó thở dài:

— Ô, lấy ống trong lâu thuốc làm thành hình thiên thần. Tổ màu.

— Có thể Thiên Đàng cũng hơi giống những hình mà con tô màu.

— Gì nữa?

— Mẹ nghĩ Thiên Đàng cũng giống như đồng quê. Con biết chứ, giống như cảnh miền quê ở quanh đây khi chúng ta đi về đó dạo chơi.

— Vô lý. Thế người ta ở đâu? Không có nhà à, không có cái gì khác, không có những bin-đinh to lớn?

— Có, mẹ nghĩ là có. Có thể đó là một thành phố lớn giống như Nữ ước. Thiên đàng hẳn là phải đẹp, phải thế không con?

— Nữ ước. Nữ ước. Nữ ước. Ai mà muốn đi Nữ ước!

— Con muốn.

— Nếu con được đi xe lửa, Nữ ước là chỗ của những kẻ ốc-banh.

Tôi hỏi:

— Ốc-banh là gì?

Nó vạy vẹo người một cách khó chịu.

— Ốc-banh là một tên phản đoàn.

Tôi ngạc nhiên khi thấy

đứa trẻ như nó lại biết dùng chữ «phản đoàn», đó là một danh từ có nghĩa xấu, hoàn toàn khác hẳn nghĩa nguyên thủy. Tôi hỏi:

— Con có hiểu phản đoàn nghĩa là gì không?

Nó nói, hai tay giơ lên trời

— Con đâu hiểu kẻ phản đoàn là gì?

Tôi bảo nó:

— Đó là người không chịu lẫn công khi nghiệp đoàn kêu gọi đình công.

— Người không lẫn công. Nếu đó là điều họ làm, thì không có gì lạ khi người ta gọi họ là kẻ phản đoàn. Sid là thằng phản đoàn. Những cái vết chấm trên mặt, mẹ là cái gì vậy?

— Đó là lỗ chân lông. Con thấy không, trên da con cũng có lỗ chân lông, để cho da thở.

— Ai lại chú trọng tới lỗ chân lông? Đó là tất cả những gì mẹ nói. Lỗ chân

lông. Lỗ chân lông. Lỗ chân lông. Con cho là lỗ chân lông cũng lên Thiên đàng. Tại sao, mọi người lại cứ phải lên đó dù là có người không muốn.

Tôi nói:

— Có nhiều người tin là không phải tất cả mọi người đều được thế. Có một số người không được phép lên đó.

— Ai không được phép lên?

— Ô, tất cả những người nào xấu.

Hắn la lên:

— Vậy à! Con cũng nghĩ như vậy. Vậy thì thằng Sid sẽ không được lên đó.

Tôi quả quyết nói:

— Tất cả mọi người.

— Cả Bobby nữa? Nó là Do Thái. Họ không tin Thượng Đế.

— Ai nói thế?

— Ô, cần gì phải biết ai nói. Con mong chúng mình là Do Thái. Họ có nhiều ngày lễ, họ nghĩ học nhiều hơn ai.

Dù sao, con cũng hải lòng chúng ta không theo đạo Thiên chúa, giống như thằng Sid vậy.

— Nhưng chúng ta có đạo mà.

— Thế đó.

Nó nắm tay đập xuống bàn.

Tôi nhắc nó:

— Con vẫn chưa cho mẹ hay là tại sao con lại ghét thằng Sid.

Nó đứng thẳng lên:

— Nó ăn cắp đồng bạc của con.

— Đồng bạc nào?

— Mẹ biết đó. Đồng bạc mà sáng nay con có, khi con để cái răng ở dưới gối của con hồi đêm qua.

— Ủ nhỉ, nhưng tại sao con lại không cho mẹ hay là con có một cái răng để chơi. Mẹ cũng không hay biết gì cho tới khi con đưa cho mẹ xem tối qua, trước khi con đi ngủ — Và bây giờ con vẫn chưa cho mẹ

biết con lấy cái răng đó ở đâu.

Nó thờ dài.

— Không cứ cái gì con cũng phải nói cho mẹ nghe. Con đâu có phải là trẻ nít, mẹ biết chứ.

— Đừng có khùng. Mẹ tự hỏi, có thể thôi. Tại sao thằng Sid lại ăn cắp tiền của con.

— Nó lấy ở trong tay con khi con đưa cho nó xem.

— Tại sao con không lấy lại?

— Mẹ biết là nó to lớn hơn con.

— Mẹ nghĩ là mẹ không thể làm gì giúp con được. Hình như đó là chuyện của con, mẹ rất tiếc.

Nó nói!

— Chắc rồi, mẹ rất tiếc. Chỉ nghe thấy mẹ nói như vậy thôi. Mẹ rất tiếc. Nhưng mẹ không có làm gì giúp con cả. Mẹ chỉ đứng đó và rủa rêu.

— Con cứ trốn ăn cơm không?

— Không. Không còn muốn nữa. Cơm tối có gì không mẹ?

— Có thịt nấu.

— Hừ!

— Giờ có thể mẹ đi nấu ăn được chưa?

Nó nhún vai rồi nói:

— Mẹ này, mẹ biết nói là có người nghĩ là những kẻ xấu xa sẽ không lên Thiên Đàng. Mẹ hãy kể tên những kẻ xấu xa đó. Con nghĩ họ đã chết cả, như con thấy trong vô tuyến truyền hình vậy.

— Mẹ cho là không. Hãy còn đầy những kẻ độc ác ở quanh.

— Mẹ bảo sao?

— Họ nói dối, ăn cắp và làm hại kẻ khác.

Hắn lấy ngón tay chỉ tôi.

— Ha, ha, thằng Sid ăn cắp.

Tôi nói:

— Con nghe đây này. Mẹ thấy thằng Sid nó có vẻ ngoan lắm. Mẹ không tin là

nó ăn cắp tiền của con.

— Mẹ luôn luôn nghĩ trẻ con là ngoan.

Tuy nhiên không bao giờ mẹ nghĩ con mẹ ngoan. Không, không. Và mẹ không bao giờ đòi hỏi cho con mẹ đồng bạc.

— Con nghe đây này. Mẹ có nghĩ là con mẹ ngoan. Mẹ cũng biết là con mẹ không ăn cắp, không nói dối không làm hại người khác.

— Mẹ biết à? Mẹ biết điều đó?

— Dĩ nhiên. Tại sao con không chạy đi tìm thằng Sid và bảo nó trả con đồng bạc.

Nó nói:

— Có thể chốc nữa con sẽ đi đòi.

Tôi nói:

— Chốc nữa sợ là quá trễ. Con con phải ăn cơm, và mẹ tin chắc rằng con vẫn chưa làm hết xong.

Nó tụt xuống khỏi ghế và đứng bên tôi, trong khi tôi mở gói thịt ra và bắt đầu cắt thành miếng nhỏ. Nó đứng sát lại gần và nói:

— Mẹ à, chuyện gì xảy ra với cái răng mà con mất đồng bạc.

Tôi nói:

— Mất rồi. Con có đồng bạc thay vào cái răng mất.

Nó nói:

— Con hiểu.

— Thôi bây giờ chạy đi đòi tiền đi. Hãy bảo thằng Sid: Đó là đồng bạc của tao mà tao mày trả tao đi!

Nó nói:

— Đó mới là rắc rối.

— Rắc rối gì?

Nó ngược nhìn tôi và cười nhưng một nụ cười ngắn lẻ.

Nó nói:

— Mẹ à, cái răng đó là của thằng Sid.



Tôi động đình hồ

Nhìn nhau hoa bưởi nở thêm
vô tình ai hát quên đêm sẽ về

thủy tinh xanh ngọt lựa kẻ
tóc tiên ngợp ngổ nở mè hờn người

thu tàn tiếng động âm ôi
êm êm chiều ủ rũ đôi chim gù

gợn gâng cành rủ lá khô
rụng rơi rất nhẹ như xô sẽ sàng

nhớ nhung cổ trắng tay quàng
vòng vo sớm muộn gì nàng cũng xa

o em chim chóc bay là
lá non thôn thức nghe nga hát buồn



SAU LƯNG THÀNH PHỐ

Truyện
ngắn

BÙI
KIM ĐÌNH



D U Y dựng xe Vespa ở lề đường rồi bước vào công viên. Lúc bấy giờ đã khuya nên bờ sông vắng bóng người. Gió thổi nhiều, hơi lạnh, Duy kéo cao cổ áo, châm thuốc hút rồi ngồi xuống ghế đá. Duy ngồi yên như thế đã lâu lắm, lơ đãng nhìn về phía trước. Bên này bờ một thành phố cực kỳ rực rỡ. Bên kia sông, một vùng ánh sáng le lói chập chờn. Duy thăm nghĩ, ánh sáng nhỏ nhoi, khiêm tốn bên kia sông, khác nào đời sống cực nhọc khắc khoải của những người nghèo, đang âm thầm sống trong xô tối thành phố, trên lề đường, góc chợ, tuy gần kề nhưng cách biệt rất xa thành phố phù phiếm xa hoa — thành phố ngự trị bởi tiền bạc và thế lực.

Một đứa nhỏ khoảng chừng mười tuổi, đầu tóc bù xù, phong phanh trong bộ đồ vá chằng chịt, mang một rổ đậu phụng ở ngang nách, bước lại gần Duy mời mọc.

Duy nhìn đứa bé ái ngại nói :

— Nhà cháu ở đâu? Căn tời giờ giới nghiêm rồi sao chưa về?

Đứa bé đặt rõ đạu phụng xuống nên cò lóng lánh sương đêm. Nó kỹ lưỡng nhét tiền vào túi rồi nhìn Duy trả lời :

— Nhà cháu ở kho Năm, cháu cũng sắp về bây giờ.

— Ba má cháu làm nghề gì? Duy hỏi đứa bé.

Đứa bé ấp úng trả lời :

— Ba má cháu chết cả rồi, cháu ở với dì dưỡng.

— Tội nghiệp ! Duy nói rồi xoa đầu đứa bé. Sau đó, Duy được biết đứa bé tên Xuân quê ở Bình Long. Gia đình nó đã cách biệt ly tan trong một hoàn cảnh cực kỳ đau đớn. Giữa bữa cơm, một trái đại bác nổ ngay trên nóc nhà nó. Ba má và chị, em Xuân chết ngay, chỉ mình nó sống sót.

Nhìn theo đứa nhỏ lăm lăm hun hút mất dần trong bóng đêm, Duy bỗng nghe một niềm đau. Hình ảnh của tuổi thơ trở dậy trong Duy mơ hồ mong manh như hình ảnh đứa bé lúc này. Tuổi thơ của Duy chỉ toàn là cay đắng. Ba má Duy mất sớm và không có người thân thích nên Duy đã cùng người anh từ bỏ quê hương ở miền rừng cao su để đưa nhau vào Saigon. Lăn lộn vào đời sống vật chất xô bồ từ nhỏ đại, sống vất vưởng trong cơ hàn tối tăm nhất, Duy đánh giầy, Sứ — anh Duy — bán báo. Đời sống ăn lè đường, ngủ hè phố đã giết đi rất sớm ở Duy những ước mơ trẻ đại. Khi mới bắt đầu cuộc sống thành phố, Duy thiết tha nhìn lên, mơ ước được sống trong vùng xa hoa, nhưng ước mơ ấy chỉ là đăng cay ảo tưởng. Thực trạng đen tối của đời sống đói no không phương tiện, không 1 dịp may, cho nên Duy chỉ là kẻ đứng bên lề. Trong khi đó, Sứ sống âm thầm cam nín và thực tế. Bên cạnh Duy đời sống của Sứ như một bóng mờ. Sứ đã hy sinh cam chịu mọi thiệt thòi để Duy được tươi sáng hơn. Năm năm sau khi đủ tuổi, Sứ đăng vào quân đội. Dù hành quân nơi nào, ở rừng sâu hay sát vùng hỏa tuyến, Sứ vẫn đều đều mỗi tháng gửi tiền về nuôi em ăn học. Nhưng ngày vui của tuổi học trò ở Duy

không được bao nhiêu. Một hôm Duy đau đớn rụng rời khi được tin Sứ đã tử thương.

— « Trên đường về hậu cứ, Sứ ngồi ở xe trước, tôi ngồi ở xe sau, bỗng một tiếng nổ lớn, xe Sứ ngồi tung lên cao lặn đi nhiều vòng rồi chìm xuống sông bên đường.. »

Giọng nói của người bạn cùng đơn vị với Sứ khi báo tin cho Duy hay; tuy ấm nhẹ nhưng Duy nghe như một âm thanh tàn nhẫn xoáy buốt, đau đớn vào tận đáy sâu tâm hồn. Âm hưởng của giọng nói còn mãi trong Duy và kèm theo một hình ảnh cực kỳ chua xót. Người ta đưa xác Sứ về Saigon nhưng lúc ấy Duy đã như điên lên. Cho nên bây giờ Duy không biết rằng xác anh mình ra sao? Còn tay? Còn chân? Còn đầu hay đã tan theo mảnh đạn. Hai tháng sau, khi đã bình tĩnh trở lại, Duy đã tìm tới tận nơi Sứ tử nạn nhưng ở đó không còn một dấu vết. Cánh đồng xa tít chân trời, xanh biếc một màu lúa non thật đẹp, thật tươi mát đã che dấu bao nhiêu tội ác, bao nhiêu âm mưu lén lút đê hèn.

Tiếng đại bác đi đúng vọng về Đô-thành, Duy nghe như một niềm đau dồn dập vào tâm tư. Tránh nghĩ đến Nguyệt — người yêu của Duy. Hơn bao giờ hết, Duy thấy xót xa, thương Nguyệt như lúc này. Duy trầm nghĩ, Nguyệt bây giờ chắc chắn còn thao thức băn khoăn lo lắng về tình trạng của Quân — anh ruột đang đang hành quân ngoài tiền tuyến.

Duy thở dài thật nhẹ rồi bước vào lề đường. Saigon về đêm rực rỡ muôn màu. Trước giờ giới nghiêm sự sinh hoạt trở nên sống động, mãnh liệt. Duy thấy như hoa mắt. Trong đủ mọi thứ y phục, đủ mọi màu sắc những đứa con gái của Saigon ban đêm ào ào bước ra tung tăng như đàn bướm lượn. Tiếng động cơ xe, tiếng gọi nhau ơi ơi, tiếng nói, tiếng cười và tiếng hát của ngoại kiều hòa thành một âm thanh cực kỳ hỗn loạn, làm vang động cả mọi góc thành phố.

Duy vừa cho xe nổ máy thì một ngoại kiều vội vã đi lại phía Duy, mạnh dạn ngồi trên yên sau. Duy chợt hiểu, anh lắc đầu từ chối. Người ngoại kiều bước xuống, bốn năm chiếc xe ào ào

chạy lại. Người ngoại kiều im lặng đứng nhìn một loạt rồi người lên yên sau chiếc xe đẹp nhất.

Một người Mỹ khác bước lại nhìn một thanh niên đang ngồi trên xe rồi nói :

— Du nô mất Pô teo ?

Người thanh niên không hiểu, ngạc nhiên một lát rồi hỏi lại :

— Mất pôn teo ?

Người Mỹ mỉm cười khoa mạnh hai vòng tay lớn rộng :

— Mất pôn hô teo, hô teo đùng.

Người thanh niên mỉm cười rồi lầm bầm : — « Đúng rồi, hô teo đùng, Métropol. »

Thế rồi chiếc xe mang người Mỹ vụt lao đi.

Duy thấy vui, anh quay ra hỏi người đứng kế bên :

— Mỗi cuộc ông bạn chờ được bao nhiêu ?

Người kia trả lời :

— Cũng tùy hên xui ! Có cuộc được dăm ba trăm nhưng cũng có khi xui bị tụi nó giật. Như hôm qua, một thằng đưa cho tôi miếng giấy có ghi một địa chỉ ở đường Phan thanh Giản. Chắc là địa chỉ của gái bán bar cho nó. Nhưng là địa chỉ ma nên khi tới đó thì té ra nhà của một ông lớn có lính gác, có bảo vệ không ? Thằng Mỹ tức quá nên nó giật luôn, không trả tiền xe.

Duy cười thật nhẹ rồi dơ tay coi đồng hồ. Chỉ 20 phút nữa là tới giờ giới nghiêm. Cho xe chạy chậm chậm rồi hít mạnh bầu không khí trong mát. Duy nghe trong người thoải mái. Saigon lúc này đã bắt đầu vắng. Thưa thớt ở lề đường một vài em bán bar đang hút hải tìm xe. Bỗng Duy nghe tiếng người gọi tên mình, Duy cho xe chạy về hướng có tiếng gọi ở con đường nhỏ bên hông nhà hàng Brodard. Một đứa con gái tóc dài thật đẹp, tròn lẳn trong bộ đồ xường xám, đang bị hai người cảnh sát hỏi giấy. Duy bước lại bên họ, anh chưa kịp nói gì đã có tiếng người con gái :

— Anh Duy, anh làm ơn nói hộ giúp em, hai thầy đây tính bắt em về bói. Hôm nay vì đi làm gấp quá nên em quên không mang

thẻ căn cước và thẻ nhân dạng.

Có tiếng người cảnh sát nói :

— Cô đi đường không mang giấy tờ gì cả, có bắt thì kêu oan. Còn ông này, ông là gì với cô này ?

Giọng Duy từ tốn :

— Thưa là em tôi — Duy bịa đặt thêm — mỗi tối tôi thường đón Hương ở bar, hôm nay vì xe hư nên tôi ra trễ. Nói đến đây Duy móc bóp trình giấy cho người cảnh sát rồi tiếp lời :

— Nếu ông bắt Hương, ngày mai tôi mang giấy tờ hợp lệ ra lãnh em tôi về cũng được, nhưng xin ông thông cảm bỏ qua cho.

Người cảnh sát thấy thẻ ba gạch đỏ của Duy nên dịu giọng nói với Hương :

— Thôi được, lần sau cô nhớ mang giấy tờ theo, thời buổi này khó khăn lắm.

Hương ngồi lên xe Duy, vòng tay ôm ngang người Duy rồi tỉ sát cắm vào vai Duy :

— Anh đi du hí ở đâu mà giờ này mới về ? Maxim's hay Mỹ Phụng ?

Không hiểu nghĩ sao, Duy trả lời :

— Anh đi chờ Mỹ, nhưng ế quá nên xách xe về không.

Hương cười lên khanh khách. Những đứa con gái làm nghề như Hương, thường rất dễ vui và dễ buồn.

— Thôi đi cha ! Hương nói — Anh mà đi chờ Mỹ, giàu thấy mề.

Duy hỏi Hương sang chuyện khác :

— Em bán bar lâu chưa ? Chắc lúc này em dễ chịu lắm ?

— Làm vũ nữ cực mà ít tiền anh ạ — Hương nói — Em làm ở đây kiếm được nhiều gấp 3, 4 lần ở dancing. Bây giờ em lấy chồng Mỹ rồi, thằng Ryan.

— Em lấy nó trong điều kiện nào ?

Giọng Hương thân nhiên :

— Mỗi tháng nó cho em 400 đôn, ngoài ra còn tiền ăn, tiền

chi phí nhà cửa. Vậy mà nó phải đồng ý cho em bán ngày đi bán bar, ban đêm về ngủ với nó.

Ngừng một lát, Hương nói tiếp :

— Ryan mua nhà cho em rồi. Nhà em đẹp lắm. Lúc này nó đi công tác ở Thailand một tháng, nên ban đêm em đi bán bar cho đỡ buồn. Anh về nhà em chơi nghe, anh Duy ?

Duy quen Hương đã hai năm rồi, khi ấy Hương làm vũ nữ ở một dancing trong vùng Cholôn. Hương có nhan sắc khá đẹp lại nhảy giỏi nên lúc đó ăn khách nhất trong dancing.

Khi đến nhà Hương, Duy không khỏi ngạc nhiên. Hương ở một căn phố thật đẹp và sang trọng, tủ lạnh, radio pick-up, télé vision toàn những thứ đắt tiền.

— Anh uống whisky nhé - Hương nói - Đêm hôm nay anh ở lại với em nghe ? Có sợ bà xã ở nhà không ?

Duy cười :

— Đang dúi dài ra đây, nuôi thân chưa đủ làm gì có Bà xã. Anh chờ chủ nghĩa độc thân mà.

— Thật hả ? Anh cứ ở vậy nuôi thân ? Ai mà tin.

— Anh ở vậy nuôi thân cho béo tròn. Em tin không ?

Như tìm ra một bí mật, Hương nói thật chậm, giọng nói đều đều :

— Em biết mà, thanh niên bây giờ ít ai chịu lấy vợ. Tại sao vậy hả anh ? Vì không đợi Duy trả lời, Hương tiếp luôn :

— Các anh không lấy vợ để tự do đi chơi, hay sợ ràng buộc, sợ động viên ?

Duy cười buồn không trả lời. Thấy vậy Hương tiếp :

— Em cũng thế, em thích sống đời tự do. Mình nên sống cho hiện tại anh nhỉ — Hương nói như hát — « Cuộc đời này có là bao ? Tình đời thì vẫn đời thay ! Lo chi ». Đến đây, Hương đổi giọng :

— Trước đây có một thằng cha, không biết yêu em thật tình hay vớ vẩn, lên mặt đạo đức khuyên em nghỉ bán bar để làm lại

cuộc đời và lo cho tương lai. Thối quá anh nhỉ ? Tương lai là cái gì ? Tương lai ở đâu ?

Vừa nói Hương vừa mở pick-up, âm thanh sôi nổi trong phòng.

— Đã lâu lắm rồi không đi nhảy, nhớ ghê — Hương nói —

Đám quên lắm, anh đượ lại cho em một bản bộp đi anh, em thích điệu này nhất !

Đêm hôm ấy Duy ở lại nhà Hương. Bên Duy, Hương thật đẹp trong bộ đồ toàn trắng mỏng manh. Hương nằm sấp, hai chun dơ cao dong đưa rồi đập xuống nệm trắng. Hương cười thật ranh mãnh, đặt chiếc gối ôm dài để ngăn cách Huy rồi tình nghịch nói :

— Đây là giòng sông Bến Hải ! Hiệp ước Genève cấm không được vượt vĩ tuyến nghe anh. Nếu có rọ rạ thì chỉ trong phần đất của mình thôi. Nếu anh lên lút xâm lăng, em sẽ nhờ Ủy Hội Quốc Tế can thiệp.

— Chấp thuận — Duy cười khôi hài — Anh chấp thuận trên nguyên tắc ngay từ lúc đầu ! Nghĩa là sau lưng em còn có anh. Tuy nhiên nếu có một đạo quân bằng tiền dolar xanh kèm theo thì anh vượt tuyến được không ?

Hương cười lên khanh khách.

— Anh nãy nham nhờ một cây mùa thu, không được phần rồi tức, rồi nói móc hén !

Bỗng nhiều tiếng nổ từ xa vọng về Đô Thành làm rung chuyển tường vách. Có tiếng Hương hỏi Duy :

— Em nói thật với anh, em không đẹp nhưng số em, ông thầy tướng nói, số em thăm duyên mà bạc phận, cho nên trước đây cũng như bây giờ có nhiều người theo em. Nhưng em ghét nhất cái trò ái tình làm cầm em chỉ tiền thôi, ai có tiền em chiều chuộng, khi hết tiền em đá ngay, đá một cách tàn nhẫn.

Ngừng một lát để xoay trở, Hương tiếp :

— Anh có khinh em không, anh Duy ? Trước đây người ta đã tàn nhẫn đánh đập, tàn nhẫn, dày dạn thân xác và linh hồn em. Em tưởng đã chết rồi khi em bị người ta buộc phá thai ở Cấp. Họ bắt em uống thuốc, sau đó em đau bụng kinh khủng, rồi em bị làm băng, rồi em mê man.

— Và bây giờ em trả thù cuộc đời — Duy nói — Nhưng trong xã hội này còn bao nhiêu người khổ hơn em.

Giọng Hương bình thường:

— Đâu phải gái bán bar nào cũng nhiều tiền, có dứa cũng nghèo khổ lắm! Em có người bạn vì ham tiền, tiếp rước bữa bái, bệnh hoạn kinh khủng, bây giờ nằm liệt một chỗ vì đau giày chẳng giày chít gì đó, và chạy chữa thuốc men đã hết vốn liếng, thỉnh thoảng em lại trợ cấp cho nó. Phần em tuy sống đời sống này nhưng em biết giữ gìn.

Hương ngừng nói, mặt phảng phất một nỗi buồn chợt đến. Trong im vắng, Duy và Hương mỗi người theo đuổi một ý nghĩ khác nhau. Trong giây phút này Duy lại tránh nghĩ đến Nguyệt. Dù tha thiết yêu nhưng chưa bao giờ Duy có ý nghĩ gần gũi với Nguyệt như gần Hương lúc này. Nguyệt không đẹp không quyến rũ nóng bỏng nhưng nàng có nét duyên dịu dàng thâm kín. Ở Nguyệt Duy đã tìm thấy mẫu người lý tưởng. Nguyệt không trung diện đua đòi, không chạy theo và hòa mình vào lớp sống mới. Nàng nhẫn nhục cam nín cam chịu sự thua thiệt bạn bè vì gia đình nàng nghèo. Bà Nguyệt lúc này đã về hưu. Gia đình Nguyệt sinh sống bởi số lương hưu trí ít ỏi của bà nàng, cộng thêm tiền lương hàng tháng của Quân — anh nàng — từ mặt trận gửi về. Tuy thiếu thốn về vật chất, bản khoản nhiều về bữa cơm trưa, tối, phụ với má nàng, dẫn đo suy tính để đời sống gia đình vừa đủ với số tiền nhỏ nhoi, nhưng Nguyệt vẫn hồn nhiên tươi trẻ. Nguyệt hy vọng ở Duy. Tình yêu kia đã mang lại cho Nguyệt một niềm an ủi lớn. Tình yêu như hoa như lá như nắng ban mai nhảy múa trong lòng nàng. Nhưng tất cả vẫn chỉ là chờ đợi đến ứ đọng trong phổi, trong tim, như tiếng hát của người ca sỹ, cần chờ tiếng nhạc dạo đầu, là tuôn trào mãnh liệt, vút lên thật cao, bay đi thật xa và tỏa ra thật rộng. Tóm lại trong tình yêu, Nguyệt là kẻ thụ động chờ đợi, về phần Duy, Duy yêu Nguyệt chân tình. Duy tôn thờ tình yêu như một báu vật thật đẹp, trong suốt như pha lê, mong manh như sương mai. Nhưng Duy là thanh niên có mặc cảm về cuộc đời. Từ những đau thương chông

chất của thế hệ, từ những bất trắc đời thay đổi ngọt của thời cuộc. Duy như mất niềm tin, không tin người chung quanh và không tin nơi mình. Bởi mất niềm tin nên Duy thường bản khoản nhiều về chộc đời và tình đời. Hiện tại Duy sống âm thầm chán nản và mệt mỏi. Chưa bao giờ Duy nghĩ tương lai! Không một định kiến, không một ước vọng về mai sau thành tượng. Duy nghĩ rằng cuộc đời mình mai này chỉ là chuỗi ngày mệt mỏi sau cuộc phiêu lưu. Cho nên dù yêu Nguyệt, Duy vẫn không dám có quyết định mạnh về tình yêu, không dám ràng buộc người mình yêu vào cuộc sống mệt mỏi chán chường của mình. Bởi thế, một đôi lần Nguyệt đề cập đến vấn đề hôn nhân, Duy thường khéo léo tìm cơ lẩn tránh. Điều này làm Nguyệt buồn, nhưng vốn là một thiếu nữ hiền ngoan ngay thơ và dễ tin nên chỉ sau một lát hồn giận, nàng lại vui tươi hồn nhiên trở lại.

Tiếng súng đại bác lại đi đùng vọng về Đô Thành, Duy nghe một niềm đau. Niềm đau đi vào giấc ngủ của Duy hôm nay bằng những hình ảnh chập chờn không mạch lạc: «Duy nghe một tiếng nổ lớn, chiếc xe Sừu ngồi tung lên cao, lăn đi nhiều vòng rồi chìm xuống bờ sông bên đường.»

Đêm hôm ấy Duy thức giấc vào lúc nửa khuya về sáng, khi anh nghe có vật gì đè nặng lên lồng ngực. Duy mở hé mắt, thì ra lúc này Hương đã vượt vũng cấm địa, tay và chân nàng gác qua người Duy. Mớ tóc dài đen nhánh phủ một nửa khuôn mặt, trông Hương lúc này đẹp mơ màng, quyến rũ — cái vẻ đẹp nào nùng của một nữ hoàng sâu muộn. Duy nhẹ lay người con gái, Hương mơ màng một lát rồi bừng tỉnh, Hương nói:

— Thôi đi, tại xâm lăng người ta rồi đấy.

Duy cười trong bóng đêm:

— Em coi lại đi.

— Thôi kệ, yêu em đi anh, bây giờ chúng mình hòa bình,

Hơi hướm da thịt nóng nần của người con gái làm Duy rạo rức. Duy vùi đầu vào ngực Hương để tìm hương vị ngọt ngào trong nhục thể.

Trời đã sáng tỏ. Sự sinh hoạt của Saigon vào buổi sáng thật là náo nhiệt. Duy bừng mở mắt, anh vừa tỉnh đánh thức Hương dậy thì bên ngoài có tiếng gọi cửa dồn dập. Hương ngồi dậy rồi bước xuống giường. Duy nghe có tiếng mở cửa, ánh sáng chói chang lùa vào căn phòng kèm theo hai người con gái trẻ đẹp. Duy giả vờ ngủ, họ nói chuyện riu rít.

Có tiếng người con gái hỏi Hương :

— Đêm qua mày vác bồ về hả ? — giọng nói trở nên riêu cợt — Chồng đi vắng, vác trai về nhà, đồ ngoại tình.

Hương cười lên khanh khách. Nàng đánh thức Duy dậy rồi kéo mùng về phía đầu giường. Một phút ngỡ ngàng đi qua, căn phòng trở nên vui nhộn vì tiếng cười nói riu rít của những người con gái mới tới.

— Em tên Tâm—một trong hai người nói với Duy—Còn con nhỏ này tên Lan. Tụi em nhảy ở dancing... và là bạn cờ bạc với « cô Hương nhà anh đó ».

Người con gái tên Lan nhìn Duy chăm chú. Duy thấy dường như quen nên hỏi :

— Trông Lan quen ghê, không biết tôi đã gặp Lan ở đâu ?

Lan cười nhìn Duy rồi dùng thứ ngôn ngữ mới :

— Đúng rồi, tụi mình quen nhau từ ngày vua An Dương Vương xây thành Cổ Loa.

Cả bọn phá lên cười, Lan nói tiếp giọng dửng dắn :

— Anh Duy phải không ? Trốn bồ đi chơi nhé ! Coi chừng em mách Nguyệt.

Ngừng một lát rồi Lan tiếp lời :

— Trước kia em là bạn học với Nguyệt. Em và Nguyệt cùng ở trong một khóa. Trước đây em vẫn thường đến nhà Nguyệt và gặp anh một vài lần ở nhà nó. Từ ngày làm vũ nữ em không đến

Nguyệt nữa. Nguyệt tốt và hiền lắm, không như những đứa khác, Nguyệt không khinh ghét tránh mặt em...

Hương nói :

— Thôi đi, anh chị có hàn huyên tâm sự với nhau thì ra ngoài đường nghe ! Nhà em có cờ bài nylon chánh, anh chị nào thấy vui thì nên ở lại, còn như thấy buồn thì có quyền đông-

— Đúng đấy — Tiếng Tâm phụ họa — Tụi tao tính rữ mày lên nhà con mẹ Tư, tụi mình còm bin với nhau lột cho nó một phen. Tao và Hương đóng vai thua chỉ có con Lan được.

Thế rồi chưa đợi cho ai có phản ứng gì, Tâm đọc tiếp bốn câu thơ mà nó đã học thuộc lòng :

Không « sập sấm » cuộc đời như vô nghĩa

Không yêu cuồng say loạn uồng ngày xanh.

Đêm hôm nay ta nối lại cuộc tình,

Cho tan nát tấm thân ngà ngọc ấy. »

Cả bọn cười lên khanh khách như đề tán thưởng.

Hơn một giờ sau Duy đã có mặt ở nhà người yêu. Khi bước chân vào nhà Nguyệt, Duy phải ngỡ ngàng trong giây lát. Hôm nay gia-đình Nguyệt có điều gì lo lắng nên nét mặt người nào cũng mang vẻ ưu tư. Vừa thấy bóng Duy, bà Phán Long — má Nguyệt — vội kéo Duy vào phòng trong rồi nói dè dặt :

— Này cháu, mai đến nay, gần một tháng rồi mà thằng Quân chẳng gửi-tin gì về, Con Nguyệt đã đánh điện tín cho anh nó mấy lần nhưng chẳng thấy trả lời. Bác lo quá cháu ạ, nghe lúc này mặt trận vùng ấy nặng lắm.

Đã từng ở hoàn cảnh bán khoán lo lắng — Nỗi bán khoán của người ở hậu phương về tình trạng người thân ở tiền tuyến. Trăm người lo lắng không bằng sự ray rứt này. Thói thường mỗi khi lo sợ người ta thường giàu óc tưởng tượng, nghĩ đến những thảm cảnh... nên nhiều khi mất bình tĩnh, Duy thông cảm nỗi buồn ấy không biết gì hơn là tìm lời an ủi.

— Cháu nghĩ không sao đâu, mình ở hiền gặp lành.

Nói xong, Duy nghe nhói buốt trong tim, ở hiền gặp lành — Thời buổi gặt giã này ở hiền đã chắc gì gặp lành. Như Sửu, Duy biết rõ anh mình hơn ai hết, cuộc đời Sửu chỉ toàn là nhân nhục và tận tụy hy sinh, thì sao Sửu không gặp lành ?

Nghĩ thế, Duy nói nhỏ đề an ủi bà Phán Long và cũng là để an ủi chính mình:

— Người ta đều có số mệnh, sống chết có số bác ạ. Nếu số chết, ở ngay Saigon cũng chết, như ở bar Mỹ Cảnh dạo nào đó, kèo đang ăn uống cũng lăn ra chết.

Bỗng có tiếng nói:

— Má ơi! Các em con đã sửa soạn xong rồi, má đi kéo trẻ...

(còn tiếp 1 kỳ nữa)



Δ Có trời hiểu.

— Hu hu!

Ông chồng đi làm về ngạc nhiên thấy bà vợ đón mình bằng tiếng khóc nức nở, vội hỏi:

— Sao mình khóc? Bà Sáu bên hàng xóm lại gây gổ với mình hay sao?

— Hu hu! Không phải vậy. Mấy tuần nay em thường nhắc mình, tới ngày sanh nhật của em, mình đừng có mua thứ gì cho em kéo tốn tiền, vậy mà mình quên thiệt...

KHOA HỌC KHÔNG GIAN

phát triển ở NHẬT - BẢN như thế nào ?

Tài liệu của tòa Đại-sứ Nhật — Saigon

(tiếp theo P.T. 182)

* Hỏa tiễn Lambda 4S-1. Dầu sao, khi một hỏa tiễn được phóng thẳng vọt lên

M UỐN đặt vệ tinh vào quỹ đạo cần phải đạt tới một tốc độ bay ngang

mau hơn 8 cs một giây. Dĩ nhiên tốc độ này chỉ ảnh hưởng tới những vật di chuyển theo mặt địa cầu, nhưng ở độ cao thì tốc lực cần thiết để đẩy vệ tinh lại có thể bớt đi. Chẳng hạn như trường hợp lên cao tới 36.000 cs, tốc độ vật di chuyển trên quỹ đạo có thể chỉ cần tới khoảng 3 cs một giây là đủ.

Đầu tiên, khi một hỏa tiễn được phóng thẳng vọt lên cao và có thể lên tới 6.400 cs bằng với đường bán kính địa cầu thì hỏa tiễn cũng đủ mạnh để đưa vệ tinh vào quỹ đạo.

Bởi vậy muốn phóng vệ tinh lên quỹ đạo, cần phải có hỏa tiễn với sức mạnh ngang tới 8 cs một giây.

Hỏa tiễn đầu tiên của Nhật với sức mạnh như vậy là loại Lambda-4S-1, trừ tinh phóng vào tháng 9 năm nay tại Trung - Tâm Kagoshima và do Viện Khoa Học Không Trung và Hàng Không thuộc

Đại Học Đông Kinh chế tạo.

Đây là loại hỏa tiễn 4 tầng dùng nhiên liệu đặc, dài 16.9 thước đường kính rộng tới 73.5 phân, nặng 8,3 tấn với sức đẩy 53,5 tấn.

Hỏa tiễn sẽ được phóng từ giàn ở Kagoshima và cho bay về hướng Đông. Tầng nhất, nhì và ba của hỏa tiễn sẽ lần lượt tách rời; tầng ba sẽ rớt xuống từ cao độ vào khoảng 85 cs. Tới khoảng thời gian này thì tốc độ của hỏa tiễn sẽ chỉ còn vào khoảng 5 cs một giây.

Và cũng trong lúc này, hệ thống kiểm soát vị trí đặt trong tầng tư sẽ bắt đầu hoạt động.

Tất cả sẽ có 8 máy móc nhỏ đặt trong tầng tư để xoay hướng bay của tầng chót, từ chiều thẳng xuống bằng ngang.

Bộ máy điều khiển lúc ấy sẽ tách rời khỏi hỏa tiễn, và do những tín hiệu từ dưới

đất truyền lên làm máy trong tầng tư hoạt động.

Tầng tư của hỏa tiễn có hình quả cầu với đường kính rộng 48 phân. Trên trục hỏa tiễn là một võ đầu nhọn, trong chứa dụng cụ đo trục. Võ này bên ngoài có gắn giầy trời.

Hỏa tiễn nặng 113 ki, kể cả nhiên liệu, nhưng khi cháy hết thì chỉ còn 26 ki tất cả. Những dụng cụ đặt trong hỏa tiễn nặng vào khoảng 12 ki tất cả.

Máy trong tầng tư hỏa tiễn bắt đầu hoạt động sau khi hỏa tiễn được phóng đi độ 7 phút, cách xa Trung-Tâm Kagoshima vào khoảng 1.400 cs về hướng đông, trên Thái-Bình-Dương và ở cao độ 400 cs.

Nếu mọi sự đều diễn tiến theo như dự liệu, vị trí hỏa tiễn giữ được đúng và tốc độ đạt được như trừ liệu thì tầng 4 của hỏa tiễn sẽ bay vào quỹ đạo.

Tuy nhiên, theo nhân viên phụ trách thi hỏa tiễn Lambda 4S-1 dù có thành công cũng chỉ là thực-nghiệm để chuẩn bị phóng vệ-tinh khoa học vào năm 1967. với kiểu hỏa tiễn MU. Bởi vậy tầng tư của hỏa tiễn trên đây được phóng vào quỹ đạo không phải mục tiêu chính của kế hoạch Lambda. Trong tài khóa 1966 Nhật trừ tính phóng 2 hỏa tiễn loại Lambda-4S.

Hỏa Tiễn MU và Vệ Tinh Khoa-Học

Loại hỏa tiễn MU dùng phóng vệ tinh khoa học hiện đang được Viện Khảo cứu Không Gian và Hàng Không Đại Học Đường Đông Kinh chế tạo.

Hỏa tiễn thăm dò MU sẽ có đường kính vào khoảng 1,42 thước, dài 21,83, nặng 39 tấn với sức đẩy được tất cả tới gần 160 tấn.

Xung quanh tầng nhất của hỏa tiễn sẽ gắn một số tới

8 lửa tiễn phụ đẩy loại Kappa. Như vậy kiểu hỏa tiễn MU này thật ra có tới 5 tầng với sức đẩy tổng quát vào độ 260 tấn.

Ngày hỏa tiễn Titan II của Hoa Kỳ dùng đưa phi thuyền Không gian Gemini vào quỹ đạo cũng chỉ có sức đẩy mạnh tới 240 tấn thôi, như vậy đủ biết hỏa tiễn MU của Nhật mạnh thế nào.

Tuy vậy nhưng thời gian đốt nhiên liệu của hỏa tiễn MU còn ngắn hơn hỏa tiễn Titan nhiều.

Tầng nhất của hỏa tiễn MU gọi là động cơ M-10, lớn vào độ 1,4 thước đường kính, dài 12 thước và nặng 25 tấn, sức đẩy mạnh 100 tấn. động cơ M-10 đã được thực nghiệm với kết quả mỹ mãn vào

khoảng tháng 5 10 năm ngoài

Cuộc phóng hỏa tiễn dự tính vào tháng 10 năm nay sẽ cho thấy động cơ phụ đẩy M-10 và những tầng giả tạo (cũng hình dáng, cỡ và

cân nặng như tăng thật) được phóng lên không gian từ Trung-Tâm Kagoshima.

Hỏa tiễn MU nếu phóng thẳng có thể lên tới cao độ 10.000 cs. Hỏa tiễn này cũng có thể đưa một vệ tinh nặng 120 ki lên quỹ đạo ở độ cao 500 cs.

Trong những kế hoạch tương lai người ta sẽ phóng vệ tinh khoảng 400 ki lên độ cao 500 cs khỏi mặt địa cầu.

Hiện nay kiểu mẫu vệ tinh khoa học của Nhật đã làm xong, vệ tinh này sẽ được phóng vào không gian bằng hỏa tiễn loại MU-4S-1.

Nhiều cuộc thực nghiệm đang được xúc tiến ráo riết tại Viện Khảo Cứu Khoa Học Không gian của Đại Học Đông Kinh, trong đó người ta thử đủ mọi cách dưới những áp độ khác nhau như thường thấy trên không trung vậy.

Phần chính của thân vệ

tinh là một hình cầu nội tiếp, với đường kính rộng 75 phân và nặng 60 ki. Kiểu vệ tinh này có 26 cạnh. Trên mặt gắn tất cả tới 5.000 tấm bình hút điện mặt trời, làm toàn bằng chất silicon, tổng số năng xuất tới 20 watts. Nhiều gong giầy trời kiểu khác nhau được gắn ngoài vệ tinh để tiếp nhận và truyền tín hiệu vô tuyến trong cuộc khảo cứu.

Trong vệ tinh có gắn dụng cụ đo trọng lượng điện từ, nhiệt độ, trọng lượng ly tử và vũ trụ tuyến, cùng với máy móc trắc viễn truyền tin.

Vệ tinh khoa học đầu tiên của Nhật được trút tinh phóng nội trong tài khóa 1967, và trong năm 1968 sẽ phóng vệ tinh thứ hai và thứ ba. Tới năm 1969 sẽ phóng vệ tinh thứ tư, lớn và tiến bộ hơn (nặng 200 ki) và lên cao vào khoảng 500 cs; sau

tới vệ tinh thứ 6 nặng vào khoảng 400 ki.

Tới năm 1970 sẽ có vệ tinh khoa học thứ sáu và thứ bảy, cỡ nhỏ hơn được phóng lên cao khoảng 20.000 và 65.000cs.

Các khoa học gia Nhật Bản hiện cũng tính cả tới việc phóng phi thuyền có người lái lên không gian và ngay cả lên nguyệt cầu nữa, nhưng hiện giờ mới chỉ có những kế hoạch cụ thể là phóng vệ tinh khoa học đã.

Việc Phóng Vệ Tinh Thực Hành

Tuy công việc lớn lao nhất trên địa hạt khảo cứu không gian ở Nhật hiện nay là do Viện Khảo Cứu của Đại Học Đông Kinh đảm trách nhưng còn nhiều cơ quan khác nữa cũng tổ ra hoạt động trên lãnh vực này và đang lập kế hoạch phóng vệ tinh thực hành;

trong số này không những chỉ có các nhà nghiên-cứu mà cả những nhà sử dụng nữa, chẳng hạn như Bộ Bru Chính Viên Thông, Bộ Giao Thông Vận Tải và Cơ Quan Khí Tượng.

Tuy nhiên, để tránh sự trùng hợp về tác dụng các dự án có thể đưa tới chỗ tổn phí vô ích nếu để nhiều cơ quan khảo cứu riêng rẽ, nên phong trào hiện nay là tập trung vào một nơi để quản trị và điều hành.

Trên phương diện tổ chức các dự án hiện vẫn chưa được tập trung dưới quyền điều hành của một cơ quan, nhưng nhiều biện pháp đã được chuẩn bị để đi tới mục tiêu này kể từ ngày Giáo.Sư Noboru Takagi, Giám-Đốc Viện Khảo-Cứu Khoa Học Không Gian và Hàng Không của Đại Học Đường Đông-Kinh được bổ nhiệm Giám-Đốc Cơ Quan Khoa Học và

Kỹ-Thuật Trung-Tâm Phát Triển Không Gian Quốc-Gia

Với sự trợ giúp triệt để của Hội Đồng Hoạt Động Không Trung Quốc Gia, Giáo Sư Takaji hiện đang nỗ lực phối hợp những cuộc nghiên cứu giữa Đại-Học Đông-Kinh cùng Cơ Quan Khoa Học và Kỹ-Thuật.

Cơ Quan Khoa Học Kỹ thuật đã áp dụng phương thức chế tạo hỏa tiễn MU của Đại Học Đông Kinh, và hiện đang phát triển một loại hỏa tiễn mạnh hơn, với 4 tầng dùng phóng vệ tinh thực hành đầu tiên trong tài khóa 1970, và đưa lên cao 1.000 cs khỏi mặt địa cầu.

Kế hoạch này cũng được Viện Khoa Học Không Gian và Hàng Không của Đại Học Đông Kinh tham dự, như vậy là đã có sự phối hợp và liên tục trong việc phát triển và khảo cứu.

Cơ Quan này đã khởi sự

hoạch họa kiểu vệ tinh thực hành đầu tiên, với sự cộng tác của Viện Khoa Học Đông Kinh và nhiều cơ quan liên hệ khác của Chính-Phủ.



Cơ Quan Khoa Học và Kỹ Thuật đã quyết định thiết lập một đài phóng vệ tinh thực hành tại bờ biển Takezaki trên đảo Tanegashima thuộc quận hạt Kagoshima.

Trung Tâm Kagoshima được coi là quá nhỏ không đủ phương tiện phóng vệ tinh thực hành, và trong tình hình hiện tại người ta không có phương mở cho thêm rộng.

Vì những lý do trên đây nên Cơ Quan Khoa Học và Kỹ Thuật đã quyết định

thiết lập Trung Tâm mới trên đảo Tanegashima, phía nam Tỉnh Kagoshima, trên bờ biển Thái Bình Dương. Chính tại nơi đây, khoảng 400 năm về trước hay nói cho đúng là vào năm 1543, một tàu buôn Bồ Đào Nha đã bị đắm, và do đó những súng ống đạn dược đã được nhập nội trên đất Nhật-Bản lần đầu tiên.

Dân số trên đảo này vào khoảng 61.000, nhưng phía bờ biển vùng Takezaki thì không có mấy dân cư nên rất thích hợp cho việc thiết lập Trung Tâm Phóng Vệ Tinh của Cơ Quan Khoa Học và Kỹ Thuật Nhật Bản.



★ Một cô đào nói với bạn

— Cho tới bây giờ em mới biết rõ, mỗi buổi tối khi em mắc bận trình diễn thì nhà em ở đâu, làm gì.

— Hay ! Cô bạn gái reo lên, làm sao chị biết ? Ở đâu?

— Dữ hôn, bất ngờ em bị bệnh nên phải bỏ ngang vai tuồng. Về tới nhà mới có 10 giờ, em thấy nhà em đang nằm trong buồng..

— Với ai ? Liều quá hén !

— Có ai đâu. Anh đang coi truyện kiếm hiệp.

người đi

Suốt đời nên cho lộng lẫy
Suốt đời nên cho huy-hoàng
Suốt đời nên . . . sao lại có
Một người ra đi ngỡ ngàng ? !
Ôi ! Tại đời còn oan trái
Nên buồn cay đắng lên môi
Ôi ! Tại đời nhiều té tái
Nên dễ sâu riêng một người !



lặng lẽ

Nửa đêm nay nhớ mẹ,
Nửa đêm then với lòng,
Mẹ ơi ! con vẫn biết,
Bởi chung đời má hồng !
Nửa đêm năm dấu mặt,
Không dám nhìn trăng soi,
Con âm thầm tự hỏi,
Sao con là loài người ? !

Δ PHƯƠNG - DUYÊN

VĂN HÓA HAY
CHÍNH - TRI?



Ông
HỒ - HỮU
TƯỜNG

sẽ phi lạc về
đâu ?

Δ THÁI - BẠCH

TRONG những nhân vật tầm tiếng ở đất nước miền Nam hiện nay, con người tuổi già, nhưng hăng, phải nói là ông Hồ-hữu-Tường. Ông Tường chẳng những có mặt trên trường học, trên đàn văn trận bút, mà gần đây lại còn có mặt trong Đại-hội chánh trị toàn quốc do bác sỹ Phan-quang-Đán đứng làm chủ tịch, một tờ chức ra đời cùng lúc với Ủy ban vận-động Quốc dân đại hội của ông Trần-văn-Chiêu, tuy bị phản

đối bởi các phần tử biểu tình chống chánh phủ vừa qua nhưng vẫn long trọng khai mạc và long trọng bế mạc.

Vì vậy, chúng tôi thiết nghĩ đem ông Hồ-hữu-Tường ra đây đề giới thiệu trước hơn ai hết với quý bạn đọc, cũng không phải là vô ích ở trong giai đoạn lịch sử này, một giai đoạn nói riêng các nhà cầm bút chân chính đã cảm thấy xót xa, nếu không tranh đấu, đòi được tự do ngôn luận thì chẳng những không thể nào

dem được khả năng đề dăng cho Tô quốc. Dân tộc, mà ngay chính bản thân và gia đình cũng khó thể chu toàn.

Ông Hồ Hữu Tường qua ngôi bút của ông Hồ Hữu Tường.

Căn cứ những lời ông Hồ Hữu-Tường đã tuyên bố với một vài tờ báo, và những bài do chính ông viết như đã đăng trên tạp chí Hòa-dồng, thì :

Ông sinh năm Canh-Tuất tháng ba ngày hai mươi chín, giờ Dần, tức Dương-lịch ngày 5 tháng 10 năm 1910, tại làng Thường-Thạnh, huyện Cái-răng tỉnh Cần-Thơ.

Thân phụ ông, một nông dân « sống hăm hiu trong thân phận tá điền, tựa hồ góc đầu lên không nổi ». Trước giờ sinh ông Tường, cụ nằm chiêm bao « thấy mình đang ngồi trong nhà, có một ông già đến gọi ra ngoài sân. Ngoài trời đen tối, sao đầy giăng, ông già ngoắt một cái, một ngôi sao rớt xuống hóa ra một cánh sen. Ngoắt một cái, một ngôi sao nữa rớt xuống hóa ra cánh sen

thứ hai. Và như vậy có đủ ba mươi sáu cánh sen, ông già gần nhau lại thành một cái hoa sen mà chưa có nhụy và cái gương non ở giữa. Sau rớt, ông già móc đất mà nắn nhụy và cái gương mà trám vào » rồi đưa cho mình.

Ông Tường ra đời, được một ông thầy bói Quảng-nam cho thân phụ ông biết :

— « Theo sự cầu nguyện sanh con trai là điềm lành. Mà theo chiêm bao thấy có người cho hoa sen, ấy cũng điềm lành. Cái hoa sen, góp màu sắc tự khắp nơi, mà tinh túy của nó là nhụy và gương non, thầy do nơi đất là chỗ chôn nhau cắt rốn. Thăng nhỏ này sẽ kỳ lạ lắm rần mà nuôi nó. »

Ba chữ tên « Hồ-hữu-Tường » với những biệt hiệu như Không-Cưu, Bửu-Liên cũng do ông thầy bói đặt, bởi câu « Không Cưu đắc Hữu Tường » mà ra. « Không là to, Cưu là bói, Hữu Tường là điềm lành. Không cưu đắc hữu tường là bói một cái bói to mà được điềm lành. » Bửu-Liên là do cái điềm thân phụ ông nằm mộng như trên.

Cũng theo ông thầy bói Quảng-Nam, số Tử-vi của ông Tường

có Văn xương, Văn khúc thì ắt không phải là nông dân như ông cha, ít nữa cũng là một văn sĩ... Số ông đáng lẽ là số Đế-Vương. Nhưng bị hai sao Tuần, Triệt hãm nên làm vua mà không ngai, thêm luôn luôn gặp trở lực, và hoạn nạn. Đi tu thì thoát khỏi nạn mà có thể làm đến giáo chủ, ứng vào cái cách làm vua mà không ngai.

Chính tên trong khai sinh là thế, nhưng sau thấy tên « Tường » trùng tên ông ngoại ghê, thân phụ ông phải đổi lại là Thuộc, sau khi đã tạ lỗi ông bà bằng một nồi chè và một nồi cơm nếp. Thuộc, theo ông Tường thuật lại lời thân phụ ông, có nghĩa ai dạy cho cái gì cũng thuộc. Kề cũng hay hay. Nhưng tên Thuộc của ông chỉ được người ta quen gọi ở quê hương lúc nhỏ, gần nay thì như đã chìm sâu vào quá khứ...

Như chuyện trên đây, có người cho là do sự « tiêu thuyết hóa » hay đúng hơn là « lập dị hóa » của ông Tường mà trong có chủ định đề mở đường cho việc trình bày những tư tưởng về sấm giảng. Sự nhận xét này chưa hẳn là đúng, vì tư tưởng của ông Tường cũng như

các lời nói của ông là cả một phức tạp. Tuy nhiên, ở một khía cạnh khác về câu chuyện trên đã cho chúng ta được thấy ông Tường xuất thân là con một nông dân « cực khổ ». Nhưng nếu bản thân ông ra đời được thoát số phận của ông cha là một điềm tốt cho gia đình như ông đã thuật thì đối với đồng bào Việt-Nam trái lại là một điềm bất hạnh vì từ khi bước chân vào trường đời đến nay, sự hoạt động của ông đã bỏ xa hẳn những lớp người nghèo khổ ở thôn quê, trong có thân phụ ông, là thân phụ ông, đó là đa số nhân dân, tuy học hành ít, so bề chữ nghĩa chưa đáng học trò ông Tường, nhưng trước những giai đoạn quyết liệt tranh đấu cho sự sống còn bền vững của dân tộc đã khiến ông Tường cùng nhiều người như ông phải lùi lại sau không biết bao dặm đường mà kể, rồi đến những ngã quẹo lịch sử thì đâm ra lúng túng, rồi bơ vơ lạc lõng... rồi tính toán xoay quanh, thậm chí có lúc ngồi trên bùn như mà không biết, đứng trước hồ báo mà không hay, đi với yêu tình quý sứ mà vẫn cho là làm bạn với hiền nhân quân tử.

Ông Hồ Hữu Tường một chính khách đã 36 năm hoạt động

Ông Hồ-hữu-Tường hoạt động chánh trị từ năm 1930. Ông là một đảng viên của nhóm Đệ tứ: Tạ-thu-Thâu, Phan-văn-Hùm, Trần-văn-Thạch. Nhóm này theo chủ nghĩa Mác-Ăng-Ghen nhưng hướng về đường lý luận phát triển của Tóit-Ky để chống nhóm Cộng-sản dệ tam ở trong Nam lúc đó như Trần-văn-Giàu, Nguyễn-văn-Tạo, Dương-bach-Mại, Nguyễn-văn-Nguyễn v.v...

Năm 1939, nhà cầm quyền Pháp ở Đông-dương, lùng bắt những người hoạt động chính trị, đặc biệt những người có xu hướng Duy vật biện chứng. Ông Tường tuyên bố ly khai chủ nghĩa Mác. Nhưng họ vẫn bắt ông đi Côn-đảo đến cuối năm 1944 mới được thả.

Trong lần ngồi tù này, ông Tường có nghĩ đến chuyện ngụ ngôn « Chó má ». Khi về Hà-nội, ông có ghi lại sau đây trong tập « Muốn làm chánh trị » :

...« Ở một làng kia, đất chẳng nuôi người, cây cỏ sơ xác, ruộng

xấu đồng khô, dân người nào cũng ốm o cằn cõi. Quanh năm không ai thấy làng ấy có chè cháo bao giờ. Không biết vì một lẽ gì, trái với lệ tục hàng năm, làng ấy vật lợn mà ăn mừng. Một cái mừng chưa hề có cho dân làng, vì có được một phần xoi thịt. Mà còn mừng hơn nữa là những con chó ở trong làng. Người còn chưa ấm no, thì chó ở làng này mấy khi đầy đủ được. Đấy chẳng phải là cái dịp có mấy cục xương gặm cho sướng mồm sao? Bữa tiệc người vui, chó sướng, thì có một con chó què kia vì đuổi sừ, vì trật chân, hay vì là một thứ chó hiền triết, không muốn tranh đua giành giựt, mà chỉ biết nhường nhịn, điều ấy ta không hiểu, mà chó què ấy không kiếm được một miếng xương nào hết.

Tiệc tan, người về, chó cũng ngoà nguê, đi hết, vón vện chỉ còn có chó què đứng trước một cục xương to không dính chút gân, chút thịt gì ráo. Một cục xương mà những con chó kia không con nào thèm gặm.

Chó què nói: « Chó mà phải gặm xương, gặm xương mà không gặm thì không phải là chó. Các đồng loại no nê rồi nào có ngh

gi đến danh dự chung cả loài, cục xương khó gặm mặc dầu, ta hãy hy sinh rán gặm để cứu lấy danh dự chung.

Không biết diễn từ trên đây là tiếng nói thành thực của trái tim hay bởi chó què đói quá muốn gặm xương nên thốt ra để che đậy sự xấu hổ. Song ta thấy chó què vừa nói xong, chỉ ôm cục xương, cái xương gặm không nổi mà gặm. »

Theo lời ông Tường, sở dĩ ông viết chuyện ấy cũng do cái ấn tượng đậm đà từ lúc mới ba tuổi đã yên trí trong mình có số chó vì tuổi ông tuổi Tuất:

*Tuất Tuất là con chó cò,
Năm khoanh trong lò lỗ mình lo
lem.*

Và với cảnh ở tù, ông nghĩ lại cũng không khác nào số phận của con chó cò kia.

Qua câu chuyện « Chó má », chúng ta thấy ông Hồ-hữu-Tường quả là một chính khách có giọng văn khinh bạc, nhưng cũng phải thấy rằng ngay từ thời gian ở tù ấy, ông Tường đã bỏ mất cái tinh thần bất khuất, di sản truyền thống cao quý nhất của dân tộc mà chỉ còn lại những bất mãn cá

nhân, cũng như đã lộ ra cái tư tưởng đi ngược lại quần chúng và ngay cả bản thân, vì lẽ cò kim đông tây không một nhà hoạt động chánh trị chân chính nào lại có cảm nghĩ cho sự ở tù là một điều xi nhục, hoặc bất mãn, đầu hàng, hoặc than van cho số phận của mình, trái lại còn phải phấn đấu, phải nêu cao cái tinh thần vô úy hơn nữa. Ông Tường là một người chánh trị có học, nghe gì cũng thuộc, học gì cũng nhớ, hẳn ông không quên những gương anh dũng của các vị tiền bối: Thủ-khoa-Huân, Nguyễn-Trung-Trực, Nguyễn-Cao, Thái-Phiên, Trần-Cao-Vân v.v... và ngay những người ở tù cùng một lượt tại Côn-đảo với ông, thí dụ Nguyễn-an-Ninh, Nguyễn-hữu-Tiến... Hỏi sao lại tự gán thân mình là chó, mặc dù là thứ chó hiền triết? Đáng trách nhất là đối với những người dân lao khổ, đối tượng đồng đạo và chính yếu của các nhà hoạt động cách mạng hay hoạt động chánh trị, ông Tường đã tự ngồi bút mình đem đến cho họ — những người dân làng kia — một cái mừng chưa hề có, vì có được một phần xoi thịt, ở trong một bữa tiệc, và trong bữa

tiệc ấy những cục xương to quăng ra cho chó cũng không còn chút thịt chút gân gì ráo, đến chó cũng không thèm gặm nữa. Ôi! Người dân quê Việt-nam nghèo khổ thật, cần sự ăn uống thật, nhưng không phải háu ăn, ăn một cách thô phàm như những hạng « chánh khách » những hạng « trí thức » mà bất cứ ai, cho cả đến bà Nhu hay ông Khánh cũng đều khinh thị ra mặt được. Già sử có đi, cái « có » ấy cũng không phải diễn hình, một kẻ cầm bút thường thôi cũng còn có thái độ thận trọng, huống người đã mang cái nhân hiệu : hoạt động chánh trị. Hỏi sao ông Trường lại thiếu ý thức, và khi bị tù sao ông không căm thù, không oán trách cái chế độ đã bắt ông, đã làm dân ta phải điêu đứng lâm than, mà lại đi than thân trách phận, đi bêu xấu nhân dân một cách đưng đứng lên như thế?

Than ôi! ông Trường! Phải chăng, do đó mà bước đường chánh trị của ông từ ấy trở đi càng ngày càng thấy lạc vào những ngã rẽ đơn độc, càng xa quần chúng và sự thật...

Ông Trường làm chánh trị, tính đến cái năm ông Thiệu, ông Kỳ

cầm quyền quốc gia đã 36 năm. Nhưng tên tuổi ông được nhiều người biết đến mới từ ngay quân Viễn chinh Pháp đổ bộ lên tái chiếm nước ta. Hồi ấy ông Trường công khai hoạt động rất hăng trong lòng quân đội thực dân Pháp, nhưng không phải hoạt động bằng cách đi vào cuộc sống thực tại của các tầng lớp nhân dân mà bằng những bài văn bài báo. Với kỹ thuật hành văn, với lối nghị luận rất dài giòng văn tự và « vòng vo Tam-quốc » ông đã một thời vang bóng trong thiêu số trí thức vào năm chiến cuộc Việt-Pháp sắp kết thúc, bằng thuyết Trung-lập-chế và mười mấy bức thư trắng giăng đại hải viết gửi cho ông Hồ-Chí-Minh, đăng tải trên tờ Phương-Đông của ông Nguyễn-như-Cánh. Ông phê bình Hồ-Chí-Minh làm sai chánh sách và khuyên nhà lãnh tụ này hãy theo đường lối trung lập của ông. Nhưng người được gửi thư không một tiếng đáp lại, nên dư luận có người đã cho rằng chắc hẳn ông Hồ-Chí-Minh không thèm đọc, hoặc đọc nửa, thì tay chánh trị già bản lĩnh ấy cũng không thể nào chịu được những lời lẽ rất kém chánh trị của

ông Trường, chẳng hạn, bức thư thứ nhất, ngay vào đầu, tác giả đã đưa cho người mà mình đang muốn đối thoại bằng những cái bông đùa không kém về khờ khạo :

« Với lá thư này, tôi là Hồ-hữ-Tường, tôi xin khai mào một cuộc nói chuyện thẳng với cụ, mà bề ngoài của lịch sử tạo thành là kẻ đồng tôn với tôi về khoản này tôi đã đề cao lòng cảm ơn của tôi bằng mấy câu kết luận một bốn câu thuyết mà tôi đã sáng tác vào năm 1947.

« Trong lời kết tôi đã viết « Già danh họ Hồ mà làm cho rạng họ Hồ thì là một điều đáng... mang ơn vậy.. Cũng như ai họ Nguyễn phải mang ơn người Tây sơn áo vải là Hồ Thơm đã làm rạng danh mình với cái tên Nguyễn Huệ. Dầu biến đổi thế nào, người họ Hồ thủy đều mang ơn cụ là kẻ đã, trời tám năm nay, làm cho thế giới biết đến họ mình, thì mở đầu cuộc nói chuyện này, tôi không thể đặt lên trên tất cả tấm lòng bông bột của kẻ biết ơn, một vẻ vô tư của kẻ mượn danh người không tình cảm. Và sở dĩ có những bức thư này, phần lớn là do tấm lòng âu lo về việc dân việc nước,

mà một phần cũng bởi lòng cảm ơn kia và tình riêng tây nợ xúi giục ít nhiều.

Xưa Không - Tử còn không ngần ngại mà học với Hạng Thác thì nay lẽ đâu cụ là người đã chọn cho mình cái tên Chí-Minh, nghĩa là sáng suốt cùng tột, cụ lại vấp vào một sự hãnh diện của kẻ quá ngây thơ sao?...

Có người khác cho rằng mục đích chính trong công việc làm này của ông Trường chỉ là một kế hoạch quảng cáo đi đôi với chiến thuật bắt cá hai tay ở giữa một khúc quanh lịch sử để cả hai bên Việt Cộng và thực dân Pháp đều chú ý đến mình, hầu đưa mình lên một địa vị quan trọng. Nhưng ông đã làm giải cừ và đáp số rất sai, rất chậm về bài toán chiến cuộc ở Đông Dương lúc đó, nên cả những bức thư ấy và thuyết Trung lập chế ấy, kết quả đã thành một màn kịch khôi hài, mà khán giả không ai là người chịu khó đề vổ tay hoan nghinh.

Cả hai nhận định trên đều rất có thể đúng, nên sau khi hội nghị Giơ-neo bế mạc, ông lại chuyên hững hờ bằng cách tham gia Mặt trận Thống nhất toàn quốc với một giải pháp mà ông gọi là Chánh

dịch. Nhưng sự tham gia này đã khiến ông thành một tử tội — nhưng không chết — ở ngoài đảo Côn-sơn của chánh phủ Ngô đình Diệm sau khi lực lượng Bình-xuyên tan rã ở chiến khu Rừng sát.

Chánh dịch này của ông không ai biết rõ, mãi sau ngày chánh quyền Diệm bị lật; nhằm lúc ông được đưa từ Côn Sơn về Chí Hòa để chờ đợi ân xá, người ta đọc báo Tin-Mới, mới biết nội dung của nó ở trong một bức thư năm trang do chính tay ông viết gửi một nhân vật nhiều quyền thế trong chánh phủ Diệm. Sau đây là một đoạn mở đầu :

« . . . Thư này có mục đích là nói cái toát yếu của ba chính sách thuộc về địa hạt chiến tranh bí mật để thi thố ra thì tôi tin rằng :

a) « Sẽ giảm bớt sự lũng đoạn quân sự của V. C ở dưới vĩ tuyến 17 đến 50% sẽ gây lũng củng giữa nội bộ V. C ngoài Bắc và do đó làm cho tình thế của chúng thành nguy khốn.

b) « Sẽ gồm 5 trăm ngàn (?) đảng viên của đảng Dân-Xã (Hòa hảo) theo một lập trường hữu nghị đối với chánh phủ. Chớ không để cho V. C mượn chiêu bài như hiện nay.

c) « Làm cho Cao-Đài góp tay được sự chánh trị hóa và quân sự hóa trở nên một đạo giáo chân chánh không còn là một chỗ để vun trồng mọi mưu mô chánh trị và quân sự. »

Ông giải thích :

« Mục đích của chánh dịch thứ nhất là làm một cái Ségrégation politique. Hễ V. C. còn chung lện với đám người có tình cảm, đám người bất mãn, đám người bị ép buộc thì ba hạng người này thành động lực hoạt động mà chúng chỉ là thần kinh hệ để điều khiển thôi. Khi chánh dịch mở ra, sự phân hóa thành tất nhiên, từ trong mà sanh ra, làm cho V. C. chính tông bị tách rời. Thì những cuộc loạn ở thôn quê sẽ dịu. Cái Ségrégation politique lại mở ra làm cho bè phái nội bộ của V. C. trong tranh ở Bắc. V. C. vốn muốn làm cho miền Nam thối nát với sách thuật lũng đoạn. Ta lại làm cho sự thối nát ấy thôi động về Bắc mượn hình ảnh văn chương mà nói thì sự lũng đoạn này như ngọn lửa trên Trảng Giang vào mùa đông, nên được chánh dịch ta, ấy là ngọn lửa gặp đông phong trận Xích Bích mới thành được.

Mục đích của chánh dịch thứ

hai là thống nhất tất cả tín đồ Hòa-Hảo, dưới ảnh hưởng của người giáo chủ của đạo ấy là Huỳnh-Phú-Sổ, các nhóm quân phiệt sẽ tan rã ngay mối hận giữa Hòa-Hảo và V. C. không thể nào lợi dụng cái chiêu bài H. H. mà gây rối được. Các tín đồ Hòa-Hảo đều tín ngưỡng rằng giáo chủ của họ vẫn tại thế và một khi thấy về thì học chi nghe theo thầy. Ta đem thầy của họ về cho họ và cốt làm sao cho thấy họ có thiện cảm với nền Cộng hòa là được việc ngay. Việc này tinh vi phải khéo léo lắm mới được sự ưng thuận. Việc hao tổn ít mà kết quả nhiều, miền Tây sẽ trở về sự yên ổn.

Còn mục đích của chánh dịch thứ ba là đỡ đầu cho việc thống nhất Cao Đài được tác thành. Từ ngày giáo tông Lê-văn-Trung tịch đến nay, thì đạo giáo Cao-Đài chìm ra nhiều phái. Tất cả các chi phái đều chỉ lo việc tu hành chỉ chưa có hai phái (Tây Ninh và Hậu Giang) là bị quân phiệt hóa. Nay phái Hậu Giang của Cao-triều-Phát đã mất đầu, mà phái Tây Ninh cũng bị kẹt vào một cái thế bí. Và lại từ hơn một năm nay trong các chi phái Cao-Đài có ý muốn ngấm ngấm hợp nhất các chi phái và đồng thời một ý muốn

ngấm ngấm hợp nhất các chi phái Cao-Đài đó, một gọi rửa sự quân phiệt hóa. Ta có cách làm cho ý muốn ấy hình thức hóa và trường thành, tức là biến Cao-Đài giáo lại được. . . »

Và nhấn mạnh :

« Nếu ba chánh dịch này được mở ngay bây giờ thì tôi tin rằng trong ba tháng sẽ kết quả. Sự lũng đoạn quân sự sẽ giảm bớt 50 phần trăm, ngân quỹ sẽ tiết kiệm hàng trăm triệu vì những chiến dịch táo thanh mà nước nhà tiết kiệm được bao nhiêu máu của quân sĩ. Mùa màng năm tới sẽ được sản sóc, nền kinh tế sẽ ổn định, hơn là để cho sự lũng đoạn kinh tế của V. C. làm thối nát. »

Bức thư không dễ ngày, nhưng theo sự xác nhận của báo Tin Mới số ra ngày 2 tháng 1 năm 1964 thì ông Tường viết trong lúc bị giam ở Chí Hòa trước khi bị lưu đày Côn đảo. Bởi thế người ta cũng rất nghi ngờ về cái sĩ khí của ông cũng như sự có mặt của ông trong hàng ngũ các giáo phái chống chánh phủ độc tài Ngô đình Diệm trước đây, mặc dù ở bài « Số Chó » đăng trong đặc san « Tin Tường » kỷ niệm Cách mạng tháng 11, xuất bản năm 1965,

ông đã khéo đưa vào mấy giòng kết luận :

« Câu chuyện này, tôi xây dựng sau khi Thiếu tá Tỉnh trưởng Lê Văn Thê được mật lệnh của Ngô Đình Diệm gọi ra hỏi tôi khuyên nên ra ứng cử Tổng thống nhiệm kỳ hai chăng. Tôi đã trả lời bằng một bức thư rằng nếu muốn thay đổi chương trình cho thật dân chủ nhân đạo, thì nên. Còn nếu giữ theo nếp cũ, tốt hơn là rút lui đi. Sau đó tôi lại viết một bức thư khác cảnh cáo rằng sẽ mang họa.»

Còn riêng cá nhân ông, thì tuy có bức thư điều trần ấy, cũng vẫn không thoát khỏi cảnh « Phi lạc » Côn-đảo và « Phi lạc » Chí Hòa trong suốt tám năm trường từ năm 1955 đến 1964.

Khi được Hội đồng quân nhân Cách mạng đưa về đất liền, ông tuyên bố với các ký giả sẽ không làm chánh trị vì tuổi đã luống rồi nhưng khi được thả ra ông lại bước chân vào con đường chánh trị. Nhiều người không đồng ý về điểm này của ông nhưng vậy là đã quá câu chấp, bởi lẽ khi ở tù ông Trường cảm thấy bản thân đã bất lực vì tuổi già sức yếu nhưng ra tù rồi ông vẫn có quyền tham gia sau khi đời sống vật chất đã được bồi dưỡng lại. Đáng phen nài

chăng là sau tám năm suy tư ở trong bốn bức tường ra, cách thức hoạt động chánh trị của ông lại cũng không thấy gì khác hơn là chỉ trên giấy tờ. Ông tuyên bố hủy bỏ thuyết Trung tập chế đề đưa ra thuyết Siêu lập chế trong lúc chánh phủ đang bài xích « Trung lập » và chống « thủ tướng » Trần-Văn-Hương bằng một bức thư lấy danh nghĩa tâm giao khuyên ông này rút lui để khỏi mắc vào « Tru tiên trận ». Bức thư không biết đến tay ông Hương không, nhưng có một điều đã đến với các tờ nhật báo ở đây, và trở trêu thay lại được ký giả Tô Vô đáp bằng một bức tâm thư đăng trên nhật báo Chuông Mai số 280 ngày 17 tháng 11 năm 1964, đề đặt một sự thắc mắc về việc làm của ông, trong có đoạn:

« . . . Ông lấy tình thâm giao với ông Trần-Văn-Hương mà yêu cầu ông rút lui là chí lý lắm. »

« Chắc chắn rằng, trước khi viết bức « tâm thư » đó, một chính trị gia lão luyện như ông đã duyệt lại cái quá trình đấu tranh của ông. Là chánh trị gia lão luyện, ông không quên rằng: chỉ có mấy người khờ mới không thay đổi chánh kiến.

Vì vậy, từ « đệ tử », ông nhảy qua « dân xã », từ « dân xã »

qua « nền thịnh vượng chung », qua « trung lập », lại chối « trung lập » ông nhảy qua bên kia cầu chữ Y để phụng sự cho « Anh Bảy »...

Trong lúc mà ông Trần-văn-Hương mệt trí, vẫn cố lì, ôm theo cái chủ nghĩa quốc gia quá cũ !

Có người lại cố ý xuyên tạc ông về việc thay đổi ấy. Kể hèn này thì không ! Vì tất cả đều là giai đoạn. Phải không ông ?

Cũng như trào « thịnh vượng chung », từ Saigon ông chạy xuống Cần Thơ để chiếm cái ghế Hiệu trưởng Trung học, nhưng mấy anh « ba bốn » chả hiểu chính trị giai đoạn là gì, lại tổng cồ ông ra ngoài.

Cũng như trào ông Diệm, ông chạy qua « Anh Bảy » nhờ kho bạc Bình-xuyên giúp ông về « vật chất » để cùng « Anh Bảy » lật đổ ông Diệm, rồi sau này sẽ cố lật trợn « Anh Bảy » và bọn Tài, Sang, Tư Cốc ! Vậy thôi !

Ông cho biết : có người đét « rừ » ông đứng lên đối lập ông Trần-văn-Hương mà ông không thêm.

Ông không thêm là phải lắm ! Vì hiện tình, đối lập quá dễ ! Ai đối lập không được ? Năm nhà viết « tâm thư » gửi báo đăng



cũng xưng là đối lập rồi, huống hồ là ông, có ăn học nhiều, có quá khứ tranh đấu đầy đủ !

Cũng như lúc « tình trạng khẩn trương » có cái Hiến Chương Vũng Tàu, nực nồng mùi độc tài quân phiệt đó, ông có thêm lên tiếng đối-lập đâu ?

Cũng có người hỏi : đã là bạn tâm giao « của ông Trần-văn-Hương », sao ông không viết thư riêng cho ông Hương mà lại cho đăng « bức tâm thư » một cách quá rùm beng như vậy ?

Thật là một câu hỏi quá « vô ý thức » và tỏ ra người nêu câu hỏi không hiểu chính trị là gì.

Kể hèn này, thì hiểu ông nhiều lắm... Vì, nếu không đăng lịch sử sau này sẽ căn cứ vào đâu mà phê phán, có phải không, ông Hồ-hữu-Tường ? »

Thế rồi, sau đó cái thuyết « Siêu lập chế » của ông đã bị

hâm hĩa hơn là cả thuyết « Trung lập chế » trước kia, vì lý do chỉ trong một ngày mà thời cuộc đã đi hĩa bảy dặm...

Nói tóm lại, về mặt chánh trị qua nhiều giai đoạn, chúng ta không tìm thấy ở ông Hồ-hữ-Tường, một chủ trương rõ rệt nào cả mà chỉ toàn thấy những lý thuyết suông, những cao vọng mơ hồ đề rời tự mình cũng không tìm

được định hướng cho mình. Không biết giờ đây ông đã thức tỉnh về quá trình hoạt động hay chưa? Nếu chưa, không chừng chính ông sẽ lọt vào « Tru tiên trận, » một trận mà ông đã khuyên người nên thoát, thoát vì không « có được nhiều bửu bối », và « thoát cách có trí có nghĩa để khỏi làm một phương tiện lột đường » cho một chánh thể vậy!.. (còn tiếp)

Δ Anh nghĩ thế nào?

Trên một ghề đá ở công viên bờ sông Saigon, chàng và nàng đang tâm sự mê ly. Nàng rỉ tai chàng nói n'ỉ :

— Anh phải liệu thể nào chứ kéo dài như vậy mãi, em lo quá!

— Em đừng lo, mọi sự đều có anh.

Nàng nũng nịu :

— Có anh, nhưng anh cứ hẹn hoài vậy, chắc em phải nghe lời ba má thôi.

Chàng thờ ơ :

— Ba má tỉnh sco hờ me?

— Gả em cho người khác chứ sao?

— Thế em bằng lòng không?

— Chắc rồi cũng phải bằng lòng, nghe theo lời ba má! Nghe ấy hẳn chẳng xa là bao.

Chàng cầm tay nàng hồi hộp hỏi :

— Độ bao lâu nữa hờ em?

— Trong tháng đến, nếu anh không thu xếp gấp để cưới em!

— Vậy anh càng mừng hơn nữa, chứ cưới em lúc này sao được!

Nàng :

— Nghĩa là anh nhất định không cưới em phải không?

Chàng buồn rầu :

— Muốn cưới lắm, nhưng anh sợ bà xã nhà anh quá!

MIỀN TÂY NAM
CHÂU - MỸ

★ William Weber Johnson

● Thái-bình-Dương dịch



Miền đất nằm ngang, khô khan, ăn dài bất tận đến chân trời xa thẳm là một thực thể tẻnhị dưới vòm trời bao la quang đãng. Phong cảnh trống rỗng đến nỗi từ dằng xa, người ta có thể nhìn thấy một doi nét tồ đậm vượt hẳn lên một cách rõ rệt đến rợn người : một căn nhà khô khan, trắng xóa dưới ánh dương, như treo giữa không gian, bầu

bạn với một cối xay gió duy nhất, lười biếng. Những lớp cỏ cây, các cụm xương rồng đầy bụi và bất động hình như chỉ thoi thóp sống Đó là miền Tây Nam Hoa-Kỳ trong lớp áo ngoài quen thuộc nhất, tạm đủ nói lên một phần nào về miền đất bao la, mập mờ, phình gát và đầy màu thuận này.

★

Một thế kỷ trước, Thoreau đã viết câu sau đây, khi thấy

hiều lần mình ra khỏi nhà đi lạc, một linh tính thường dẫn mình đi về hướng Tây Nam . . . Tương lai vạch con đường đó cho tôi, và đất đai về phía đó đối với tôi hình như ít kết quả, phong phú hơn.) Vô số những người khác đã thực hiện cuộc tây tiến. Hai lý do cổ điển đã thúc đẩy họ bắt tay vào việc: đó là sự khao khát làm giàu mau chóng nhờ khai thác đất đai, vàng và thương mại; và một hy vọng sâu xa hơn, ít vị kỷ hơn. Tin tưởng bề nào trong vùng đất mới, đời sống cũng sẽ tươi đẹp hơn đối với con cháu. Đó có thể là một niềm sùng tín, hoặc một chuyện thường tình thoát tay thần công lý.

Miền Tây Nam không phải một vùng đất thuần nhất, hợp nhất và đồng nhất. Các dân cư ở đây có thể nói giọng kéo dài đều đều của miền bình nguyên phía Tây,

các giọng hỗn tạp của miền cực Nam, các thổ ngữ Da Đỏ hoặc giọng nói chài chuốt của miền Ivy League. Các chòm cây tùng mọc san sát của miền Tây Texas giống hệt như cảnh dưới trăng của khúc quanh lớn (Big Bend) trên sông Rio Grande; các đụn cát trơ trọi và cảnh bờ biển lóng lánh, giống hệt như một biển cỏ sáng lơ mờ.

Các thị dân ở Houston, Tulsa, Phoenix, hoặc Albuquerque ngồi thoải mái trong phòng điều hòa không khí, đang chăm chú nhìn qua cửa sổ các sân cỏ tươi tốt và các cây miền bán nhiệt đới nóng bỏng nhờ nước và phân bón đã mọc lên như thối trên một mảnh đất nghèo nàn. Và người dân Da Đỏ tin tưởng vào mái nhà xây bằng gạch đất phơi khô, choàng tấm mền bay lất phất trước gió nóng, đang chăm chú nhia vào không

cảnh hạn hán đã nuôi sống, một cách khó tin, đồng bào của họ cả hàng trăm thế kỷ. Còn người dân vùng rừng rậm thì chăm sóc các thứ dụng cụ nuôi sống họ đã có từ trước khi có quốc gia. Ở ngoài khơi, các dụng cụ tìm kiếm dầu lửa dưới nước Vịnh Mễ Tây - Cơ và các máy xay bột chạy gió kêu cọt két đang hút nước từ các dòng nước bí mật dưới mảnh đất bụi bặm lên. Một phụ nữ Navajo cõng ngồi trước túp lều đang dệt vải với những sợi len nhuộm màu đất, và các nhà tác xạ ở White Sands hoặc Holloman đang nghiên cứu các loại máy móc quái dị; họ ngắm nhìn tinh tú và khoảng không gian bao la y như ta nhìn vào khúc quanh sắp tới của một con đường xa lạ.

Đây là một thế giới đã trải qua một thời kỳ ấu trĩ lâu dài. Rồi bỏ qua thời kỳ niên thiếu cân xứng, nó nhảy vọt

sang một thời kỳ trưởng thành đẹp đẽ, đôi khi kỳ quặc và khó tin, nhưng vẫn oanh liệt và hấp dẫn. Một lịch sử đầy màu sắc, đã được ghi lại trong nền địa chất của xứ này, trong các di tích của đời sống cổ dưới biển, trong khung cảnh của những lớp cây hóa đá. Người Ilano và Folsom đã đi lang thang quanh vùng có cả hàng vạn năm. Qua các thời đại, vùng này đã bị những cơn hạn hán lớn lao tàn phá. Dân số các tỉnh và làng mạc của các bộ lạc định canh đã giảm thiểu. Các di tích đồ nát điêu tàn, được tàng trữ bằng loại hơi khô ráo, hiện nay vẫn tồn tại như những lâu đài của một quá khứ bí hiểm. Các bộ lạc du mục man rợ của vùng đã di chuyển về phía Nam, xuống Mễ Tây - Cơ, và đúng lúc trở thành Quốc gia *astec* lãnh đạo các bộ lạc khác, cho đến khi vấp ngã thảm bại trước

dân Cortes.

Các nhà thám hiểm Tây-Ban Nha cuồng loạn lên vì số vàng bạc vĩ đại mà Cortes đã đoạt được của Montezuma, tấnh tị Aztec. Do đó, họ đã đổ xô về miền hoang vắng này với hy vọng khám phá ra các kinh thành thần thoại mất tích Cibola và Gran Quivira, mà thị dân là các thợ vàng thợ bạc. Họ lục soát các sa mạc, núi non, đồng ruộng, khám phá ra hồ lớn Grand Canyon thuộc tiểu bang Colorado ngày nay, nhưng chỉ gặp toàn thất vọng: chẳng thấy các thành phố vàng đâu hết. Sự nghèo nàn hiển nhiên của vùng này đã quyết định thái độ tiến về Tây Nam của người Tây Ban Nha và Mê-Tây-Cơ. Vùng chỉ còn là một tiền đồn; khung cảnh lâm việc cực nhọc của những người thừa sai do các vị linh mục phái tới.

Những người ưa mạo hiểm,

các tay săn, các tay đánh bầy thú, các kẻ buôn da thú, các nhà chuyên chở và các thương gia của năm sáu nước khác nhau đã vượt qua khoảng trống bao la và từ từ tìm hiểu vùng này hơn. Nhưng chưa được, mãi tới khoảng một phần ba đầu tiên của thế kỷ thứ 19, cuộc tây tiến nhằm mở rộng thêm phần đất cho xứ Hoa Kỳ trẻ trung mới bắt đầu được xúc tiến. Tại những vùng mà hiện nay là Oklahoma, những lớp người Da Đỏ vẫn mình bắt hạnh đã thực hiện đoạn đường chót trong cuộc di dân của mình: họ bỏ buộc phải từ bỏ nếp nhà cũ ở miền đông nam để nhường chỗ cho làn sóng người Da trắng tràn tới. Trong miền đất mới hoang vu này, người di cư Da Đỏ phải vất vả lắm mới dựng nên được những căn nhà mới, thiết lập trường học và khẩn hoang.

Từ các xưởng máy miền đông, dọc theo đường mòn Santafe, các nhà chuyên-chở đã vận chuyển sang Miền Tây các thứ hàng hóa chế tạo như quần áo và các đồ trang sức bằng da. Các nhà buôn khác và càng ngày càng đông người di cư đã tụ tập rất đông trên các đường lớn dẫn tới Texas. Tại đây, nhà cầm quyền Mê-Tây-Cơ đã đề chừa một khoảng trống vĩ đại, đầy quyền rũ. Có một vài người như hai cha con Moses Austin và Stephen, đã thu nhận đất đai do chính quyền Mê-Tây-Cơ cấp cho. Nhiều người khác đã di cư tới vì nhiều lý do khác nhau thúc đẩy. Những kẻ đầu cơ đất đai cũng như các nạn nhân của họ đâu đâu cũng có.

Cái xứ sở hoang vu, phi trật tự này bấy giờ thường là chốn ẩn thân thiên nhiên đối với những kẻ trốn tránh công lý, sát nhân; những

tay trộm cướp hoặc các thứ can phạm nhẹ hơn khác. Dĩ nhiên cũng có những người vì ưa mạo hiểm mà tới như Sam Houstons, Jim Bowies, Davy Crocketts. Một vài người trong số này là những vị anh hùng, những vĩ nhân, và tất cả đều hăng hái khẩn hoang vùng đất mới.

Các yếu tố này chỉ có thể dẫn tới chiến tranh và Mê-Tây-Cơ đã phản ứng lại một cách mãnh liệt đến nỗi không ai ngờ tới. Người Texas tẩu thoát sang Buffalo Bayou ở về phía cực đông Texas. Tại đây, trên các cánh đồng của San Jacinto, Sam Houston, một thiên tài quân sự, đã và víu biển đoàn người chạy trốn ở hợp này thành một thứ vũ khí để chi phối. Họ phản công lại đạo quân đông gấp bội của tướng Santa Anna quá tự tin, và đã đè bẹp đạo quân này. Sau một thời gian ngắn sống hỗn loạn với tư cách một nước Cộng Hòa,

miền Texas được sát nhập vào Hoa kỳ. Hiệp ước Guadalupe Hidalgo đã ấn định rõ rệt ranh giới Texas là sông Rio Grande. Hiệp ước cũng sát nhập vào Hoa kỳ một vùng đất bao la gồm các miền hiện nay là California, Arizona, New Mexico, Nevada và Utah; và cho Texas được hưởng danh hiệu Hoa kỳ.

Mới nhìn qua, ta thấy vùng này không có gì hứa hẹn nhiều lắm. Vậy tại sao nó đã không giữ nguyên trạng một khoảng trống địa dư, một thứ Tân thế giới tương tự như các sa mạc Sahara và Gobi? Ồ! xâm lăng khám phá của người Mỹ hồi đó phải kể là một yếu tố phi thường. Nhưng, ngoài Miền Tây Nam ra, dân tộc giàu nghị lực và thích xâm chiếm nhất thế giới này đã có thể thành công phần nào, chính là ở một loạt các yếu tố ngẫu nhiên khác.

Trong các cuộc viễn chinh

người Tây Ban Nha đã đem theo các giống ngựa cỡi rất tốt và các đoàn súc vật dùng để tiếp tế thịt lưu động. Các giống vật này đi lang thang khắp nơi; một số còn tồn tại và đã nhập đoàn với số súc vật lạc đoàn của các trại chăn nuôi khác. Người Da Đỏ đã bắt được các giống ngựa đại này và đã nghiêm nhiên trở thành những tay kỵ mã xuất sắc, tài ba; những chiến sĩ bạo tàn và phi như gió. Do đó, khi người dân Da trắng càng cần chinh phục dân Da Đỏ bao nhiêu, thì họ càng cần phải chiến đấu kịch liệt để định cư ngay trên mảnh đất dẫm máu của dân Da Đỏ mà họ đã giành giật được bấy nhiêu.

Các thú thú rừng man dại cũng sinh sản tương tự trong các vùng đất mới. Các bầy thú lớn nhất phát triển ở miền Nam Texas. Vì dân chúng thuộc các vùng khá đông dân định cư ở miền

đông và miền Bắc hành trường, nên người ta đã thiết lập một chợ buôn thú đại. Các nhà thầu đã mướn người đi vây bắt các bầy thú để đem cá ra chợ bán như tại California, St Louis, hoặc Chicago. Sự hành trường các đường hỏa xa làm cho việc chuyên chở bầy thú tới các chợ mau lẹ hơn và ít tốn kém hơn. Đã có một thời kỳ quyền tự do chiếm hữu súc vật trở nên quan trọng.

Vì chợ bán súc vật phát triển nên các trại nuôi cũng càng ngày càng được hành trường. Các chủ trại bắt đầu cải tiến phẩm chất của bầy thú và quan tâm đến vấn đề nâng cao giá lên. Cuộc đấu cơ tiến hành theo vòng tròn ốc. Các trại nuôi thú lúc ấy ứ đầy súc vật, lại gặp lúc trời làm hạn hán nặng nề, nên năm 1885, toàn bộ cơ cấu lung lay ấy đã sụp đổ tan tành. Các tay phiêu lưu

và các kẻ chăn nuôi theo thời, đều bị sa thải, duy chỉ có những kẻ thực sự sống về nghề chăn nuôi mới tồn tại. Họ biến việc chăn nuôi thành một khoa học. Các trại chăn nuôi lớn hiện nay đã biết thận trọng chọn giống, gây giống và sản xuất gia súc bằng các loại máy móc đa sản. Các dấu vết về vật chất của ngành kỹ nghệ gia súc hồi đó, hiện đang bị lu mờ trước sự va chạm với các đám chăn bò và ngành kinh doanh trại nuôi của những lớp người mới ảnh hưởng lối xử thế và phong tục của Hoa kỳ. Tuy vậy, các trại chăn nuôi kim thời vẫn duy trì được sắc thái cổ truyền mạnh mẽ.

Những câu chuyện hoang đường về những đám chăn bò (cowboys) và dân Da Đỏ ở Mỹ châu là một âm hưởng quen thuộc trong tâm khảm dân Âu châu, cũng như khá đại chúng hơn là những câu chuyện về các cuộc đấu

tranh đầy ý nghĩa của các nhà lập quốc Hoa Kỳ. Tại Miền Tây Nam, ngành nông nghiệp không có gì đáng quuyến rữ. Do đó cuộc di cư càng ngày càng bành trướng và tiến xa về phía Tây. Các đồng cỏ từ ngàn năm qua mọc chen chúc nhau; nay đã cảm thấy sức tàn phá của thời gian: nó biến thành đất mùn và trong một thời đã sản xuất những mùa gặt hái phi thường. Nhưng sau cùng, nó nhiên thành bụi và mặc tình để gió cuốn đi. Các trại chủ đã mua các vùng đất cỏ đầy hứa hẹn này và trông trọt với mơ tưởng sẽ làm giàu lớn, nay chính mắt dự kiến nông trại của mình bị « cuốn theo chiều gió ». Sự kiện xảy ra khiến nhiều người phải di cư khỏi vùng; phần lớn tiến về phía Tây và California. Nhưng những người liêu lĩnh vẫn tiếp tục ở lại. Họ nghiên cứu những phương pháp canh tác mới

và đã thực hiện được những mùa gặt mới có thể chống chỏi được với mọi sự khắc nghiệt của lớp đất miền này. Một số các khu vực bị tàn phá nhất trong những ngày Bụi Bay (Dust Bowl days) năm 1930, đã biến thành một trong những tấm gương vĩ đại nhất, bao la nhất của thế giới đối với công trình dẫn thủy nhập điền nông trại. Trong khi nền nông nghiệp kim thời với các vụ gặt mới, và những phương pháp sản xuất mới trong một vùng đất khô khan dù có hoặc không có dẫn thủy nhập điền đang hướng về miền Tây, thì ngành kỹ nghệ chăn nuôi súc vật cũng đã từ từ chuyển hướng về miền đông: vùng đất trước đây đã từng kiệt quệ, suy nhược vì nhiều thế hệ canh tác, nay có thể để cho cỏ mọc lại và kịp thời biến thành đồng cỏ tốt tươi, đủ sức nuôi sống một số rất lớn súc vật.

Cả hai ngành chăn nuôi và nông nghiệp đã từng đóng một vai trò quan trọng trong công cuộc phát triển miền này, thì nay, cả hai đều bị lu mờ trước đà phồn thịnh và kỹ nghệ do các mỏ khoáng chất tiềm tàng trong lòng đất đem lại.

Năm 1543, khi một tiền hạm chở đầy những tay cướp biển người Tây Ban Nha bị bão táp ngoài khơi đe dọa, đến tìm nơi trú ẩn tại đèo Sabin Pass trên vịnh Mê Tây cơ, họ đã nhận thấy trên mặt nước có một lớp vàng dày. Họ liền vớt lấy vàng đó, và đem sơn trét lên vỏ tàu. Ba thế kỷ sau, tại Spindletop, gần Beaumont thuộc Texas, người ta đã tìm ra được một giếng dầu hỏa vĩ đại, và giếng này đã đem lại một số lượng dầu lửa quá sức tưởng tượng.

Việc tiếp tế dầu lửa quan trọng này đã đẩy mạnh việc sử dụng nó vào các ngành

kỹ nghệ, trong các xưởng máy, các đầu máy xe lửa, và các loại tàu vẫn còn chạy bằng hơi nước. Khoảng năm 1910, máy chạy xăng bắt đầu được sử dụng; và từ đó đến nay, sự khám phá dầu lửa đã bùng nổ và lan rộng trong toàn vùng.

Trong cái thời đại dầu lửa này, nhiều người đã tạc được tài sản hay mất nghiệp chỉ trong một đêm; những vụ gian điệp, những mưu mô thủ đoạn hoặc sử dụng võ lực là những chuyện xảy ra hàng ngày như cơm bữa. Phần lớn Miền Tây Nam đã trở thành một miền kỹ nghệ mà không cần phải trải qua một cuộc biến thiên kỹ nghệ nào thành luyện nó. Phần lớn tin dụng đều tùy thuộc vào dầu lửa và các ngành kỹ nghệ liên hệ.

Miền Tây Nam là miền đầy những câu chuyện ngộ nghĩnh về các tay chủ trại trở nên giàu có nhờ dầu lửa.

Nhưng phần nhiều đều nói về kinh doanh và không ngoài những lần lần thông thương của những kẻ đều hóm sớm mai trở thành giàu có. Cái mũ (nón) trắng rộng vành, cái cà vạt to màu sắc sỡ, đôi giày thêu và cách xài tiền phung phí của họ thường thấy ở ngoài xã hội hơn ở nhà. Tại đây, bạn của họ thường mô tả họ là « những chủ nhà quê cổ lỗ. »

Tân Mễ Tây Cơ đã vững mạnh tiến lên hàng các tiểu bang sản xuất dầu lửa và dầu xăng. Các trại định cư hoang vắng phủ đầy bụi bặm nay đã trở thành những đô thị phát đạt và đầy bụi dầu lửa hơn. Trong khi đó, dân Navajos nghèo đói kinh niên cũng đã trở thành giàu có. Và dân Da Đỏ đã khôn ngoan biết dùng tiền vào những việc công ích cho toàn thể bộ lạc như thực hiện các dự nòng nghiệp và quỹ giáo dục.

Khi phân tán về sự kiện xảy ra, không nói g ta phải kể đến những cái mốc lịch sử chính yếu, mà còn phải kể đến cách mà kỹ xảo cơ giới và óc thông minh của coa người đã giúp tạo thành các vùng đất trù ngù được.

Dân Da trắng chưa hẳn hoàn toàn chinh phục nô, dân Da Đỏ nếu một người ở Tân Anh Quốc không biết trừ liệu và chế tạo được cây súng sáu đầu tiên. Kỹ nghệ chăn nuôi kim thời có lẽ không thể phát triển đến mức độ rộng lớn như hiện nay nếu những hàng rào kẽm gai không được trồng ra kịp thời. Một số mỏ khoáng chất vĩ đại nhất có lẽ không bao giờ được khám phá nếu không có những dụng cụ trang bị để khai thác như các loại máy khoan mau lẹ tân tiến thích hợp với việc đào lỗ sâu xuống đất đến hàng dặm. Máy bay đã giải quyết được vấn đề

chuyên chở qua nhiều miền đất xa xôi, hẻo lánh, hoang vắng và bát ngát.

Hồi đầu đệ nhị thế chiến, một vùng cao nguyên hẻo lánh ở miền bắc Tân Mễ Tây Cơ đã được chọn lựa làm đại bản doanh bí mật chế tạo bom nguyên tử (có lẽ vì tính cách hoàn toàn cô lập của nó). Ngoài mọi liên hệ về chính trị và quân sự của bom nguyên tử, nó đã đánh dấu bước tiến khởi cho một thời đại trong đó, khoa học thống trị chiến tranh và trở thành một thực thể vượt lướt hẳn kỹ nghệ. Bấy giờ đã đến lúc kỹ nghệ phải trở thành một động lực thúc đẩy cải biến sắc thái của hạt Tây Nam. Sự hiện diện của căn cứ Los Alamos bó buộc phải thiết lập các ngành kỹ nghệ hệ thuộc vào các căn cứ quân sự và chung quanh các căn cứ này. Nhiều ngành kỹ nghệ nhỏ đã mọc lên để đáp ứng nhu cầu của những

cơ sở lớn lao. Kết quả là Tân Mễ Tây Cơ đã bước vào một thời kỳ phát triển vượt mức và tính chất của nền kinh tế tiểu bang đã được biến cải tận gốc: từ trạng thái chăn nuôi đã nhầy sang trạng thái khoa học nhanh như chớp.

Qua sự trùng hợp may mắn hiếm có đó, những kẻ khai mỏ từng phấn khởi hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu về chất uranium cho ngành khoa học nguyên tử, cũng đã thực hiện được nhiều công trình khám phá có tính cách vĩ đại nhất Mễ Tây Cơ.

Khác với các hình thức kỹ nghệ nặng cổ điển thường phải thiết lập cơ sở ngay cạnh các đường hỏa xa hoặc thủy lộ — vì lý do thích hợp cho việc chuyên vận than đá và sắt đến các trung tâm kỹ nghệ, cũng như để giúp vận tải máy móc nặng nề đi các nơi khác để đảm

— các ngành kỹ-nghệ tân tiến có thể được thiết lập tại bất cứ nơi nào xem như thuận tiện cho việc bắt dây điện, có các ống dẫn dầu để tiếp tế nhiên liệu, và có sẵn xa lộ dùng cho xe vận tải qua lại. Về số các kỹ sư và kỹ thuật gia, thì hiện chưa đủ để đáp ứng nhu cầu; do đó, người ta đã phải nghĩ đến vấn đề lựa chọn. Thường thường họ chọn công ty nào biết tính toán việc đặt công xưởng lại những vùng có khí hậu ôn hòa và đời sống dễ dàng.

Do sự phối hợp hiếm có của hoàn cảnh này Arizona đã là một trong những miền được thụ hưởng tiến bộ của kỹ nghệ chính yếu. Nhiều người đã đến Arizona chỉ vì khí hậu tốt, rồi họ định cư để kiếm một công ăn việc làm mới, hoặc trong kỹ nghệ, hoặc khởi công thực hiện một chương trình kinh doanh riêng. Cũng vào lúc đó, trong khi lớp thổ dân Da-đỏ đang trở thành

một thiểu số bạc nhược, thì những làn sóng di dân lại tràn ngập tới. Đứng trước cái ngã ba đường nhộn nhịp tại Albuquerque, một người dân định cư cũ đã vô đầu bứt tóc nói rằng: « Tại sao vậy. Làn đầu tiên khi tôi đến đây, thì vùng này lúc ấy mới chỉ có một con thỏ rừng, thỏ lẩn hoặc rắn chuông. Mà tính đến tháng giêng vừa qua, tức mới được hai năm trời, rừng này đã biến chuyển phi thường đến như thế. » Mọi quan tâm thường trực đối với miền này là các vấn đề có nước hoặc thiếu nước. Nhưng với đặc tính lạc quan của toàn vùng, thì ai nấy đều có thể tin tưởng rằng, hễ khi có vấn đề nào bắt đầu trở nên trầm trọng, thì người ta lại tìm ra ngay được giải pháp thích ứng cho vấn đề. Phải chăng niềm tin tưởng đó là lý do bảo tồn đặc thái lịch sử của vùng



xin cho tôi

★ THIÊN-HẢ



Xin cho tôi ngủ yên
quên hết nỗi tru phiến
bao năm rồi chinh chiến
quê hương mình ngựa nghiêng

Xin cho tôi ngủ say,
quên số kiếp lưu đày
con người và thân phận
quê hương mình hôm nay.

Xin cho tôi ngủ mê
từng đêm gió mưa về
không gian chùng diên đảo
đất trời buồn lẻ thê.

Xin cho tôi ngủ mơ
đôi ánh mắt đại khờ
thiên thần ca tuổi nhỏ
khóc thương đời bơ vơ.

Xin cho tôi ngủ quên
cuộc đời nát tru phiến
đất trời lên sóng gió
bao giờ mới lặng yên.

25 - 9 - 66.

(Bài 7 trong 10 bài tình ca)

KHÔNG phải bây giờ, mà từ hồi nhỏ — *Cái tuổi của tộc mạch tìm hiểu* — tôi cũng không ưa những chuyện ma. Không phải vì tôi không tin là có ma. Mà, vì tôi là một thằng... rất nhát ma.

Mặc dù, biết như thế là vô lý. Một thằng người có đủ da, đủ thịt, đủ xương, đủ gân, có thể quật ngã được bò mộng như tôi, lại đi sợ cái thứ... đó ma là vật nếu có, cũng chỉ có hình mà không có xác.

Một thằng đã ký ma đến cái độ như thế, lại vẫn bị những chuyện ma ám-quê, quả là một điều... rất đáng ân hận!

Bữa ấy, vào buổi chiều thứ Bảy, có một anh bạn hẹn lên hẹn xuống, dù bạn đến đâu cũng phải bớt chút thì giờ đến anh ta thưởng thức món «mộc tử» do chính bàn tay khéo léo của anh ta làm.

Tôi đang đánh răng, rửa mặt, sửa soạn vác cái mồm đi ăn, thì nàng tới — xin long trọng giới thiệu ngay với quý bạn, nàng chính là người yêu của tôi.

Thoạt nhìn cái vẻ mặt hốt hoảng của nàng, tôi nghĩ ngay



GẶP MA

truyện vui

△ CAO-NGUYỄN LANG

GẶP MA

tới một triệu chứng bất thường xảy ra với nàng, và có thể cũng liên quan tới tôi, vội hỏi nhanh :

— Có chuyện gì thế em?... Bộ má bắt ép em phải đi lấy chồng. Và cái thằng chồng ấy, chắc không phải là anh phải không ?

— Không, nhưng là một chuyện quan trọng lắm.

— Quan trọng như thế nào ?
Nàng ngập ngừng một khắc, rồi hỏi tôi :

— Anh có thể tin rằng một người, mà mình biết chắc chắn là đã chết từ hơn một năm nay, có thể sống lại được không ?

— Nhất định là không rồi !

— Vậy mà em đã gặp một người như thế. Anh ta là anh rể của em. Người chồng trước của chị Liên.

— Em gặp bao giờ ?

— Ngay lúc chiều, quăng ba, bốn giờ. Lúc ấy em đang đi trên chuyến ô-tô-buýt Sài Gòn — Chợ Lớn, tính vào Đông-Khánh kiếm mua mấy mớ đồ mừng đám cưới chị Liên. Tình cờ, lúc xe chạy đến khoảng Trần Hưng Đạo, đột

nhiên em thấy anh đứng ở bên lề đường. Em tin rằng em không thể làm được, vì em đứng ngay gần cửa, khoảng cách giữa em và chỗ anh đứng không đầy năm thước. Điềm nữa khi nghe em rú lên gọi tên anh, anh cũng nhìn thấy em, còn đưa tay lên vẫy em cơ mà. Ngặt vì, chỗ ấy là giữa khoảng đường, xe không ngừng được. Em phải chờ đến một trạm kế tiếp mới nhảy xuống. Trạm này cũng chỉ cách chỗ em vừa gặp anh Phong — tên người anh rể — đứng vừa này chừng hơn trăm thước. Em chạy vòng trở lại thì không thấy anh đâu cả..

Tôi còn đương phân vân về câu chuyện xảy ra với nàng — mà tôi tin chắc là có thật, không do sự nhìn hoảng, vì nó xảy ra giữa ban ngày ban mặt hẳn hoi — thì nàng xuống giọng than thở :

— Không ai như em. Về nhà, em lại kể chuyện cho chị Liên nghe. Không những « bà » ấy đã chẳng tin mình thì chớ, lại còn tỏ vẻ nghi ngờ

mình phá bỏ nữa mới tức chứ. Bà ấy nghĩ rằng mình cũng có tình ý gì với anh Hân, là ông chồng thứ hai sắp sửa cưới bà ?

— Bộ đã có lần nào em lén-phóng với thằng cha để bà ấy ghen ?

— Bây nà ! Chả là hồi xưa anh Hân ở ló ngay cạnh nhà em và nhà bác em. Lúc bây giờ chị Liên đã lớn. Mà em thì còn nhỏ. Chị Liên học đệ tam. Em mới đệ thất. Chị lại đẹp. Anh Hân lớn hơn chị chừng năm tuổi, đã có một đời vợ chết. Là một công chức trẻ, độc thân, anh ở một căn nhà cũng khá lịch sự. Anh rất thân với Bác và bà em, thỉnh thoảng vẫn sang nhà chúng em chơi. Chẳng biết anh có ý định dòm ngó chị Liên không, nhưng em biết chắc, chị Liên không hề để ý đến anh. Vì, dẫu sao, anh Hân cũng đã có một đời vợ. Chị Liên hãy còn con gái, có học, có nhan sắc. Cái tuổi của chị là cái tuổi còn hăng say xây mộng

đẹp. Chỉ có em, hàng ngày thường sang nhà anh chơi, hoặc nhờ anh giải giúp hộ những bài toán của nhà trường mà em không làm được. Anh coi em như đứa em gái nhỏ. Em cũng rất có cảm tình với anh.. Chị Liên, sau khi đỗ Tú-Tài I, thì sang Sư Phạm. Sau đó, tốt nghiệp, chị được bổ nhiệm ra dạy ở một trường Công lập ngoài Huế. Thời gian ở đây chị quen biết anh Phong, rồi hai người yêu nhau và lấy nhau. Có thể nói, cuộc hôn nhân ấy, do chính chị tự ý lựa chọn. Bác em và gia đình không ai bằng lòng, nhưng chuyện đã rồi biết làm sao?...

Lấy nhau, sống với nhau một thời gian, giữa hai người thường hay có những chuyện xung-khắc. Lúc bấy giờ họ mới nhận thấy, giữa họ có nhiều điểm khác biệt. Chị Liên thì thích tự do. Còn anh Phong lại muốn bắt vợ phải sống trong một khuôn khổ theo ý riêng của anh. Em nhận rõ như thế, sau lần ra

Huế thăm hai người. Ở chơi gần một tháng, em về Sài Gòn được ít lâu thì có tin anh Phong bị chết vì nạn máy bay.

— Anh chàng Phong làm nghề gì ?

— Anh là một nhạc sĩ dương cầm.

— Thế rồi sau này làm sao chị ấy lại bằng lòng lấy anh Hân ?

— Sau khi anh Phong chết, chị Liên xin đổi về Sài Gòn. Có lẽ vì đồng cảnh ngộ — một bên góa chồng, còn một bên góa vợ — họ dễ gần nhau và yêu nhau. Em, thời kỳ đó, cũng đã lớn và... biết yêu.

— Chắc là em cũng yêu thằng cha góa vợ đó ?

— Bây nà ! Em chỉ có cảm tình với anh. Có một vài lần đi chơi với anh... nhưng rất đứng đắn. Trước sau anh vẫn coi em như em. Và em vẫn coi anh là người anh...

Nàng ngừng một lát, rồi tiếp :

— Mới đây anh Hân cậy người đến nói với Bác em xin

cưới chị Liên.. Có điều lạ lùng là anh Phong — chồng trước của chị — đã hiện về đúng vào lúc, chỉ còn ba ngày nữa người vợ cũ của mình tái giá.

Tôi kiếm cách chấm dứt câu chuyện :

— Như thế anh nghĩ cũng chẳng có gì em phải bận tâm cho hao mòn sắc đẹp. Anh Phong là chồng cũ của chị Liên. Bây giờ anh đã chết, chị ấy đi lấy chồng khác. Nếu anh có ý ghen, muốn phá chị ấy thì anh phải hiện về, hoặc báo mộng cho chị ấy biết. Đàng này anh lại hiện cho em thấy, vào đúng lúc em đi mua đồ mừng đám cưới chị. Không chừng là anh cũng có ý định nhờ em mua giúp cho anh món gì mừng chị Liên luôn thể đó !

Nàng nguyền tôi :

— Thôi đi ! Anh đừng có đoán bậy ! Em ức là ức ở cái chỗ, không những chị ấy không tin em, mà còn ngờ vực cho em bịa chuyện để phá cuộc hôn nhân của chị ấy. Bởi vậy,

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1369/8V.I/ĐPDC.

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1369/8V.I/ĐPDC.

em cần phải tìm ra sự thật về chuyện này.

Tôi lộ vẻ kinh ngạc nhìn nàng :

— Tìm ra sự thật về cái bóng ma hiện về ấy hả ?...

— Chứ còn gì nữa !

— Bằng cách gì ?... À, hay là em thử tìm đèn mây ông « bôc sư », bói thử một quẻ xem sao ?

Nàng bĩu môi :

— Anh mà cũng nói thế thì hết đường !

— Vậy, theo em, phải làm sao đây ?

— Em muốn anh « trở tài trinh thám » g úp em một phen xem sao. Anh viết truyện trinh thám bảnh, chắc phải có nhiều biệt tài về trinh thám.

Nghe nàng nói tôi muốn toát mồ hôi lạnh. Nàng đưa tôi đi tàu bay giầy, buộc tôi phải làm theo cái ý muốn vô lý và điên rồ của nàng. Không lẽ tôi lại nói toạc móng heo cho nàng biết : « Cái sự mà tôi viết truyện Trinh Thám từ xưa đến nay, không phải do tài của tôi, mà do tôi « thưởng » của người khác,

của thiên hạ, sào-sáo nó lại cho khác đi một tí. Nào tôi có biết mẹ gì về Trinh Thám, dù là thứ Trinh Thám tưởng tượng.

Tuy nhiên, sỏ dĩ nàng chọn tôi là người tình của nàng, trong khi còn có biết bao nhiêu thằng đẹp giai, có nhiều tí hơn tôi chạy theo nàng, mà nàng vẫn cho rụng như sung. Nàng chỉ yêu có một mình tôi, không thêm yêu một thằng thứ hai nào, là vì nàng cảm cái văn tài Trinh Thám của tôi. Thế văn tài vay mượn, cảm nhảm của t iên ha. Sự thực tôi chỉ có cái tài tán đình bù-loong và tán gái.

Đã chột bị nàng hiểu lắm như thế, và cũng cần phải đề cho nàng hiểu lắm như thế, tôi bèn sỏt sảng nhận ngay :

— À, tưởng gì chứ. Trinh Thám thì nhất anh rồi. Không cứ gì em, cả cái nước này đều biết tiếng anh từ lâu.

— Vì thế, em mới cần anh tìm cho ra sự thật về cái sự xuất hiện của anh Phong — là ma thật hay ma giả ?

Tôi ngẫm nghĩ một lúc,

chột cảm thấy vừa nãy mình « bôc đổng » một cách đại dột, bèn nói ngãng ra :

— Xét ra cũng hơi khó, và rắc rối lắm đây em ạ ! Anh nghĩ, nếu là ma giả thì không nói làm gì. Anh có thể tìm ra ngay được. Nhưng, nếu nó lại là ma thật thì, không lẽ mình chui xuống âm phủ hỏi nó nó lên bắt nó phải khai sự thật hay sao ? Xuông âm phủ thì... u sà phương tiện ?...

Nàng tỏ vẻ như hết còn tin tưởng vào tài tôi, về bị quan lộ ra mặt. May mắn, giữa lúc đó thì giới xui khiến thế nào, cái đầu óc đặc xít của tôi bỗng lóe lên một tia sáng nhỏ vừa bằng con đom đóm.

— Ở mà không sao! Em cứ yên trí !... Anh nghĩ ra rồi. Bây giờ anh chỉ cần hỏi em là có bằng cứ nào xác thực là anh Phong bị tử nạn máy bay không ?

— Có chứ ! Anh có tên trong danh sách những hành khách đi trên chuyến phi cơ đó.

— Chưa đủ !... Chị Liên và gia đình có nhận được xác anh, hoặc những di tính nào khác không ?

— Không kiểm thấy xác anh. Nhưng có cái va ly hành lý.

— Ngoài nghề nhạc sĩ, anh Phong còn sống bằng nghề gì nữa ?

— Lúc ở Huế, anh chơi nhạc ở Phòng Trà Hương-Thủy. Ngoài ra không sống bằng nghề gì khác.

— Em thử tả qua hình dạng, và những đặc điểm của anh...

— Anh cao, khô người hơi ốm. Có khuôn mặt dài thòng hao-hao giống khuôn mặt Phọc-Năng-Đen. Đặc biệt má bên trái anh có một vết trâm nhỏ, và cái lưng gù gù.

— Rồi...

△

Không hiểu sao, tự nhiên tôi có linh-cảm rằng anh chàng Phong không chết. Cái gã ma « người tình » của tôi nhìn thấy khi nàng ngồi trên ô-tô-buýt giữa ban ngày ban mặt.

Đang midol **Đi các chứng đau nhức về chân cùn**
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TH

đích thị là anh chàng Phong bằng xương bằng thịt. Nếu y còn sống và chuẩn vào Sài Gòn này, chắc chắn vẫn phải sinh sống bằng cái nghề đi uýnh dương cắm cho một phòng trà nào đó ở đây. Tôi chỉ cần tìm một tên Thô-công phòng trà, quen biết nhiều với giới nhạc công, nhạc sĩ thủ đô, nhờ nó la cà dò dẫm dùm là thế nào cũng móc ra. Tên Thô-Công mà tôi lựa chọn không ai khác hơn là Văn Tưng. Văn Tưng là một gã chuyên đi săn các ca-si mấm non phòng trà, nên không có một phòng trà nào là y không biết.

Tôi phải phịa ra câu chuyện, nói với Văn Tưng : Phong là một nhạc sĩ dương cầm ở Huế, vỡ nợ chuẩn vào Sài Gòn. Bà cô tôi ngoài Huế cũng là nạn nhân của gã. Có người mách với bà, tên Phong hiện ở Sài Gòn và vẫn làm nghề đánh đàn mướn cho mấy phòng trà — Tôi cũng không quên tả cho Văn Tưng nghe về hình dáng và đặc điểm của Phong.

Quả nhiên, ba hôm sau thì

Văn Tưng đèn tìm tôi cho biết là y đã kiếm ra tên nhạc sĩ, đúng như hình dạng tôi tả với gã, ở một Phòng trà « ket giò » tuốt miệt Phú-Lâm.

Lập tức tôi đi kiếm Trang — người yêu của tôi — đưa nàng tới chỗ mà Văn Tưng vừa chỉ. Tôi dẫn Trang đèn phía dàn nhạc. Gã nhạc sĩ dương cầm đứng ngồi nắn nắn, quay lưng về phía chúng tôi, cũng có cái lưng gù gù. Thoạt nhìn thấy gã, Trang rú lên, níu lấy vai tôi : « Đúng anh Phong rồi !... »

Gã quay lại nhìn thấy Trang, mặt gã hơi biến sắc ! Gã bỏ đàn, nói nhỏ với một đồng nghiệp ngồi bên cạnh, đứng dậy, tiến lại phía chúng tôi.

Trang tròn mắt nhìn gã, giọng run rẩy :

— Anh Phong !... Em tưởng anh chết ?...

Gã khẽ gật đầu, nhìn tôi về e ngại. Trang giới thiệu tôi với gã.

Tôi nói :

— Nghe Trang nói là anh

bị tai nạn máy bay ?

Gã mỉm cười gượng gạo :

— Vâng. Đáng lẽ tôi chết rồi. Nhưng may mắn... có một người khác chết thế. Bữa ấy tôi có ghi tên đi chuyên máy bay đó. Nhưng phút chót có người đàn ông có việc rất gấp phải về Sài Gòn. Ông ta lại không lấy được vé, vì máy bay đã đủ chỗ. Thấy ông ta thì cần, mình nán lại một chuyến cũng không sao. Tôi nhường vé của tôi cho ông ta...

Nói đến đây, nét mặt gã buồn thâm lạ lùng.

— Thú thật với Trang và ... anh. Tôi và Liên lấy nhau chỉ là do sự nông nổi, thiếu suy nghĩ. Sau này tôi mới nhận ra rằng chúng tôi không hợp nhau. Tôi chắc Liên cũng hối hận như tôi. Nhưng chúng tôi chưa có cách nào để thoát khỏi những sự ràng buộc một cách êm thấm, và khỏi tai tiếng — Dù sao chúng tôi cũng đã là vợ chồng — Thế rồi, một cơ hội đã đến với tôi nhân chuyến máy bay bị nạn. Tôi quyết định vào Saigon, dưới một cái tên khác. Không

may cho tôi, buổi chiều hôm nọ tình cờ Trang lại gặp tôi đứng ở đường Trần Hưng Đạo...

Trang vui vẻ trách :

— Bữa đó anh làm em sợ hết hồn ! Em không nghĩ là anh còn sống. Mà em ngỡ là hồn ma của anh hiện về. Không biết linh thiêng ra làm sao, anh lại hiện về đúng lúc chị Liên sắp đi lấy chồng.

— Liên lấy chồng ?

— Vâng, đám cưới ngày hôm qua.

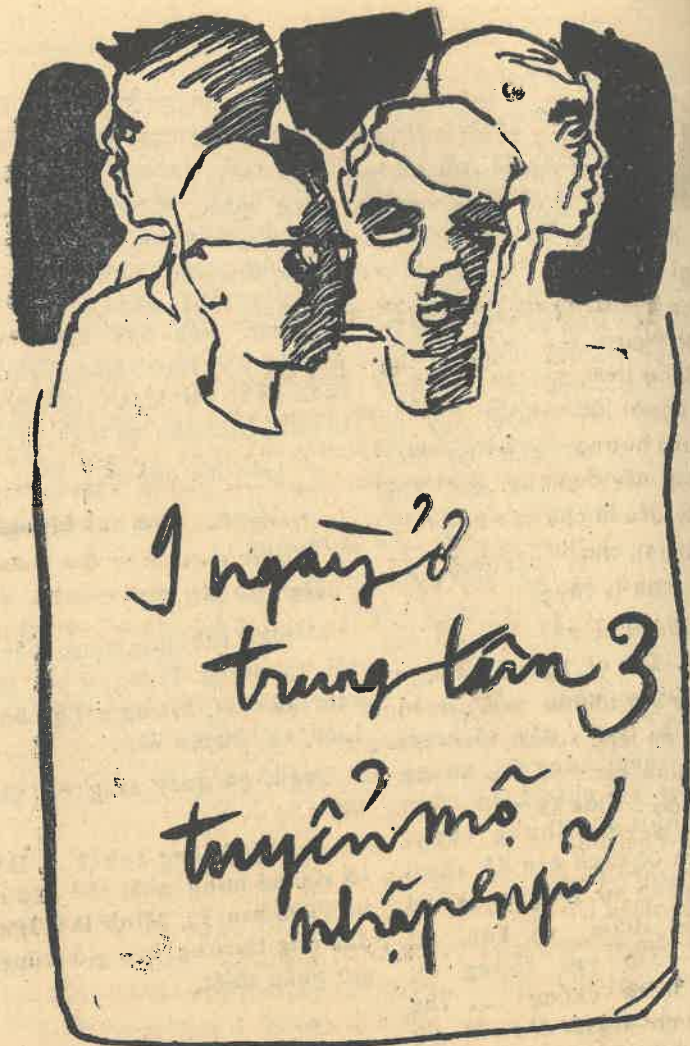
Gã khẽ thở dài :

— Như thế cũng xong. Riêng tôi, tôi mong Trang cứ coi tôi như đã chết. Đừng nói gì với Liên về chuyện này.

Đoạn, gã quay sang vỗ vai tôi :

— Phải không anh ? ... Đã lỡ rồi thì mình phải thế chứ biết làm sao ?... Mình là thằng đàn ông thường bao giờ cũng giữ phần thiệt.

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TAY
1360/B13/ĐPDC.



Bút ký ★ NGUYỄN THU MINH

(tập theo P.T. 182)

ANH, nắng của buổi trưa miền nắng thật quái ác. Hơi tôn và hơi người làm tôi hơi ngầy ngầy. Thêm muốn những bước chân vẫy vùng trên những quang đường vắng có bóng im lạ lùng. Sự ồn ào vẫn không làm ai khó chịu, trách móc. Ước gì mọi người đều dễ-dãi, mến nhau như vậy thì đời sống này đẹp biết bao! Còn đâu những cảnh tranh giành dẫm máu, Người bóc lột Người?

Bỗng tiếng còi tập họp ré lên. Báo hiệu giờ khám nghiệm mãn. Đoàn người lúc này có vẻ hiểu biết hơn trước. Tự động sắp hàng để người hướng dẫn kiểm soát số người và đưa về một trại mới. Ngôi trại này được gọi là «trại phân loại»—vì những người ở vào trại này đều là những người đang nằm trong thời gian chờ kết quả của Bác sĩ cho biết những ai có đầy đủ sức khỏe để đi thụ huấn, những người nào đau yếu, bệnh tật được trả về nguyên quán, và một số ít người cần khám lại một lần nữa để biết chắc về bệnh trạng.

Bây giờ tôi mới có dịp quan sát kỹ ngôi trại, khi những đắn đo, lo nghĩ đã lắng xuống nhiều trong tâm hồn mình. Trại phân loại nằm ở giữa các trại khác, khuôn khổ, xây cất đều giống nhau, vẫn tôn và tôn! Chia cách nhau bằng một con đường và giầy kẽm gai bao bọc. Phải thú thật mà nói rằng ở Trung tâm 3 tuyến mô nhập ngũ mới này có quy cũ, kỷ luật, hoàn bị hơn trung tâm ngày trước rất nhiều. Do đó, kẻ đi người về khó lòng gặp gỡ, trao nhau đôi câu tâm sự thường tình.

Tôi cùng Phú, Tính, Đình rủ nhau xuống câu-lạc-bộ của trại mình đang cư ngụ—ở đây mỗi trại đều có 1 câu-lạc-bộ riêng—nghỉ ngơi, giải khát hầu kiếm chút đỉnh lót lòng,—bốn chúng tôi không đi ăn chung theo sự ấn định của trung tâm dành cho mỗi người, chẳng phải vì phân-biệt, chệ-bại, mà vì cần một sự thoải mái, yên ổn với lòng mình hơn.

Tâm sự cũng đã quá nhiều, thương nhớ, lo nghĩ cũng lắm. Lại thêm nỗi mệt mỏi gần một ngày đêm đã thấm đến cũng đọng trong châu thân. Thế mà lạ, chúng tôi trở về căn nhà tôn, khu « tự-do » của mọi người vẫn không tài nào nằm yên được.

Tính, vẫn là con người nhiều « méo-mó » về gia đình hơn ai hết. Tiếng thở dài, nghenào nuốt, bi-ai vô cùng tận — nhất là khi nhìn cử chỉ sau cặp mắt kiếng cận của anh — trong lúc Đinh mai miết lật hết trang này đến trang khác quyển « Hán Sở tranh hùng » đầy cộm cũng đủ nói lên tâm trạng của anh lúc bấy giờ thế nào!

Nhìn các bạn lo nghĩ lòng tôi không khỏi dấn dờ, cầu mong cho biết kết quả sớm đê đỡ hồi-hộp. Muốn làm một việc gì cho hết thì giờ nhưng chẳng siết làm gì ngoài việc hút thuốc lá nhìn mọi bè bạn, kẻ nằm người ngồi, tụ năm tụ ba hàn huyên tâm sự, và một số ít người hình như không quan tâm... quay ra đánh cờ tướng!

Phú lúc này đang đánh một giắc ngũ ngon lành!

Bỗng ở máy phóng thanh vang lên tiếng hát của Thanh Tuyên đầy triu mến; — của một em gái hậu phương thương nhớ người anh chiến sĩ nơi tiền-tuyến, — khiến lòng tôi nao-nao!

Rồi cũng thương, cũng nhớ, cũng muốn làm một kẻ « anh-hùng » như ai! Tay gươm, tay súng, tay cờ theo bước quân-hành, và người em gái yêu-thương mê-mệt dáng anh đi!...

Có tiếng trở giấc của Phú, tiếng thở dài của Tính, tiếng ca vọng-cờ của vài người bạn kế cận như thức tỉnh hồn tôi. Hồn của những kẻ đợi chờ đời quân ngũ đang réo gọi!...

Tiếng còi từ phòng trưởng trại vọng lại như xoáy vào tim óc!

Khắp nơi đều đồng loạt ra giữa sân tập hợp. Bốn chúng tôi đang gọi nhau đứng vào hàng thì tiếng của Trung sĩ hướng dẫn báo cho biết không phải còi tập hợp mà còi báo hiệu buổi ăn tối! Nghe vậy, một số người giải tán hàng đê đi ăn, một số trở về chỗ nghỉ, một ít ở lại sân đê nhìn trời chiều đầy mây bay, gió thổi, đê hoài vọng về gia đình, phố phường.

Nhìn ra công trại, người lính bỗng sững cảnh ở vọng gác trong một dáng điệu đầy oai-hùng! Tôi vỗ vai Phú đùa:

— Tương lai chúng mình là vậy!

Phú xoa lại tươi cười:

— Còn oai hơn là khác. Thú thật với cậu, nếu mình là lính, mình sẽ tình nguyện, ra tiền tuyến chứ không ở nhà như vậy.

Như biểu đồng tình, Đinh gật đầu ngâm khê mấy câu thơ của Yên Thao:

« Tôi là anh lính chiến,

Rời quê hương từ dạo máu khơi dòng,

Buông tay gấu, vui lại thuở « Bình - Mông »!

Ghì nấc súng, nhớ: ôi ngày đấđ thắng!

Tôi có người vợ, trẻ đẹp như thơ

Tuổi mới đôi mươi cưới buổi dâng cờ

Má trắng mịn thơm thơm mùi lúa chín...

Giọng ngâm đầy thiết tha, yêu sống, tin tưởng khắp lòng!

Bên kia hàng rào, cách biệt với trại chúng tôi về hướng Đông là sân bắn của trường Quang-Trung, lại vọng đến từng loạt đạn nghe thấm thía và hấp dẫn lạ lùng.

Trời Saigon chiều - tối hay đê mưa to.

Xe-trường Quang-Trung vẫn vang rền tiếng súng thực tập.

Quang cảnh trại « phân loại » của chúng tôi vẫn nằm trong đợi chờ, yêu, nhớ, bồn khoăn của mọi người theo bóng đêm về chìm trong cơn mưa bão!

Lại tiếng hát từ xa-xa vẳng về của Phương Hoài Tâm ở căn kế cận ru chúng tôi vào giấc mơ gia đình, phố phường Sài-thành xen lẫn tiếng xe chiến quốc, tiếng súng của những người trai ngoài chiến tuyến, khí lung kê lung, mặt nhìn mặt gửi nhau nguồn thương nỗi nhớ khôn người.

Vẫn tiếng còi đánh thức, trả mừng, và tập hợp muôn thuở ấy, báo hiệu một ngày mới lại bắt đầu với chúng tôi.

Hôm nay có một khởi điểm lạ hơn 2 ngày qua khắp nét mặt, cử chỉ mọi người rất nhiều. Vui tươi như bớt đi, nét khắc-khoái in sâu trên mọi dấp dáng trại-sinh.

Trời buổi sáng như thấp xuống !
Gương mặt người thượng-sĩ già đầy nghiêm khắc khi cho
lệnh tập hợp. Chúng tôi chỉ nhìn nhau không nói.
Tôi và ba người bạn mỗi cho nhau điều thuốc an ủi lấy lòng
mình.

Điểm danh phân toán xong, lại điểm tâm với bánh mì đường
như sáng hôm trước.

Tiếng người thượng-sĩ già vang dội qua máy phóng thanh
báo hiệu kết quả của Bác sĩ đã khám nghiệm sáng qua của mỗi người.

Tay trong tay, mắt trao mắt được dịp thể hiện. Kê lên đường,
người trở về nguyên quán lắm bụi-ngùi, giao động.

Trong bốn anh em chúng tôi, chỉ một mình Phú là lên đường.
trước để làm tròn bổn phận người trai thời ly-loạn. Còn ba chúng
tôi thì đang trong cơn bệnh hiểm nghèo, nên Bác sĩ cho trở về
với gia đình một thời gian ngắn để dưỡng bệnh, rồi sẽ nối gót
Phú và bè bạn.

Giờ chia tay thật lắm đau buồn ! Nhưng rồi cũng qua đi.
Nhường chỗ nguồn tin vui, tự hào của kẻ làm trai hiện lên khuôn
mặt kẻ đi người về. Cuộc sống của mọi người sôi động một cách
mãnh liệt.

Tôi bắt tay Phú gửi trọn niềm tin. Nét mặt Phú lúc này
cương quyết rắn rỏi lạ kỳ ! Niềm vui hòa lẫn tủi hổ dâng đầy
khóe mắt ba chúng tôi khi chia tay Phú. Tôi dốt với Phú,
điều thuốc cuối cùng bằng tất cả chân thành cảm mến.

Giọng người thượng sĩ già giờ đây, bớt gay-gắt hơi, hơi vui khi
ngỏ lời chào những người bạn của chúng tôi lên đường, và kẻ
trở về sum họp với gia đình !

Cũng từ giờ phút này, Phú và các bạn mới của Phú sang trại
khác, gọi là trại « đủ sức khỏe » để đợi giờ khởi hành, lãnh quân
trang đi thụ-huấn ở quân trường, và ba chúng tôi lẫn những bạn
đau yếu, mệnh danh là những kẻ « bất lực ». được đưasang ở một
trại phía cuối cùng, góc phải của trung tâm 3.

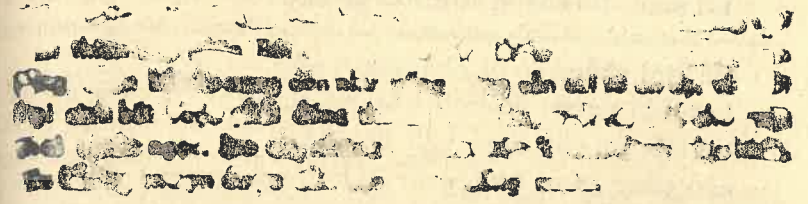
Điều chúng tôi đáng nhớ là trước khi rời trại, những kẻ gọi
là bất lực phải chịu một sự tập dượt — tập dượt ở đây là

quét dọn nhà cửa chiếu chăn cho sạch sẽ, giặt nấp, vì những xác
trộn bữa bãi của trại sinh qua một chiều, một đêm dài trú ngụ.

Trong sự tập dượt này, có người bất mãn nhưng cũng có
người bằng lòng với sự làm ấy. Cho hay mọi việc ở đời khó mà
vừa lòng người được.

Ngay cả ông trời còn bị oán thay !

Chúng tôi qua trại mới đúng vào bữa cơm trưa bắt đầu.
Những lời huấn thị của người hướng dẫn ở trại bắt lực được đặt
thành vấn đề kể từ giờ phút này ; cho đến ngày được trả về nguyên
quán. Và cũng được tự ý lựa chọn sự ăn uống như các trại vừa
qua. Ba chúng tôi lúc này như không thấy đói, nên rủ nhau tìm
xấu hổ câu lạc bộ để giải khát.



Trở về với không khí ở trại bất lực, chúng tôi giờ đây chỉ còn
chờ đợi và chờ đợi ngày về mà thôi, nên những buồn nhớ, lo
nghĩ cũng đã bớt. Niềm vui dâng tràn lên mặt trại sinh.

Nụ cười méo mó của Tịch tan biến đâu mất. Đinh lật từng
trang « Hán Sở Tranh Hùng » xem một cách bình tĩnh. Với tôi vẫn
là thuốc lá làm nguồn vui, an ủi. Những lo nghĩ dồn dập đến với
tôi không ngừng về việc làm sẽ đến khi trở lại đời sống thường
nhật, những bản khoản ray rút của hờn, của tìm óc về Con người
v.v... Lắm chán chường và mỏi mệt trong tôi. Những bay bướm
không thành hình được.

(còn nữa)

Đường midol ĐƯỢC CHỨNG DẪN NHƯC
ỦA CẨM CẨM
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TH

bài khi xa Vinh điện

* ĐYNH TRÂM.CA

(Đà Nẵng)

Ngày ra đi vẫn âm thầm lặng lẽ
cũng như ngày tới sống ở nơi đây.
không ai biết, không ai hay gì cả,
tôi suốt đời chẳng hơn loài cỏ cây !

Bởi tôi chẳng có gì cho người nhớ,
hay bởi người vô tình quá mà thôi ?
tôi biết tôi vốn mọn hèn bé nhỏ,
nên cũng cam, không nỡ dám trách người !

Ngày đến đây tôi cô-đơn hắt hủi,
suốt tháng năm chỉ còn biết lang thang
tôi có nói toàn những lời hờn tủi,
xin người xem như tiếng nhận lạc đàn.

Vì đến đây tôi cô-đơn hắt hủi,
nên ngồi đâu là gọi mãi: cuộc đời !
nhỡ có trách một đời điều gì đó,
là bởi yêu người quá đỗi mà thôi.

Chừ ra đi trong âm thầm lặng- lẽ
lời hắt-hủi xin gửi lại chốn này.
người có-độc, xin đừng cười, tội nghiệp !
tôi suốt đời nào hơn kiếp cỏ cây.

NHÂN TRI HAY

PHÁP - TRI ?

● THIẾU-SƠN

Tôi xin bắt đầu bài
này bằng một chuyện
đời xưa.

Thời Xuân-Thu vua nước
Vệ rất yêu một cận-thần là
Di-Tử-Hà. Theo Luật-pháp
nước Vệ ai đi trộm xe vua thì
phải tội chặt chũn. Mẹ Di-Tử-
Hà đau nặng. Đêm khuya có
người đến gọi, Di-Tử-Hà vội-
vàng lấy xe vua ra đi. Vua
nghe thầy khen rằng :

« Có hiếu thật ! Vì hết lòng
sợ mẹ mà quên tôi chặt chũn. »

Lại một hôm, Di-Tử-Hà
theo vua đi chơi ở ngoài
vườn, đang ăn quả đào thầy
ngọt, còn một nửa đưa cho
vua ăn. Vua nói :

« Yêu ta thật ! Của đang ngon
miệng mà biết để nhường ta. »

Về sau vua không yêu Di-
Tử-Hà nữa. Một hôm nhưn
một lỗi nhỏ vua giận mà nói
rằng :

« Di-Tử-Hà trước dám thiếp
tiện lấy xe của ta đi. Lại một
lần nữa dám cho ta ăn một quả

đào thừa. Thật đắc tội với ta đã từ lâu. »

Nói rồi bắt đem ra trị tội. Hàn-Phi-Tử phê-bình: « Ôi! Di-Tử-Hà ăn ở với vua trước sau cũng vậy, thế mà trước vua khen, sau vua bắt tội là ở chỗ tại khi yêu, khi ghét khác nhau mà thôi. Lúc được vua yêu chính đáng tội lại hóa là công-thần. Lúc bị vua ghét, chính không đáng tội mà lại hóa là có tội. Cho nên người muốn can ngăn, đàm luận với vua điều gì thì trước phải xem xét cái lòng vua yêu hay vua ghét thế nào rồi hãy nói. »

△

Thật ra nước Vệ không phải tuyệt đối không có luật-pháp. Như đã nói ở trên ai đi trộm xe vua thì phải tội chết chẵn. Nhưng thi-hành luật-pháp tóm thâu vào một người. Người ấy là một ông vua. Mà ông vua cũng là người. Hơn nữa, lại là một người độc-tôn nên hay làm chuyện độc-đoán. Yêu nên tốt, ghét nên xấu, dọc ngang trên đầu chẳng còn biết có ai. Họ đặt ra pháp-luật để trừng-

trị người với những hình-thức « hợp-pháp » nhưng nào họ có coi pháp-luật ra gì, có cũng được mà không cũng được. Cái lỗi cai-trị như thế gọi là nhân-trị tức là người trị người.

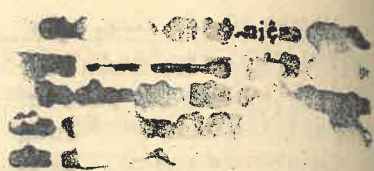
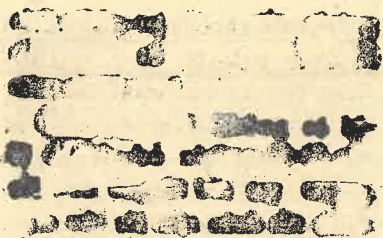
Được thời Tổng-Thống Ngô đình Diệm chúng ta có tất cả: Hiến-pháp, Quốc-Hội, Luật-pháp đủ thứ nhưng cũng chỉ là hình-thức pháp-trị mà thôi. Tựu-trung vẫn là nhân-trị. Chính ông Diệm đã nói: « Sau Hiến-Pháp còn có tội. » Nghĩa là tội ở trên hết, tội bất-chấp Hiến-Pháp và Pháp-luật. Tội cai-trị theo bụng riêng tư, yêu nên tốt, ghét nên xấu. Tội có một bầy cận-thần và đã tổ-hợp thành một gian-nhân hiệp-đang (une association de malfaiteurs). Gian-nhân hiệp-đang là một tội trong luật-pháp để kết-án những gian-nhân đã hiệp lại với nhau để làm những việc phi-pháp. Nhưng chính chánh-phủ lại làm những việc phi-pháp nhiều hơn ai hết thì người dân còn trông cậy vào đâu để che chở cho mình. Họ lật Ngô-Triều xuống chính là

để chấm dứt tình-trạng phi-pháp nói trên. Họ muốn thay đổi một chế-độ lấy pháp-trị thay thế cho nhân-trị. Nhưng từ 1-11-63 tới nay đã có gì thay đổi chưa? Đó là điều tôi sẽ bàn tới ở sau.

△

[The text in this column is almost entirely obscured by heavy black redaction marks.]

[The text in this column is almost entirely obscured by heavy black redaction marks.]



△

Tôi chưa từng được dự một buổi hội-thảo nào bổ-ích như buổi hội-thảo ở Trường Quốc-gia âm-nhạc về Hiến-Pháp dân-chủ sáng chúa-nhật 9-10-66.

Tôi đã chán ngấy về lời dân-chủ giả-hiệu của Ngô Triều nên tôi càng phân-khởi được nghe ông Thẩm-phán Lê-Tại-Triển thuyết-trình về cách tổ-chức tư-pháp làm cho không ai ở trên được luật-pháp và tất cả mọi người đều được sự bảo-vệ hữu-hiệu của luật-pháp.

Tôi vẫn thường nói ở đời này không có vương-đạo, vương-đạo đã lỗi thời, chỉ có bá-đạo mà thôi. Một nền pháp-trị hân-hài, một bản hiến-pháp đúng-dẫn là để ngăn chặn những kẻ muốn thi-hành bá-đạo.



Nhơn đó mà tôi nghĩ rằng không thể « khoán trắng » cho Quốc-Hội Lập-hiến được thoát thai do sắc-luật bầu-cử 96. Phải trợ-lực cho nó, phải xây-dựng lấy nó bằng sự đóng góp của mọi người.

Những luật-gia và những nhà trí-thức đã tổ-chức cuộc Hội-thảo ss đặt liên-lạc với các giới và sẽ thường-trực ở kề bên Quốc-Hội L.H. để giúp cho bản Hiến-Pháp tương-lai được tốt đẹp theo nguyện vọng của mọi người.

Nhưng tôi cho rằng chánh-quyền hiện-hữu cũng nên giúp sức vào đó cho khỏi mang tiếng với lịch-sử và nhân-dân.

Chánh-quyền làm việc đó dễ lắm là trong khi Quốc-Hội soạn-thảo Hiến-Pháp thì chấp-nhận cho báo-chí được tự-do, ngoại-trừ những tin tức về quân-sự.

Khi báo-chí không có bà kiềm để mắt vào để hướng-dẫn họ đi theo đường lối của chánh-quyền thì họ sẽ phát-

biểu một cách trung-thực tất cả mọi nguyện-vọng chánh-đáng của người dân. Những nguyện-vọng đó đóng góp rất nhiều trong công việc soạn-thảo Hiến-Pháp, xây-dựng dân-chủ, một nền « dân-chủ pháp-trị » xứng-đáng với xương máu của những kẻ đã hy-sinh cho Cách-Mạng 1-11 mà Chánh-phủ hiện-hữu có bốn phận phải hoàn-thành. Phải đem pháp-trị thay thế cho nhân-trị.

● ★



△ **Cần Tĩnh mịch**

Một ông chủ khách sạn nhận được thư của một ông khách gọi tới :

Thưa ông,

Chúng tôi muốn ông dành cho tôi một căn phòng. Nhà tôi ra ngụ nơi lầu ba hoặc lầu bốn, xa chỗ thang máy lên xuống xa chỗ những người ra nói chuyện ồn ào. Nhà tôi muốn được yên tĩnh để ngủ sớm. Vì có yên tĩnh nhà tôi mới ngủ được. Và có được như vậy, tôi cũng mới ngủ được!



△ NGUYỄN-VI

(tiếp theo P.T. 182)

N GAY tối hôm đó, vào khoảng 8 giờ, anh Hiền, thư ký của ông Hộ-Pháp. Phạm-Công-Tắc, đến biệt-thất của Tuấn biết rằng Đức Hộ-Pháp mời Tuấn đến chánh-giận dự-kiến một buổi lễ long-trọng. Hiền, — một bạn trẻ rất dễ-thương và thật sốt-sắng. — lại bảo :

— Dạ, có sẵn xe ngựa đón ông trước ngõ.

Tuấn vui vẻ bảo, tự-nhiên :

— Anh gọi tôi bằng «anh», nghen ! Đừng gọi bằng « ông ». Tôi cùng lứa tuổi với anh mà !

Hiền cười :

— Dạ..... mời... anh ra đi.

Tuấn leo lên xe thỏ-mộ ngồi cạnh Hiền. Hiền tự cầm cương ngựa, có nhã ý cho Tuấn biết :

— Chiếc xe này, Đức Hộ-Pháp để riêng cho...anh đi xem chỗ này chỗ nọ, trong Tòa-Thánh và các nơi quanh vùng. Tôi được biệt-phái

hướng-dẫn... anh trong thời gian anh ở Tòa-Thánh.

Tuấn bảo :

— Đức Hộ-Pháp thật tử-tế quá.... À nhơn tiện, anh có thể cho tôi biết trong buổi đại-lễ đêm nay có « cơ bút » không ?

— Dạ, không.

Tuấn không muốn để Hiền thấy nét mặt thất vọng của mình, chỉ hỏi tiếp :

— Lúc chiều, Đức Hộ-Pháp có cho tôi biết bà Henriette Chandet, Đặc-phái viên của Nhựt-báo *L'Intransigeant* ở Paris đi với phái-đoàn Bộ-trưởng Thuộc-địa Paul Reynaud qua Đông-Dương, có đến viếng Tòa-Thánh và có tham-dự một cuộc cầu Cơ, nghe nói có Thi-sĩ Victor Hugo hiện hồn về nói chuyện với bà ấy phải không, anh ?

— Dạ, có. Bà Chandet do ông Nguyễn-Phan-Long ở Sài-gòn đưa lên đây.

Tuấn ngạc nhiên :

— Ủa ! ông Nguyễn-phan-Long, chủ-bút báo *La Tri-Caodaiste bune Indochinoise* đó, hả ? — Dạ.

— Ông cũng là tín-dồ Đạo Cao-Đài à ?

— Dạ... C'est un fervent Caodaiste.

Tuấn không ngờ Hiền xen một câu tiếng Tây vào đó. Câu chuyện dở dang đến đây thì Hiền đã gò cương, ngừng xe thỏ mộ trước một căn nhà đông nghẹt người ta, đèn thấp sáng trưng. Đây là Thành Thất tạm thời, vì chánh điện chỉ nh thức, tức là chánh điện hiện nay ở Tòa-Thánh Tây-Ninh, lúc bấy giờ còn đang xây cất, chưa xong. Nhà thờ tạm này thật là dài, bài trí rất nhiều màu sắc, rực rỡ một vẻ đẹp độc đáo, không giống như trong các Chùa hay các Nhà thờ Thiên chúa. Một căn nhà trống, rộng thênh thang, không có ghế. Tất cả tín đồ đều khoanh tay đứng yên, một bên Nam, một bên

Nữ, độ vài trăm người. Không kể tổng số Thiện-nam Tin-nữ, thanh niên, nhi đồng, đứng ngoài không biết trăm ngàn nào mà kể. Chung quanh đông nghẹt tin đồ thất Thánh tu họp để chờ đại lễ.

Tuấn mặc cỡ quá, vì chỉ có mỗi một mình Tuấn đeo cà vạt với bộ đồ Tây không hợp thời, lọt vào lệ loi giữa đám đông Cao Đài mặc toàn áo dài trắng, quần trắng, đàn ông cũng như đàn bà. Các vị chức, sắc thì mặc lễ phục đủ màu, áo dài, xanh, đỏ, vàng... may theo một kiểu khác lạ, có thắt lưng buộc ngoài và thắt tua dài xuống bên hông. Mọi người đều chờ Đức Hộ Pháp tới để bắt đầu hành lễ.

Đang lễ, theo chỉ thị của ông Hộ - Pháp, Hiền phải đưa Tuấn đến biệt-thự của ông để cùng đi với ông, đến Thánh Thất một lượt. Nhưng Tuấn không thích thế, và đã

yêu cầu Hiền cho Tuấn đến thẳng Thánh Thất để được tự-do lẫn lộn trong đám đông tin đồ, để nghe ngóng chuyện trò và quan sát cho thỏa thích. Hiền đánh xe trở lại Giáo tông đường để tin cho Đức Hộ Pháp rõ. Không đầy mười lăm phút sau, Đức Hộ pháp Phạm công Tắc đến nơi. Toàn thể tin - đồ đều cung kính khoanh tay cúi đầu né ra hai bên, để Đức Hộ Pháp tiến vào chánh điện.

Tuấn để ý ông mặc lễ phục không giống như buổi chiều, lúc tiếp Tuấn. Bây giờ ông đội một chiếc mũ cánh sen na ná như mũ của một vị Hòa-Thượng, và y-phục thì gần giống như pho tượng Hộ Pháp ở các Chùa, trông dữ tợn, không thích hợp với nét mặt hiền lành của ông.

Tuấn ngờ ngác nhìn ông trong lễ phục kỳ kỳ ấy, với cảm tưởng mình đang lạc

vào một Thế-giới huyền-bi mô-hồ, nửa thiệt nửa hư...

Tận trong tit-cùng gian nhà thờ rộng mênh-mông huyền-ảo, ngự-trên cáo vót một Chín Mắt mở lớn, vẽ giữa một khối hình cầu vĩ đại như một chiếc lồng đèn bự ít nhất cũng 3 thước đường kính. Phải chăng Con Mắt Thần tượng-trung Đấng Cao-Đài, vị Chúa Thiêng-Liêng tối-cao bao trùm cả vũ - trụ, dòm ngó cả vũ-trụ và.., ta - bà thế-giới ?

Ngay dưới hình cầu (hình như rỗng ruột và đan bằng tre, phất bằng giấy trắng), có ba bàn thờ kê sát nhau nhưng cao thấp ba bậc. Trên bàn cao nhất có đề tượng Đức Phật Thích-Ca Mâu - Ni, Đức Khổng-phu-tử, và Đức Lão-tử ông này cầm cây phất trần nơi tay, và có chòm râu bạc dề thương vô cùng. Bàn thứ

hai, thấp hơn, có tượng Đức Chúa Jesus Christ, và các tượng khác mà Tuấn không nhận ra, và cũng chưa dám hỏi ai. Bàn thứ ba, thấp hơn cả, là nơi đặt các đồ thờ: lư trầm, bình nhang, bốn cây đèn nền đỏ, hai lọ cắm hoa sen và hoa huệ.

Trật-tự sắp xếp hàng-lối của các vị Chức-Sắc Nam-Nữ tùy theo sắc-phục, và nghi-thức hành-lễ thật vô-cùng huyền-ảo đối với cặp mắt tò-mò và không hết kinh-ngạc của chàng trai phiêu-lưu, lần đầu tiên rơi vào một Thiên-Đàng trông-trợng như của Dante, nơi đây quy tụ đông-đủ các Phật, Thánh, Tiên, các Chúa và các Bồ-Tát Đông - phương, Tây-phương, dưới con Mắt-thần mở to của một vị Thượng-Đế. Thật là một cảnh-trợng vượt qua tất cả những gì Tuấn đã học-hỏi từ trước

đến nay qua các sử-sách. Một thế-giới hoàn-toàn mới lạ, có lẽ mới lạ cả đối với những vị Thần Thánh trên kia, đã chết trong những thời-buổi cách - biệt, tại những địa-diểm khác xa, và bây giờ nhưt-loạt phục-sanh lại trong một góc rừng thâm-u huyền-bí của Việt-Nam. Chia-khoá của Huyền-bí có lẽ nơi Con-Mắt, Con-Mắt của Đại-Lực, Đại-Bi, Đại-Trí, của Tối-Thượng, Tối-Thắng, Tối-Cao, Tối-Cường, Con-Mắt Độc-nhân trên Quả Cầu, xuất-hiện ra giữa một đám mây, như Con-Mắt Tuyết đỉnh của Lương-tri vũ-tru.

Buổi lễ chấm-dứt bằng một bài hát đồng-thanh của một đoàn thiếu-nhi đồng-phục, và nhịp theo tiếng gõ đều đều của hai miếng gỗ mà mỗi thiếu-nhi cầm trong tay. Tuấn nghe qua nhớ được mấy câu :

Đạo góc bệi lòng thành tin

hiệp

Lòng nương nhang khói

tiếp truyền ra

Mười phương lư ngọc bay

xa tỉnh thành

Cầu nguyện tiên gia chứng

lòng

Xin Thần thánh rúi dong cỡi

Xuống phàm trần vọi gác

Ngày nay đệ tử chứng

Chín tầng trời-đất xin truyền

chiếu tri...

Lễ cử hành lâu hơn một

tiếng đồng hồ, rất nghiêm-

chỉnh, có trật-tự hoàn-toàn

trong không-khí vô cùng

oai-nghi tôn-kinh.

Tuấn khẽ hỏi Hiền :

— Đêm nào có cầu cơ

giảng bút ?

— Tôi mới nghe nói có lễ

đêm nay, một chút nữa...

Nhưng đây là cuộc cầu cơ

riêng của một tang-quyển,

được Đức Hộ-Pháp cho

phép, chớ không phải cơ-

bút chính thức do Tòa-

Thánh tổ-chức.

— Riêng là sao ?

— Một chị đó, cha mất

mấy năm nay, muốn cầu cơ

gọi hồn Cha về để hỏi thăm.

Hiền chỉ cho Tuấn thấy

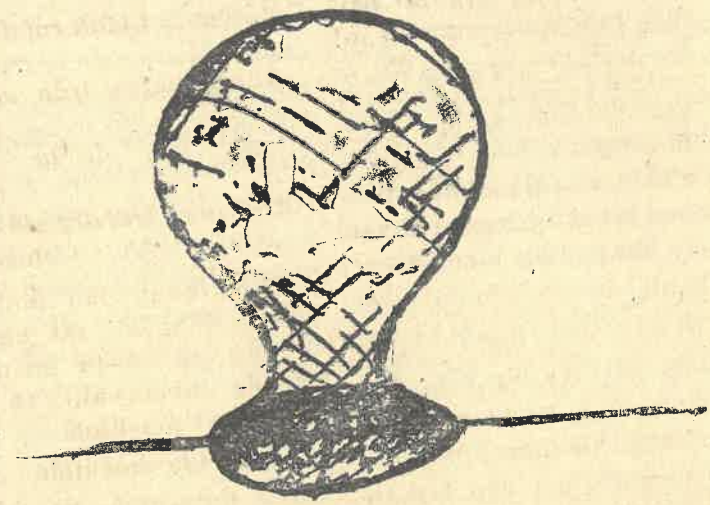
rõ dụng cụ Cơ-bút, mà Hiền

gọi bằng tiếng Tây, là *Cor-*

beille-à-bec. Khác hẳn cái

« Cơ » mà Tuấn đã thấy

thông-dụng ở Hà-nội, đây



là một dụng-cụ độc đáo do các vị tiên-phong Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ (Cao-Đài) đã chế-tạo ra từ lúc ban đầu. Nó giống như một cái bầu-giác (Ventouse) úp xuống, đan bằng tre và bời giấy kín-mít chung quanh, rộng ruột. Nơi miệng bầu, có cột chặt một cây dai AB theo chiều ngang. Giữa cây, ngay nơi trung-tâm của vòng tròn miệng bầu có đóng theo chiều dọc một cái que ngắn và

nhọn C, giống như cái đinh 5 phân bằng gỗ hay bằng tre, mà Cao-đài gọi bằng tiếng Pháp là cái bec. Mỗi khi cầu cơ (trong Nam gọi là Cơ-Páp (1)), phải có hai người ngồi đồng, Cao-đài gọi là *Médiums* (Đồng-bóng), ngồi đối diện hai bên cây cơ AB, một người cầm đầu A, một người nắm đầu B.

(1) Cơ-bút, (cơ viết ra chữ).

Người ta đặt ở giữa hai người ngồi-dòng, và ngay dưới cát cơ, một mâm rộng lớn, đựng một lớp cát trắng thật nhuyễn. Mỗi khi Hồn Ma hiện về (Ma đây là nói chung tất cả những vị khuất mày khuất mặt, kể cả Tiên, Thánh, v.v...), nhập một lượt vào hai người ngồi-dòng, thì tay họ bắt đầu chuyển-động, cùng một lúc, và truyền từ-thông-lực (fluides magnétique) của họ vào Cơ, chiếc cơ rung-động và cái mỏ kim C viết chữ trên mâm cát, theo chiều của hai bàn tay Médiuims hướng dẫn.

Đấy, tất cả hệ-thống cơ bút huyền-bí của Cao-Đài. Theo lời Hiền nói với Tuấn thì cơ-bút có thể viết chữ Việt, chữ Pháp, chữ Hán tùy theo trình-độ ngữ-học của Hồn Ma nhập về. Muốn chứng tỏ sự thật không lừa-bịp, không gian-đối của Cơ-

Bút, theo lời Hiền, người ta chọn Médiuims trong số những người ít học, miễn biết viết là được. Những lời giáo-huấn của Đấng Cao-Đài truyền dạy cho các đệ-tử, ý - nghĩa thâm - cao, hoặc những bài thơ bằng Việt-ngữ, Pháp-ngữ, Hoa-ngữ, do các Hồn nhập về viết ra trên mâm cát, qua từ-lực (flux magnétique) của hai bàn tay médiuims, đều không thể nào do chính hai người ít học này âm-muru đặt-đề ra được.

Hiền có cho Tuấn xem một quyển tài-liệu, đã in thành sách, gồm nhiều bài thơ Việt bằng thể song-thất-lục-bát của hương-hồn Bà Đoàn-thị-Điềm, nhiều bài thơ alexandrins của Thi-hào Pháp Victor Hugo tuyên-truyền giáo-lý Cao-đài, và mấy bài thơ Đường của Lý-Thái-Bạch cũng cùng một

tác-dụng phổ-biến tinh thần của Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ.

Có điều Tuấn rất thắc-mắc, là Thơ Việt của Đoàn-thị-Điềm, thơ Pháp của Victor Hugo, cũng như thơ Đường của Lý-Thái-Bạch được truyền-bá bằng cơ-bút ở Tòa Thánh Cao-Đài thật hoàn toàn kém giá-trị, thua xa-lắc xa-lơ các Thi-phẩm của ba bậc Thi-Bá đó lúc họ còn lê-la kiếp sống đầy nghiệp - chương trên trần-gian ô-trọc. Đâu còn giọng thiết-tha nào-nuột của *Chinh-phụ - ngâm*, hùng - dũng của *La Légende des Siècles*, đau-đớn hận-sầu của *A. Villequier*, và buồn man-mác của

Tống-Biệt? Tuấn có thành-thực trình-bày cảm-trởng ấy với ông Hộ-pháp Phạm-công-Tắc, thì ông cười bảo:

— Dâu sao, *mon cher*, người phàm - trần như lũ mình đâu có làm nổi những bài thơ Cơ-bút như vậy. (1)

(kỳ sau tiếp)

(1) Sẵn đây, tác-giả thiên Lịch sử Ký-sự « Tuấn, chàng trai nước Việt » xin quý bạn nào, còn giữ được những sách quý và những bài thơ cơ-bút đó, vui lòng gởi cho chúng tôi mượn, để chép lại đúng nguyên-văn, làm tài-liệu bổ-túc hoặc bán, chúng tôi xin mua. Chúng tôi thành thật ghi ơn. Những tài-liệu này của Trần Tuấn đã bị thất-lạc trong thời-kỳ chiến tranh,

Vạn tạ
N.V.



△ Sao mấy ông gan thế ?

Lần đầu xẽ đi xem chớp bóng, Hôm ấy rạp hát chiếu một phim đại vĩ tuyến. Anh ta thấy những người kỳ mã giương như chạy lại phía anh, nên anh ta bảo với người ngồi kế.

— Né, né, kéo nó đạp chết. Ừ, sao các ông gan thế ?

chung và riêng

★ THÙY DƯƠNG TỬ



*cuộc chung góp sức quá dài
sờ râu quai nón ngấm bài tự thân
đời riêng phá sản dần dần
bực mình ta quyết lột trần thế gian*

*một đêm chung sống với nàng
hai đêm ta quyết hò-khoang lên đường
bước dài say tuổi bình minh
chiều sang hóp-mắt tư tình quê hương*

*vai đời kẻ vác tròn trăng
trưa miền nhiệt đới công phăng mặt tròn
nhân gian hỏi chuyện gì đây ?
thưa rằng : công hết Đông Tây về làng*

SAIGON -

CHÂU-ĐỐC

● TÂM-TRÍ (N.V.)

(Tiếp theo P.T. 182)

KH Á C H thập phương từ Sài-gòn và các tỉnh lân cận đến xem Hội, lẫn-lộn với hàng triệu tin-đồ Hoà-Hảo từ các quận, các chợ, các làng-ấp xa-xôi kéo về, tạo thành những đợt sóng người ào-ạt chảy kế-tiếp không ngừng, suốt một khoảng đường làng dài gần ba cây số, từ chợ Mỹ-Lương qua Trụ-sở Tổng-Hội Phật-giáo H.H., đến Tổ-Đình, dọc tới Đình làng, Đài kỷ-niệm chiến-sĩ H.H., Đốc-giảng-đường và Văn-phòng Trị-sự

Trung-Ương, Ban Phô-Thông giáo-lý, chợ Đình trên bến sông Cửu-Long.

Để cho độc-giả khỏi thắc-mắc, cần phải nói rằng Hoà-Hảo là danh-từ địa-dư đã có từ lâu, dưới thời Pháp-thuộc. Hoà-Hảo là tên một làng của Quận Tân-Châu, thuộc về bực trung, hầu hết các gia-đình đều là nông-dân khá-giả, không có nhà nào giàu lắm, cũng không có nhà nào nghèo quá, không có « bản-cổ-nông ». Năm 1939 khi ông Huỳnh-phú-Sở

đã kết nạp một số đồng đệ-tử ở quanh vùng và thành-lập Đạo, ông lấy tên làng sinh-quán của ông đặt tên cho giáo-phái, cho nên gọi là « Phật-giáo Hòa-Hảo ».

Các đệ-tử đầu-tiên của ông tôn ông là Đức Thầy, — danh từ hiện nay còn thông-dụng, — cũng như trước kia ở Châu Đốc người ta đã xưng tôn Đức Phật-Thầy Tây-An vậy. Về sau, một số người trí thức ở tỉnh Châu-Đốc theo giáo-phái Hòa-Hảo dùng danh-từ Huỳnh Giáo-Chủ để tôn vị Sáng-lập ra giáo-phái. Do đó, làng Hòa-Hảo trên phương diện hành-chánh quận và tỉnh vẫn gọi là làng Hòa Hảo, nhưng tin đồ vẫn xưng dương tên làng chánh quán của Đức-Thầy là **Thánh-Địa Hòa Hảo**.

Cũng như Cao-Đài có Thánh-Thất ở Tây-Ninh mà họ thường gọi bằng tiếng Pháp là *Saint-Siège Tây-Ninh* vậy. Hoàn-cảnh khai Đạo, cơ-cấu tổ-chức, giáo-diệu của hai giáo-phái tuy

khác-biệt, nhưng tinh-thần Sùng-Đạo tuyệt đối của tín-đồ mỗi phái đều nồng-nhiệt như nhau.

Từ Tân-Châu xuống, đến chợ Mỹ-Lương là bước vào khu Thánh-Địa Hòa-Hảo. Hai bên có hai giãy phố ngói, có phố lâu, bán đầy đủ các hàng-hóa nhật-dụng ở thôn quê. Có cả một hiệu bán thuốc Tây và một tiệm Cao-đơn hoàn-toàn. Nhân dịp kỷ-niệm năm thứ 27 thành-lập Phật-giáo Hòa-Hảo, quang-cảnh nơi đây tung bừng náo nhiệt phi-thường, với những khải-hoàn-môn, những biểu-ngữ và trang-trì đặc-biệt xúng-xắn một ngày Đại-lễ ở Thánh-Địa.

Qua khỏi chợ, gần trụ-sở của Trung-Uông giáo-hội, viên-khách phải ngạc-nhiên trước cảnh-tượng ăn- uống xô-bờ rộn-riếp trong những căn nhà rộng lớn có treo bảng « **Trạm Cơm số 1** ».

Những giãy bàn dài kê song song theo chiều dọc của căn nhà. Bàn nào cũng đầy-địch những người ngồi ăn, chen lấn nhau đông-đảo hàng ngàn hàng vạn con-người, không biết bao nhiêu mà kể. Có cả « cao-bồi » du-dăng Sài-gòn, và các cô gái dợt sóng mời tối tận nhứt, vào ngồi ăn no-né, tự-nhiên không cần thủ-tục gì hết, không phải trình diện với ai, không ai kiểm-soát. Đây là trại cơm chay công-cộng, ăn tự-do, bất cứ ai và bất cứ lúc nào cũng ăn được, khỏi trả tiền, do Ban Tổ-chức đãi khách thập-phương, thường-xuyên suốt mấy ngày đại-lễ.

Có những kẻ vừa ăn xong, ra đi một lúc lại trở vào ăn nữa. Người ăn no bỏ đũa chén đứng dậy thì có người khác tiếp vào ngồi ăn liền với những đũa chén của người kia, không đợi lau rửa, hoặc thay đũa chén khác.

Tôi đứng xem một lúc khá lâu, nhận thấy rằng nơi đây « ăn » đã trở thành một sự-kiện quan-trọng và được Ban trị-sự Trung-Uông tổ-chức trên một quy-mô vô cùng rộng lớn, tốn-kém hàng triệu-bạc, không thua gì công-tác tuyên-truyền giáo-ly.

Phải khen Ủy ban tổ-chức đã sắp-dặt rất chu-đáo công-việc đãi khách ăn- uống, và các tín-đồ sốt-sắng giúp đỡ Ủy-ban bằng việc đóng góp cho Giáo-hội các thứ thực-phẩm cần thiết: gạo, dừa khô, đậu hủ, khoai, bắp, bầu, bí, v.v... Theo tài-liệu của ban tổ-chức, « Trại cơm số 1 » tiêu thụ mỗi ngày trên 10 tấn gạo, và Dừa khô: 4650 trái; củ cải muối: 12 tạ; bí rợ: 2490 trái; chuối sống: 3500 nải, v.v...

Nếu như 7 lần thành số lượng tiêu-thụ chung cho 7 trạm cơm của Thánh-Địa, thì = 70 tấn gạo mỗi ngày, và tất cả 32.550 trái Dừa khô,

84 tạ củ cải muối, 17.430 trái bí, 24.500 nải chuối, v.v... (còn nhiều món khác nữa).

Tôi kinh-ngạc trước những con số kết-xù ấy, do mỗi gia đình tín-dồ phải đóng góp, (1) — và trước quang-cảnh ăn uống vô cùng náo-nhiệt, tự-do ở nơi « Trạm cơm » đặc-biệt bình-dân và thôn-giả ấy.

Nên nói thêm đề đầy-đủ tài-liệu quan-sát về sắc-thái riêng-biệt của một ngày đại-lễ Hòa-Hảo, là ban tổ-chức đã sử-dụng trên 1000 chiếc dĩa-viên nam nữ chia làm hai đợt, mỗi đợt 600 người, điều-khiển bằng *micro*, để chuyên-lo việc đãi cơm cho hàng triệu thực-khách, kể cả tín-dồ.

Xem « Trạm cơm » xong, tôi trở ra lẫn-lộn vào đám đông vô-số kẻ ngược, người xuôi, giờ phút nào cũng thấy chen-chúc chật ních cả con đường làng không rộng quá hai mét. Một chiếc

xe jeep sắp qua, của một tiểu-đội Hòa-Hảo biệt-phái đến túc-trực nơi Thành-Địa, khách bộ-hành phải ép mình né sát vào hai bên hàng rào hai giầy nhà lá của tín-dồ, vừa đủ chỗ cho chiếc xe chầm-chậm tiến tới..

Tôi ghé vào xem Tô Đường, cách chợ Mỹ Lương độ 300 mét. Đây là ngôi nhà cổ kính của Song - thân ông Huỳnh-Phú - Sổ, nơi sinh-trưởng của Đức-Thầy, Giáo-chủ Phật-Giáo Hòa-Hảo. Một kiều nhà giàu ở thôn quê Miền Nam, bài-trí theo lối cổ-truyền, với bàn thờ



(1) Theo Đặc-san « Đuốc Từ-Bì » do Ban Phổ-Thông, Giáo-Lý Phật-giáo Hòa-Hảo ấn hành số 5, đặc biệt Đệ-nhi thập ngũ kỷ niệm 18 tháng 5 có nói rõ

« Cứu Huyền Thất Tử » (1) Trước nhà có sân khá rộng trồng bông và cây kiềng.

Ông Huỳnh-Phú-Sổ sinh nơi đây năm 1919, trưởng-nam của Ông Huỳnh-công-Bộ, hiện đã quá cố, và Bà Lê-thị-Nhậm. Ngày nay, vì tôn-sùng Đạo nên tín-dồ Hòa-Hảo cung-kính xưng-ho hai vị thân-sinh của Đức-Thầy là Đức-ông và Đức-bà.

Thiếu-thời, ông Huỳnh-Phú-Sổ học trường Tiểu-học ở Quận, rồi bỏ học luôn, vì đau-ốm liên-miên, từ 15 đến 20 tuổi. Đọc nhiều « Sấm-Giảng » và văn-thơ của Phật-Thầy Tây-An, ông thường đi các am-động nổi-tiếng là thần-linh kỳ-vĩ ở các núi Thất-Sơn và Tà-Lon, nơi biên-giới Việt-Miên, các núi Sam, Núi Nhà-Bàng, núi Bửu-Sơn - Kỳ-Hương, Núi Tượng, v.v... những cảnh « huyền bí, linh-thiên » mà tục truyền ở các vùng thôn-

quê Hậu-Giang là nơi mà các vị Tiên - Phật - Thánh thường giáng thế để cho thuốc và truyền bá Đạo Nhiệm-Mầu. Nhiều người đã đến đây để tu-tiên một thời-gian rồi trở về trần-tục, để « cứu dân độ thế », như Phật-Thầy Tây-An, tên thật là Đường-Minh-Huyền (1849 - 1856), Phật-Trùm Ta-Paul (1868 - 1875) ở Núi Tà-Lon (2) Đức Bồn Sư ở Núi Tượng, tên thật là Ngô-Lợi (1830-1890), ông Sư-Vải Bán-Khoai, chèo thuyền trên Kinh Vĩnh-Tế, (1902) ông này sau một thời - gian

(1) Bồn chữ « Cứu Huyền Thất Tử » bằng Hán-tự viết bằng nét đậm trên giấy hồng-đơn dán trên bàn-thờ của hầu hết các nhà ở hương-thôn miền Nam, thờ cúng Ông Bà, bất cứ giàu hay nghèo. Khác hẳn với các nhà ở miền Trung và miền Bắc, bàn thờ Ông Bà không bao giờ có bốn chữ này, chỉ đề bài-vi, hoặc ảnh mà thôi.

(2) ông này gốc người Miền mà ầy tên Paul là tên Tây.

truyền-đạo, tự nhiên biến mất. Ngoài ra, còn những ông Đạo Khùng, Đạo Điện, Đạo Đền, v.v... và nhiều nữa.

Hiện nay, còn đang sống những ông Đạo Dừa, Đạo Nước Lạnh, Đạo Liếm (ông này chữa bệnh bằng cách liếm lưỡi của ông vào chỗ đau của bệnh nhân) và cũng « Truyền Đạo Nhiệm Mẫu » cho đệ tử, Đạo Hoàng, Bà Trúc Lâm Nữ Hồng Y Giáo chủ (nguyên trước là vợ Tây) v.v... Các vị này cũng lập Chùa, Miếu, Am, Cóc, rải rác khắp nơi ở miền Lục tỉnh, cho thuốc Tiên và « Truyền Đạo Nhiệm Mẫu » cho một số đệ tử sùng tín và trung thành của họ.

Thỉnh thoảng có một vài ông ngồi tu Tiên trong một hang sâu nào đó ở Thất Sơn, truyền giáo một thời gian rồi bỗng dưng mất tích, một cách vô cùng bí mật, làm

xôn xao dư luận của các giới tín-dồ.

Ông Huỳnh phú Sô có đi viếng các nơi linh thiêng ấy, rồi năm 20 tuổi, ngày 18-5 âm lịch năm kỷ mao (1939) trở về làng Hòa-Hảo, bắt đầu khai đạo. Ông chữa bệnh bằng lá cây, nước lạnh, giấy vàng-bạc, và tiếng đồn gần xa không bao lâu nổi danh là một vị « Phật Thầy » giảng thế. Đệ tử hầu hết là nông-dân, sùng bái và tin-trưởng nơi đạo nhiệm mẫu của ông truyền pháp và cung - kính tôn ông là bậc Đức Thầy. Chức vị đó còn lưu danh cho đến ngày nay.

Từ năm Khai Đạo, Đức thầy Huỳnh-phú Sô sáng tác thật nhiều kệ giảng, thơ văn và thuyết-pháp hàng ngàn lần trước một công chúng mỗi ngày mỗi đông đảo, mỗi sùng tín. Đức Thầy thuyết pháp thao thao bất tuyệt về các tín-điền Phật - giáo, kêu



gọi tin đồn nên bỏ dữ về lành, thực hành *tứ ân* (ơn Tò Tiên cha mẹ, ơn Đất nước, ơn Tam Bảo, ơn Đồng bào và Nhơn loại), trau dồi thiện-tĩnh và trở thành thiện-nhơn trong xã-hội.

Ông đi truyền đạo nhiều nơi ở vùng Hậu Giang, và giảng giải bằng những lời lẽ rất giản dị, rất bình dân, không văn hoa bóng bẩy, không có tư tưởng cao-siêu, nhưng ông có tài hùng-biện vô cùng hấp-dẫn, vô cùng duyên-dáng, lời-cuốn được đại-đa-số tin-đồ nông-thôn. Nhà cầm quyền Pháp đa nghi, bắt ông xa sinh-quán, rời làng Hòa-Hảo để đưa ông đi ở các nơi khác, tỉnh-ly Châu-Đốc, Cần thơ, Sa đéc, nhà thương Chợ-Quán (Saigon) v.v... và ông lợi-dụng những trường-hợp xê-dịch bắt buộc đó để truyền-bá Giáo-ly.

Năm 1942 ông bị dời về Bạc-Liêu, thì được người

Nhật, đang làm bá chủ ở Đông Dương, muốn dùng ông để làm một lợi-khí chính-trị. Họ đưa ông về Sài-gòn, ở Trung Sở Hiến-Binh Nhựt, và sau ra ở đường Lefebvre, nay là Nguyễn - công Trứ. Năm 1945, ông tham-gia vào các phong-trào cách-mạng quốc-gia đang bùng-bột ở khắp nước Việt-Nam do ảnh-hưởng của chiến thắng Đồng-Minh. Ông tham-dự vào *Mặt Trận Quốc-gia Thống Nhất*, rồi *Mặt trận Quốc-gia Liên Hiệp*. Năm 1946, ông tách riêng ra, để thành-lập với lực-lượng tin-đồ Hòa-Hảo lúc bấy giờ đã lên đến hằng triệu người một đảng gọi là *Việt-Nam Dân-chủ Xã-hội*, gọi tắt là *Dân-Xã*, chống lại *Việt-Minh*. Đêm 16-4-1947, Việt-Minh âm-mưu sát-hại ông tại Đốc-Vàng, vùng Đồng-Tháp. Ông bị thợ nạn, và từ đó không ai rõ tin tức chi của Đức-

Thầy. Nhưng tin-đồ Hòa-Hảo vẫn tin rằng Đức Huỳnh Giáo-Chủ không thể nào bị Việt-Minh giết chết được, và họ đang mong-đợi một ngày nào đó, Đức Thầy sẽ trở về với 2 triệu tin-đồ.

Riêng tôi, trong những giờ tâm-sự với một số tin-đồ Hòa Hảo ở Thánh Địa, ở tỉnh ly Châu Đốc, ở An Phú, ở Hưng Nhơn, ở Cần Thơ, Long-Xuyên, Sadek, Vĩnh Long, và một số bạn thân-theo Đạo Hòa Hảo, ở Saigon được biết nhiều dư luận dè dặt hơn, hoặc quả quyết hơn. Một chú thợ mộc, để búi tóc, ở Cồn Tiên (Châu-đốc) bảo tôi :

— Đức Thầy bất-tử mà, Ngài làm sao chết được ! Ngài đã thành Tiên, đang tu ở Núi Cẩm.

Tôi hỏi :

— Núi Cẩm ở đâu ?

Chú thợ mộc Hòa Hảo liền bắt-bẻ tôi :

— Đã nói là « Núi Cẩm »,

là cấm người thường-tục không được tới nơi, thì mình biết ở đâu, mà ông hỏi lạ vậy ?

Một bà cụ già nhai trầu, giống hệt Bà - Nội của tôi hồi xưa, và bán trầu-cau ở Châu-Đốc « tri-kỷ » với tôi.

— Đức thầy, ngài chết hay sống, thiên cơ bất khả lậu, mình hồng biết sao mà nói, phải hồng, Thầy ?

Một anh chèo ghe tác-rán, trên sông Vĩnh Long, bảo :

— Huỳnh Giáo-Chủ bị bọn Việt-Minh ám-hại ở Đốc-Dàng. Tui thì tui tin như vậy, Ngài đã dia Bồng Lai Tiên Cảnh, không có xuống hạ giới nữa dờ.

Một bạn tiểu tư chức Hòa Hảo ở Sài-gòn, trả lời lơ lửng :

— Đức Thầy.... dù đã mất xác, nhưng cũng còn hồn. Hồn Ngài hồn, tức là Ngài bất diệt.

Gặp ở Thánh Địa Hòa Hảo, đang ngồi ăn mĩa ngon lành, một thiếu nữ sùng đạo quê ở Chợ Mới, độc giả trung thành của Phổ Thông, đã mạnh dạn nói với tôi :

— Em thì em cho rằng Đức Thầy đã bị Việt Cộng ám sát từ lâu rồi. Còn ông, ông có tin như vậy không ?

Tôi mỉm cười đáp câu

phông vấn bất ngờ của cô bạn đọc ranh mãnh :

— Tôi hả?... Tôi tin rằng một là ngài đã chết rồi, hai là ngài chưa chết.

— Thế nghĩa là ông tin sự chết rồi nhiều hơn là chưa chết, phải hôn ?

— Tôi vô tư, tin cả hai thuyết.

Δ Tâm-Trí (NV)
(còn tiếp)



Δ Mau lên bà con ơi !

Trên sân khấu, một nữ ca sĩ đang hát. Giọng cô chẳng mấy hay lại diễn tả bài hát rất tệ. Chẳng may trong bài hát ấy có câu: «Tôi hát hay, khi nào có chàng ở đây!» khi cô hát đến câu ấy, có tiếng của một khán giả cất lên :

— Hãy kêu chàng đến đây cho mau, bà con ơi!

Quang midol
1580/07.1/0002

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

THẾ GIỚI

15 NGÀY QUA...

* NGUYỄN-VĂN-HỒNG

Δ Chung Quanh Hội Nghị Ma Ni và Chuyến Á-Đo của Tổng Thống Mỹ Johnson

Kết thúc 18 ngày viễn du tại Á-châu, Thái bình Dương và hội nghị Ma Ni. Khi đặt chân xuống đất nước mình đương làm Tổng Thống, ông Johnson tuyên bố với một giọng lạc quan, đầy tin tưởng : « Kết quả của Hội nghị Manille ngoài ý muốn và tương trọng của ông, bởi

nó vạch ra một chương trình hợp tác Mỹ — Á nhiều hoài bão nhất trong lịch sử : bảo vệ Á Châu khỏi bị xâm lăng, chiến thắng nghèo đói, đốt nát và bệnh tật » đồng thời T.T Johnson cũng không quên trấn an dư luận Mỹ rằng : « Tôi quả quyết Mỹ không ký kết một thỏa hiệp mới nào ở Manille, mà cũng không nhận thêm một sự Cam kết mới nào nữa ». Lời tuyên bố khá hay ho đối với dư luận của phe

phái liên hệ (7 quốc gia Đông Minh trong hội nghị Ma Ni về VN) và nhất là nó mang ý nghĩa thâm trầm đối với các công dân Hoa Kỳ, bởi liệu nó có tạo được một âm hưởng nào đó trong mùa bầu cử Tổng Thống Mỹ sắp đến... ?

Δ NIXON lại bắt bính JOHNSON.

Theo nguồn tin do hãng thông tấn UPI đánh đi thì cựu phó Tổng Thống Hoa Kỳ Richard M. Nixon tuyên bố rằng : « Chuyến đi của Tổng Thống Johnson không những đã làm cho cây cầu hòa bình dài thêm ra mà còn không tạo được một ảnh hưởng nào về phía kẻ thù của chúng ta. Vẫn theo cựu phó Tổng Thống Mỹ thì đã đến lúc phải xét lại, phải mở lại cuộc tranh luận về chính sách của chính phủ Johnson tại V.N, theo ông Nixon chiến tranh V.N.

không phải là một vấn đề quan trọng chỉ để mặc cả trong cuộc tuyên cử năm nay mà nó (chiến tranh V. N) có một tầm mức tối quan trọng vì chiến tranh VN là một trong những vấn đề then chốt của thời đại chúng ta », ông Nixon còn cho biết thêm, một chiến lược cho tương lai phải nhằm chấm dứt Chiến tranh, bảo vệ hòa bình mà không có sự đầu hàng khắp Á châu.

Những Luận Điều Ác Ôn, Những Hành Động Tạo Áp Lực, Liệu Johnson có đương đầu nổi ?

Khi trở về đến Hoa Thịnh Đốn, Tổng Thống Johnson minh định rằng : chuyến đi của ông vừa rồi không phải để gieo rắc tàn phá, chết chóc, và không phải để gây thêm những hy sinh lớn lao nữa cho dân Mỹ, mà là một

chuyến đi để đem lại thanh bình thịnh lạc.

Dù vậy, dư luận Mỹ nhất là của phe bỏ câu tỏ ra đầy ác-ý, dư luận ấy cũng gần giống như những luận điệu tuyên truyền của các nước C.S. nhằm tấn công ồ ạt và đả kích toi bời về chuyến đi của Johnson : Hội nghị Ma Ni đặt thêm những kế hoạch tấn công để mở rộng (leo thang) Chiến tranh V.N. Cộng vào đó những sự kiện bên lề về chuyến du hành của tổng thống Johnson đã không tạo được những dư luận thuận lợi cho Hoa Kỳ : Tổng thống Johnson bị tát sơn vào xe khi đến Úc, chương trình tiếp đón Tổng thống Mỹ của nước này đã phải bỏ gần hết các tiết mục nghiêm trọng linh đình. Nhiều cuộc biểu tình cũng được tổ chức bởi sinh viên Phi luật Tân, nhằm phản đối Johnson và chiến tranh V.N khi ông này đến dự hội nghị Ma Ni. (thủ đô của Phi luật Tân). Ngày chót của chuyến công du này, một biển cờ nữa lại đến, khi ông Johnson lưu lại Hán

Thành (Nam Triều tiên) Nhiều đợt tấn công hay pháo kích của C.S. (Bắc Cao) nhằm vào các căn cứ Mỹ đóng dọc ranh giới vĩ tuyến 38 Nam Cao (Đại hàn) đã gây cho ít nhất là 6 binh sĩ Mỹ và 25 binh sĩ Nam hàn tử thương và nhiều sĩ quan binh sĩ Mỹ Hàn bị thương. Dư luận cho rằng Cộng Sản Triều Tiên muốn cảnh cáo khi họ cho rằng cuộc hội đàm Johnson — Park Chung Hee có mục đích bàn kế hoạch đưa thêm quân Đại Hàn sang Việt Nam. Những sự kiện cách khoảng nhau, xảy ra ở từng nơi khi có dấu chân của đương kim Tổng Thống Mỹ bước đến, đã làm cho dư luận của chính giới Mỹ, của ngũ giác đài, của Tòa bạch ốc ít nhất cũng băn khoăn nghĩ tới.

Δ NAM VANG TRẢ ĐÓN MẠN HỘI NGHỊ CHỐNG NAM VIỆT NAM, CHỐNG TÀN-ĐÈ-LI

Một nguồn tin đáng tin cậy khác do hãng Reuter

đánh đi tuần trước, cho biết quốc trưởng Cambodge, Thái Tử Norodom Sihanouk tuyên bố sẽ triệu tập một hội nghị tại Nam Vang trong vòng vài tuần lễ sắp tới, mục đích của hội nghị là để trả lời Hội Nghị Thượng đnh Ma Ni và Hội nghị Tân đề Ly. Theo Thái Tử Sihanouk thì Tổng Thống Mỹ Johnson và 6 quốc gia Đông Minh với Hoa kỳ trong hội nghị Ma Ni đã bùng bít che đậy sự thực, phản lại thực tế tại Việt Nam. Còn Hội nghị tối cao Tân Đề Ly diễn ra trong tháng trước tại Ấn độ, có sự tham dự của 3 quốc gia trung lập (không liên kết) Tổng Thống Tito (Nam tư) Tổng Thống Nasser (Cộng Hòa Ả rập thống nhất) và bà Indira Gandhi (Ấn độ) theo Thái Tử Sihanouk hội nghị này đã không phân biệt được kẻ

xâm lăng và người bị xâm lăng, và lý do cuộc họp Nghị Hội sắp tới do Cambodge triệu tập tại Nam Vang (theo Thái Tử Sihanouk) chính vì Cambodge đã và đang là nạn nhân của nhiều cuộc xâm lăng — Cambodge cũng còn cho biết thành phần tham gia hội nghị sẽ có thủ tướng Bắc Việt Phạm văn Đồng, chủ tịch ủy ban trung ương mặt trận giải phóng Quốc gia (VC) Nguyễn hữu Thọ, v.v... ngoài ra Thái tử Sihanouk cũng cho biết thêm chỉ có những thông tin viên của các nước xã hội chủ nghĩa và Pháp sẽ được mời tham dự hội nghị mà thôi.

DE GAULLE giữ miệng ?

Khi nhận xét về De Gaulle thông tin viên Harold King

Dùng mido!
 Đi các chương đầu như và cuối cùng
 CÓ BAN QU CAC NHÀ THỢ C

(Reuter) cho rằng : « Lại một lần nữa De Gaulle lão làm vờn trong ngành chính trị không hề nản lòng dù gặp phải thời tiết xấu !

Lần này De Gaulle lại giữ thái độ im lặng, từ sau khi rút ra khỏi những cái mà De Gaulle cho rằng những ràng buộc của mình ước Bắc Đại Tây Dương. De Gaulle được xem là cái gai nhọn của Mỹ, thỉnh thoảng

ông vẫn chơi trò thọc gậy bánh xe làm cho Hoa - Kỳ nhiều khi gãi tai bức tóc. Lần này De Gaulle không hề động tĩnh, dù chính trường quốc tế hứa hẹn nhiều sôi động.

Liệu con người làm B tham vọng nhiều tự ái quốc gia ấy đương âm mưu những gì đây ?

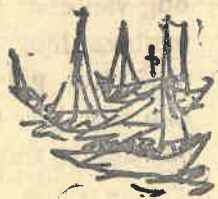


Hỷ Tin

Được hồng thiệp của ông bà Trần Tân Cửu (Nhà Văn Trọng Lang) báo tin lễ thành hôn của thứ nam, cậu Trần Tân Ngọc với cô Nguyễn nguyệt Anh, xin thành thật mừng bạn Trọng Lang, và chúc đôi tân hôn được nhiều hạnh phúc.

★ NGUYỄN - VỸ

Dùng mido!
 Đi các chương đầu như và cuối cùng
 CÓ BAN QU CAC NHÀ THỢ C



NIỆM

● TRẦN MINH PHÚ

*Cho tôi về sông nhỏ
Đợi một vì sao băng
Mà chấp tay cầu-nguyện
Điều buồn nước chảy nhanh*

*Điều buồn muốn bến sông
Nao-nao hồn đống-á
Ru lời ca bên lòng
Thương nhau chờ mấy ngả*

*Hồn hoa chừng lênh-đênh
Tôi phiêu-du ân-tình
Đi suốt đời không thấu
Nằm chết giữa đường đêm*

những « tay tở »

TRONG NGÀNH GIÁN-ĐIỆP LỪNG DANH QUỐC-TẾ

△ NGUYỄN-MINH thuật

(tiếp theo P.T. 182)



Ồ M ấy là ngày thứ Bảy 14 tháng 1 năm 1961, sau một năm hoạt động, những nhân viên của « ông già » — tức Sir Winston Halifax, một danh từ thân mật của anh em dưới quyền, thường gọi ông như vậy— đã theo dấu được một màn lưới gián điệp Nga tối ư quan trọng, hiện đang hoạt động trên đảo dưới sự điều khiển của « nhị trùng » khá nguy hiểm chưa lộ hành tung.

Điều đáng nói nữa là nhóm thuộc viên của ông già tuy vậy vẫn chưa biết rõ địch thủ của họ thuộc phe nào trong số ba phe quan trọng của họ là KGD, KGP và M.V.D. đặt dưới quyền lãnh đạo tối cao của cơ quan P.M.S ở Điện Cẩm, Linh !..

Bây giờ, xin mời các bạn trở lại khung cảnh sân ga Waterloo lúc ấy đã thưa thớt người, nghĩa là suốt 1 giờ 15 phút trôi qua, từ trên toa tàu một cặp vợ chồng trẻ, ăn mặc theo lối mới cưới của miền Nam Anh-quốc, trước khi bước xuống, họ đảo mắt nhìn quanh sân ga Waterloo, và xem chừng không mấy quan tâm đến ông già lợm khộm nợ, người chồng xuống trước rồi quay lại âu yếm đỡ vợ.

Xuống tàu xong, người vợ đi nhanh vào phòng vệ sinh, trong khi người chồng đi về phía anh chàng bán báo, mua lấy tờ « Daily Luân Đôn ». Cầm lên xem, sau khi đã rà soát khắp các hàng chữ, anh ta chặc lưỡi, tự nói :

NHỮNG TAY TỎ

— Chà, Luân-Đôn mà cũng hỏa hoạn thì còn nơi nào mà khỏi được.

Nghe vậy, anh chàng bán báo cũng góp chuyện :

— Xin lỗi, ông có lẽ vừa ở Salisbury tới?

Ông ra gạt đầu :

— Đúng thế, ông bạn ạ.

Vừa lúc ấy thì người vợ đã rờ ra, nàng nhanh nhẩu hỏi chồng:

— Báo hôm nay có gì lạ không anh?

— Có tin Luân Đôn bị hỏa hoạn.

— Chà... chà-nguy nhỉ?

— Lạ chứ không nguy.. thôi, chúng mình đi vậy!

Nói xong, người chồng cúi xuống xách hai chiếc va-li hộ vợ trong khi anh chàng bán báo làm nhanh nhẹn ám hiệu lúc này. Hai người đàn ông đứng ở hiệu chải tóc vội giở nón lên, về phía cửa ra vài người đàn ông khác cũng làm hiệu và biến nhanh ra cổng ga. Giữa lúc người chồng đang khệ-nệ bước tới cổng. Một người đàn ông vội bước đến mời.

— Ông bà đi tắc-xi chứ?

Người chồng nhìn gã đàn ông ngẩn-ngờ... người vợ đã nói:

— Ừ, đi tắc-xi cho nhanh, em mệt quá rồi!

Người chồng nhìn vợ gạt đầu đáp:

— Tùy em.

Bác-tài nhanh nhẹn cúi xuống xách hộ đôi vợ chồng hai chiếc va-ly, cùng một lúc, nhân viên của ông già nhìn thoáng nhanh qua ngón tay cái của bác tài chỉ xuống. Thì từ bên kia đại lộ Waterloo, trước rạp chiếu bóng Old-vic, một rạp hát chuyên trình diễn các vở kịch của văn hào Shakespeare, một chiếc xe Buick mui trần đậu sẵn, trên xe, băng ghế trước hai người đàn bà tóc vàng, phía sau hai gã Gentlemen ngồi ngậm tẩu một cách bình thản chờ đợi.

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm.
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TAY
1360/8V1/000C.

NHỮNG TAY TỎ

Khi bác tài mang va-ly ra đặt ở sau, và khách đã mở cửa leo lên xe xong, anh ta làm nhanh cử chỉ giở nón, đoạn tiến ra phía trước để bắt đầu làm phận sự.

Qua kính chiếu hậu, bác tài nhận thấy đôi vợ chồng này cũng giống như những cặp vợ chồng mới cưới khác, nghĩa là họ rất yêu thương nhau, hai người ôm nhau hôn một cách say say đắm đuối. Nhưng, nếu để ý kỹ sẽ thấy nụ hôn của họ có vẻ đóng kịch nhiều hơn là thật sự.

Phía sau, chiếc xe Buick và chiếc Austin màu xanh lá mạ vẫn bám sát chiếc ta-xi. Có điều là khi gần tới Amsterdam Street luôn luôn các xe sẽ rẽ sang Liverpool Street rồi đi về London - Brigde, nhưng vừa tới Hyde - Park, họ thành lĩnh bảo bác tài:

— Bác làm ơn rẽ sang Hamsphire Street cho tôi, bác tài nhé!

Phía sau, chiếc Buick vì bất ngờ nên bị lỡ trớn, chỉ còn lại chiếc Austin là vẫn đeo sát chiếc taxi. Qua kính chiếu hậu, «ông già» mỉm cười khê vồ tay lên vai bác tài, — hiểu ý, bác tài nhìn qua kính chiếu hậu, chiếc Buick đã hiện ra và quả nhiên chỉ một lát sau là họ bóp còi xin qua mặt...

Sở dĩ đôi vợ chồng trẻ phải thay đổi lộ trình, có lẽ họ linh cảm gặp sự nguy hiểm, hoặc rắc rối sắp xảy ra, và cũng có lẽ họ muốn tránh cái con đường quá đông đúc, để gặp tai nạn kẹt xe, chờ đợi đèn xanh đèn đỏ, cũng có thể là họ muốn đi vòng xem thành phố Luân đôn vào buổi trưa và để giết thời-giờ trong lúc chờ đợi giờ hẹn với đồng đảng. Cũng có thể họ muốn gì gì đi chẳng nữa, và họ có thay đổi hướng đi nào cũng không làm sao đánh lạc được màn lưới của «ông già» đã mở rộng để đón cặp vợ chồng son trẻ họ.

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm.
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TAY
1360/8V1/000C.

△ Chúng Tôi Bất Hai Người

Sau khi chiếc tắc-xi rẽ vào Devonshire Road, đôi vợ chồng trẻ trả tiền xong, chiếc xe buick cũng vừa thoáng qua và đổ xẹt lạ dưới một gốc xồi to ở phía cực tả hồ, chiếc Austin thì rẽ vào đường Rolls - Road, đậu khuất sau mấy hàng hoa dã thảo,

Bác tài tắc-xi sau khi ngã mũ làm hiệu, cho xe thụt lùi lại đường cũ, nhưng vừa khi đó xe bị chết máy, bác phải lay quay mở nắp ca-bô tìm chỗ hư, báo hại mất thì giờ và mất đi bộn tiền.

Harry vào nhà xong, chàng mở toang cửa sổ và vờ nhìn công lung ra ngoài, chàng hơi thoáng giật mình khi thấy chiếc tắc-xi đỗ cách dưới nhà không xa, chàng vẫy vợ kín đáo chỉ và bảo :

— Thăng cha này đáng nghi quá.

Ethel tát yêu bên má chồng, bảo :

— Đồng chí sao đa nghi quá, thăng cha khi này chờ mình đấy chứ.

Harry âu yếm kéo Ethel vào lòng hôn đắm đuối nhưng Ethel đã đẩy chàng ra, chùi mồm bảo :

— Đồng chí lợi dụng nhiều lắm nhé !

— Ô, Ethel thế mình không là vợ chồng sao ?

Ethel chỉ cười rồi bỏ đi vào buồng tắm, qua kiến buồng, Harry nhìn thấy vợ bắt đầu cởi các lớp áo ra... chàng mỉm cười bước về cửa buồng tắm. Ethel hốt hoảng hét lên và đóng rapat cửa lại.



Đôi vợ chồng trẻ này thường lệ có thói quen đáp chuyến xe buýt đường 68 ra Trung tâm thành phố, họ rất ít khi đi bằng tắc-xi, chiếc buýt này từ Devonskire Road chạy thẳng qua Hyde Park rồi đỗ lại trước rạp Old - Vic đối diện ga Waterloo.

Trong khi xe buýt qua Hyde Park, hai người đàn ông bước lên xe, Harry bất ngờ chú ý tới họ nhưng chàng không sợ vì thấy họ như mãi miết tranh luận nhau về một đề tài gì có vẻ ly kỳ và vui lắm thì phải.

Cùng lúc đôi vợ chồng ra đi, chiếc xe Buick cũng phóng

theo, sau là chiếc Austin, ông già vờ vai bác tài, chiếc Austin chồm lên phóng qua mặt chiếc buick, bác tài đưa ngón cái trút xuống, bên kia hai người đàn ông cũng làm y như vậy. Ông già bảo với bác tài :

— Còn Smith có theo kịp ta không nhỉ !

Bác tài nhìn vào kiếng chiếu hậu khẽ cười nói:

— Hẳn là bóng của ta đấy ạ !

Ông già xoa tay:

— Tốt lắm !

Chiếc buýt đỗ lại trước rạp Old - Vic, đôi vợ chồng bước xuống nhìn quanh đoạn năm tay nhau đi về hướng Fifteen-Street, hai người đàn ông tức thì nhảy xuống xe đi theo họ bên gót, dù la cách xa một khoảng kín đáo, họ theo dính đôi vợ chồng tới một hiệu bán hoa, người chồng dừng lại mua cho vợ một đóa hoa, trong khi hai người đàn ông qua mặt rồi họ rẽ sang đường. Harry thở phào bảo nhỏ với vợ :

— Thế mà anh cứ lo.

— Lo gì !

— Hai gã khi này.

— Rờm !

Nhưng nếu Harry cố nhìn kỹ thì ngay khi họ sắp băng qua đường, hai người đàn ông đã gỡ nón vuốt tóc, đồng thời một chiếc taxi đậu cạnh đấy, người tài xế cũng gỡ mũ trả lời.

Hai vợ chồng Harry và Gee băng qua Fifteen Street rồi thẳng về Watworth Road. Chiếc tắc-xi vẫn theo họ đều đều. Đôi vợ chồng cứ thế đi xem hết cửa hàng này tới cửa hàng khác vô cùng nhàn nhã, Harry lại mua cho vợ chiếc khăn quàng cổ khá đẹp, Ethel cảm động nhìn chồng sung sướng.

Nhưng họ vô tình không biết rằng 15 nhân viên của ông già đang kín đáo chia nhau theo họ và không bỏ sót một cử chỉ nào.

Ngang một hiệu kem, Harry và Ethel nhìn đồng hồ đoạn bước vào hiệu, hai mươi lăm phút sau họ trở ra, vẫy tay gọi

một chiếc tắc-xi đề sang khu Harrison Hoyde, vào suốt một dãy hành lang, Harry lựa mua một đóa hoa tím hai màu nhạt trao cho Ethel, rồi hai người trở ra đi dọc theo đại lộ Queen Elizabeth I đề về Victoria Road, lộn trở lại ga Waterloo. Họ đi bộ lần theo con lộ đưa về rạp Old-Vic. Bây giờ Ethel mới thay đổi cách cầm ví tay, tay mặt mang ví, tay trái cầm hoa tím của Harry, hai người tới trước rạp, Harry nắm tay vợ bước vào hành lang cùng hướng mắt vào kiếng nhìn các tờ chương-trình phim đang chiếu và những tấm bích chương giới thiệu tuồng mới kẻ màu sắc sặc sỡ.

Ethel bỗng hỏi :

— Đã mấy giờ rồi anh ?

— 17 giờ 15, còn năm phút nữa.

Đúng lúc ấy chiếc Buick đỗ ngay trước rạp, hai người đàn ông và hai thiếu nữ vui cười tung tăng bước vào rạp, họ cũng như đôi vợ chồng Harry — Ethel là đi nhìn ngắm các tờ chương trình. Bên ngoài bốn người đàn ông, chiếc xe tắc-xi và chiếc Austin đã đậu sẵn chờ đợi giờ phút tối ư quan trọng sắp xảy ra. Đúng 17 giờ 20 phút, từ hướng Walworth Street, một chiếc xe Hillsman de-luxe xuất hiện, trên xe một gã đàn ông to lớn, mồm ngậm râu phì phà khói, đỗ xít lại trước rạp, ông ta cầm trên tay một bó hoa tím nhạt, lưng thưng đi vào rạp như có hẹn với một thiếu nữ nào, mắt ông ta sáng hẳn lên khi nhìn thấy đôi vợ chồng Harry - Ethel, nhưng ông ta còn giả vờ xem các tấm áp-phích.

Smith tức 18 vội làm hiệu, bốn người đàn ông đi nhanh vào rạp, đồng thời hai người đàn ông đã đi từ lúc này cũng vừa vào, họ giờ nón làm hiệu, tức thì hai thiếu nữ và hai người đàn ông cũng tiến gần lại đôi vợ chồng Harry - Ethel.

Gã đàn ông lạ mặt cùng lúc vờ xem các tấm chương trình càng lại gần Ethel, khi hai người gần nhau, gã bỗng dựng

manh nàng, bó hoa tím trên tay Ethel bị rơi xuống, gã đàn ông hốt hoảng cúi xuống lượm bó hoa của gã rồi ngẩng lên xin lỗi Ethel, nhưng Harry làm dữ và toan cho gã đàn ông một bài học dù Ethel cố ngăn cản.

Vừa ngay khi ấy, Georges Smith đã bước tới quát to :

— Đưa tay lên, cầm nhúc nhích.

Cả ba người: Harry, Ethel, gã đàn ông lạ mặt hoảng hốt dừng cuộc cãi vả lại và ngỡ ngác nhìn Smith, nhưng mũi súng đen ngòm của chàng đã chĩa về phía họ, ngay lúc ấy, sáu người đàn ông, hai thiếu nữ và hai người đàn ông vây quanh họ.

Cả ba người kia chưa kịp phản ứng, thì ông già đã hiện ra chậm rãi nói :

— Nhân danh pháp luật, tôi bắt ba người về tội làm gián điệp !

Không đợi đổi phương kịp phản ứng, sáu người đàn ông cùng lúc ập vào nắm tay ba người đưa ra xe, cuộc giằng co bắt mỗi đã xảy ra chớp nhoáng khiến khán giả cũng không biết được vì ngộ họ là bạn.

Cả ba người bị đưa đi riêng rẽ. Gã đàn ông được áp tải ngay bằng xe của hắn. Trong khi Gee đi chiếc Austin với ông già, còn Harry thì lại được đi tắc-xi.

Tất cả đều được đưa về Sở Tình báo Trung ương để bắt đầu một cuộc khai thác cực kỳ khoa học.

(còn tiếp)

tìm đọc tác phẩm duy nhất

sa mạc lan đàn

Truyện : Trần Tuấn Kiệt

bìa : Nguyễn Khai

phụ bản của Hồ thành Đức

Nguyễn Phước

Nguyễn Trung

Nguyễn Khai

phát hành trong đầu tháng 11.

SOSEKI NATSUME

văn hào tiêu - biểu Nhật - Bản

★ NHẬT-THIỆN

Soseki Natsume, văn hào

Soseki Natsume, nhà văn hào rất nổi tiếng mà người Nhật thường gọi bằng tên họ « Soseki », là một tác giả được nhiều độc giả biết ở Nhật.

Sanh năm 1867, một năm trước cuộc Phục-Hưng Minh-Trị. Ông tạ thế năm 1916, hồi 49 tuổi. Theo tuổi Nhật-Bản khi

xưa, năm nay đã tới kỳ kỷ niệm bách chu niên ngày Ông ra đời. Đề tưởng niệm nhà văn hào quá cố, một cuộc triển lãm những tác phẩm của Ông đã được tổ-chức tại một nhà hàng lớn trong quận Ginza ở Đông - Kinh. Những tác phẩm trưng bày gồm một số gần 300 thứ, vừa là thủ bút lẫn hội họa. Khán giả dự triển lãm có tới 40.000, một kỷ lục đặc biệt đối với cuộc triển lãm về loại này.

NHÀ VĂN HÀO

Danh tiếng nhà văn hào Soseki ngày một vang lừng trong giới độc giả Nhật. Khoảng tháng 12 mới đây, nhà xuất bản Iwanami Shoten, đã khởi sự in những tác phẩm Soseki thành từng bộ nhân kỷ niệm bách niên tác giả. Những bộ sách đang in gồm 16 cuốn với tổng số 700 trang, giá bán 1.200 Yen một bộ, và hiện đã có tới 100.000 người đặt mua.

Ngoài ra còn 2 nhà xuất bản khác cũng đang in những tác phẩm Soseki thành bộ và cũng đã có tới 30.000 khách đặt mua. Như vậy, số độc giả tỏ ra sùng mộ những tác phẩm của văn hào Soseki tính ra tới nay đã có 130.000.

Không phải chỉ năm nay những tác phẩm của Soseki mới được nhiều người đọc như vậy. Ngay hồi 1917, một năm sau ngày tác giả từ trần, khi nhà Iwanami xuất bản lớp đầu tiên về những tác phẩm trọn bộ của văn hào Soseki, số độc giả hàng tháng đã lên tới 6.000, và tiếp tục lên dần cho tới kỳ năm nay là lần xuất bản thứ 7, tổng số đã lên tới 6.450.000 cuốn.

Đây là một trường hợp hạn hữu vì ít khi ở Nhật-Bản những tác-phẩm của một văn hào quá cố hơn 50 năm rồi còn xuất-bản được nhiều như vậy.

Nhiều nhà xuất-bản khác còn in những tác phẩm Soseki thành sách cỡ nhỏ bỏ túi. Những sách này bán chạy không kém các thứ sách của những tác giả nổi tiếng hiện tại.

Độc giả tác phẩm Soseki thuộc đủ các tầng lớp trong dân chúng, từ các bà nội trợ cho tới học sinh các cấp và công nhân xí nghiệp. Một cuộc khảo sát thực hiện năm 1964 tại 5 trường Trung học lớn ở Đông kinh đã cho thấy những sách truyện của văn hào Soseki được số đông độc giả nhất.

Truyện « Botchan » đối với dân chúng Nhật

Soseki là một nhà văn biết dung hòa tinh thần Âu Á để nói lên những đức tính theo bản ngã con người. Khác hẳn những bạn đồng niên dưới thời Minh-Trị, Ông bao giờ cũng đặt nặng vào sứ mạng tinh thần và nhiệm vụ xã hội của nhà viết sách trong khi sáng tác.

Xuất thân một nhà giáo Anh ngữ cấp Trung học, sau khi tu nghiệp nhiều năm tại Anh quốc, ông trở về được bổ nhiệm Giáo-

sư Anh Văn tại Đại học Hoàng gia Đông-Kinh.

Năm 1906, chính hồi 39 tuổi, ông bắt đầu sáng tác và viết cuốn truyện đầu tiên với nhan đề « Tôi là Con Mãn », một truyện hài hước phê bình thời buổi văn minh hồ giấy. Ông đã thành công ngay trong tác phẩm đầu và nhờ đó có thể từ chức Giáo-sư Đại-Học để về sáng-tác văn chương. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi mười một năm trong làng văn-nghệ trước khi từ trần, ông đã viết rất nhiều truyện mà ngay từ hồi ấy đã được coi như những văn phẩm kiệt tác.

Như đã kể trên, sở dĩ những tác phẩm của văn hào Soseki ngày nay được nhiều người hâm mộ là vì cốt truyện ông soạn đều thuộc loại gia đình tiểu thuyết, một khung cảnh độc giả rất dễ hòa mình.

Tác phẩm được hâm mộ nhất có thể là truyện « Botchan », tiểu thuyết thứ hai của ông soạn, tả cuộc đời một nhà giáo trung học tỉnh nhỏ. Cốt truyện soạn theo kinh nghiệm bản thân của tác giả, quyển truyện loại bìa cứng cỡ bô túi, số bán thời hậu chiến đã lên tới 2.140.000 cuốn.

Tích truyện mở đầu với câu :

« Vì bầm sinh với tính nóng cuồng nên suốt đời tôi từ tấm bé toàn gặp những sự thiệt thòi »,

Truyện « Botchan » của tác giả Soseki viết theo lối văn xuôi, vai chính trong truyện là một thanh niên sinh trưởng nơi kinh thành, với tánh tình giản dị, nóng nảy và nóng cuồng, được bổ làm giáo viên toán pháp tại một trường trung học ở Matsuyara, một tỉnh nhỏ trên đảo Shikoku.

Nhan đề « Botchan » có nghĩa là « Nhà Giáo Trẻ » và đây cũng là tên hiệu vai trò trong truyện do người bảo mẫu đặt cho từ nhỏ.

Trong truyện có nhiều đoạn lý thú, chẳng hạn như khi nhà giáo trẻ tuổi này tìm cách phạt học trò vì nghịch ngợm, và vì thế mà tạo nên một tình thế hỗn độn ngoài sự tưởng tượng. Một lần khác, « Botchan » lại lâm vào một cuộc loạn đả với học trò trường mình và trường khác, khiến Ông thầy và trường phải quở trách vì tác phong không xứng đáng của một Ông thầy. Nhưng « Botchan » là một nhà giáo cứng đầu, đầu chịu để người ta quở mắng như vậy nên đã công nhiên chống

lại viên viên trưởng, rồi gây ra nhiều vụ lộn xộn liên tiếp.

Về sau này, khi thấy một đồng sự, giáo viên Anh Văn với tánh tình nhún nhặn ôn hòa, bị đòi một cách nhục nhã đi một trường ít tiếng hơn, « Botchan » nhất quyết li khai với nghề gõ đầu trẻ. Nhưng trước khi đệ đơn từ chức, « Botchan » liên kết với một đồng sự cũng cương trực như mình để công kích viên viên trưởng vì những mưu mô phá rối chính sách giáo giới.

Coi sự việc này như món quà từ biệt, nhà giáo chán chường trở về với gia-đình ở Đông-Kinh, và nơi đây người bảo mẫu nuôi chàng từ thuở nhỏ vẫn đang chờ ngày chàng trở lại.

Tuy ngôn ngữ, hành vi trong truyện chỉ là giả tưởng, ít khi có trong đời sống thực tế, nhưng chính những hành vi tạo ra trong truyện đã kích động giới độc giả Nhật-Bản rất nhiều. Mặc dầu được thêu dệt bởi nét bút văn chương, những đềm về nhân cách con người của vai trò « Botchan » trong truyện, một nhân vật trẻ trung chất phác, tánh tình nóng

này lại thêm tính khí nóng cuồng mà biết cương quyết bảo vệ chính lý giữa một xã-hội bảo thủ, chính thật là tiêu biểu một khuynh hướng rõ rệt của thế hệ thanh niên Nhật-Bản ngày nay.

Cách hành văn của tác giả Soseki

Sự nghiệp văn chương của tác giả Soseki có thể phân tá-h thành hai giai đoạn. Những sáng tác về sau này có thể coi là kết tác hơn những tác phẩm ban đầu.

Với một căn bản vững chắc về kiến thức Anh ngữ cùng với những tư tưởng thuần túy Á đông, tác giả Soseki về sau này đã dồn cả tài năng vào những sáng tác rất có giá trị văn-chương như truyện « Sorekara », « Kokoro », « Non », « Michikusa » và « Me an ». Những tác phẩm này đều là tinh hoa của bản ngã, có giá trị văn chương hơn những sáng tác ban đầu, dưới hình thức hài hước như truyện « Tôi là con mãn » và « Botchan »,

Trong giai đoạn cuối cùng trên


 Midol trị các chứng đau nhức
 và cảm cúm
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 1360/BYI/DPDC.

đường sự nghiệp, họ Soseki thường lấy những mâu truyện gia đình xích mích làm đề tài sáng tác. Tuy nhiên, trong mỗi chuyện với cùng một đề tài, tác giả thường phân tích tích truyện theo nhiều khía cạnh, khiến độc giả có cảm tưởng như mình đang giải đáp một công thức về đại số học.

Thêm nữa, những truyện của ông viết hồi sau này thường có tính cách gay gắt hơn trước về phương diện tiêu thuyết, và tiến xa hơn về tâm lý nên thành tế nhị và khéo léo.

Tài sáng tác của họ Soseki đã biểu lộ rõ trong cách viết chuyện sau khi tả đời sống thông thường trong gia đình, ông cũng không quên đi sâu vào vấn đề tâm lý và tìm hết cách đề nói lên những gì thầm kín trong đời sống con người, qua sự diễn tả về nhân cách.

Truyện « Michikasu » mà tác giả đã viết theo cuộc đời của chính mình, tả một cặp vợ chồng thiếu hạnh phúc, theo lối văn xuôi rất là hấp dẫn. Tác phẩm này có thể chứng tỏ rằng văn hào Soseki không bị ảnh hưởng đường lối

văn chương duy thực thuở ông khiên nhà văn diễn tả một cách khách quan những gì mình nhận thấy dưới mắt trần.

Văn hào Soseki còn viết một số rất nhiều về những loại thơ ngắn Nhật-bản, dưới bút hiệu « Gudabatsu » nói lên những tư tưởng về thời Zen, như những bài với nhan đề « Bất vị Kỳ » và « Thú thanh nhàn ».

Tỉnh Matsuyama, nơi đặt vai trò trong truyện « Botchan », cũng là sinh quán nhà thi sĩ Shiki Masaoka, nổi tiếng về thơ Haiku của Nhật-Bản. Hai nhà thi sĩ trên đây lúc sinh thời thường hội họp ở nhà họ Soseki tại Matsuyama mà hiện nay người ta vẫn gọi là « Gudabutsuran », nhà gọi theo bút hiệu của thi sĩ Soseki. Người ta kể lại rằng chính khi văn hào Soseki còn làm giáo viên Anh Ngữ trường trung học Matsuyama, thi sĩ Shiki đã nhận thấy tài văn chương của họ Soseki.

Văn hào Soseki còn có cả hoa tay về bút tự và hội họa, và tài làm thơ Hoa Ngữ. Lễ dĩ nhiên đây là thứ tiêu khiển của Ông khi muốn giải phiến và lãng tránh

những sự thật phủ phàng trong đời sống thực tế hàng ngày. Thoạt đầu Ông còn viết theo lối bút tự của nhà chùa Ryokan thời Zen (1757—1831) nhưng về sau ông tự tạo ra một lối viết theo ý của riêng mình.

Về khoa hội họa, Soseki ưa về theo kiểu Nhật hơn là Tây Phương. Thoạt đầu ông họa bằng nước pha màu rồi mãi tới năm 1931, sau khi quen biết họa sĩ Sefu Tsuda, Ông mới thật chuyên chú vào khoa hội họa.

Phần lớn những tác phẩm văn chương của họ Soseki đã cho thấy tác giả thường hướng về ba yếu tố sau đây làm căn bản sáng tác: đạo lý trong cuộc sống hàng ngày, hành văn theo lối Tây Phương, và diễn tả với nghĩa lý. Hết thấy những yếu tố này đều không thuộc quy tắc chủ nghĩa duy thực.

Những nhân vật chính trong truyện, Ông soạn thường là nam giới và nếu có phải nữ giới chẳng nữa cũng không linh hoạt như đường lối duy thực. Những nhân vật phụ nữ trong truyện của tác



giả Soseki thường được hình dung theo phương diện tâm lý với bản ngã e dè, và vì thế, người ta có thể nói rằng Soseki là một văn hào chống duy thực.

Tác phẩm cuối cùng của Ông là truyện « Meian », thoạt đầu đăng nổi tiếp trên nhật báo. Ông từ trần khi vở truyện này đang được 188 đoạn trên báo chí. Truyện « Meian » từ đầu tới cuối đều nói lên những bản chất cố hữu của con người, và người ta cho đây là những ý nghĩ thật sự của Ông trong những ngày cuối cùng trước khi lìa cõi thế. Ông đã thiên nhiều về tôn giáo và sự sùng tín hơn xưa.

**Soseki, Nhà Văn Sĩ
và Soạn Giả**

Soseki là một văn hào có thiên tài, được nhiều người đọc trong

Đường midol

Đi các chứng đau nhức
và cứng cộm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

các tác phẩm Nhật Ngữ cũng như Hoa Ngữ và Tây-Phương. Trước khi viết truyện, Ông đã được nhiều người biết dưới bút hiệu nhà thi sĩ Gadabatsu.

Trong giới văn nhân Nhật Bản ngày nay, thật ít người lại có cá biệt tài về nghệ thuật như văn hào Soseki. Và cũng ít ai đã lưu lại cho hậu thế nhiều tác phẩm hội họa kiệt tác như văn hào Soseki cả.

Sau đây là một số trong những tác phẩm của văn hào Soseki được phiên dịch sang ngoại ngữ.

Anh Ngữ :

Truyện « Kokoro » dịch giả

Inedo Kondo (Kenkyushu, 1941)

Truyện « Botchan » dịch giả Yasotara Mohsi (Kinsedo, 1947)

« Mười Đêm M » Một Con Mèo » dịch giả Sankichi Hata và Dofu Shirai (Tokyo News Service, 1949)

« Tôi là Con Mãn » dịch giả Katsue Shibata và Motonari Kai (Kenkyu Sha, 1961)

Pháp Ngữ :

Truyện « Kokoro » dịch giả Horiguchi Daigaku và Georges Bonneau (La Pauvre Coeur des Hommes, Paris, 1939).



★ Cô ngồi . . . đây ★

Trên một chuyến xe buýt Saigon — Phú nhuận đông nghẹt hành khách. Bé Hoan đang ngồi trong lòng bố, nhìn mọi người xô đẩy nhau tranh chỗ ngồi, bỗng thấy một thiếu nữ trẻ đẹp đứng kế bên, bé Hoan vội vàng nháy xuống nói với thiếu nữ ;

— Cháu xin nhường chỗ... để cô ngồi a !

niềm đau thời nối tiếp

Sao tôi là viên đá
Nhìn cuộc đời màu đen
Nỗi buồn xanh lá mạ
Chạy dài theo bóng em

Sao tôi là biển rộng
Lang thang như chó đói
Tôi muốn về dòng sông
Lên nằm trên cồn cát

Tôi nhìn tôi không ra
Da đen như bóng tối
Tình yêu bỏ đi xa
Tôi nhìn tôi không nói
Có còn buồn không em
Mai tôi về phố thị
Hai đứa chung bóng đêm
Niềm đau thời tiếp nối

★ TYTA TRẦN-VIỆT-THÀNH

Mình ơi!

PHÙ - THỦY

Có phép lạ
thiết không ?



hay

BỊP ?

DIỆU - HUYỀN

2 giờ khuya rồi, bà Tú và ông Tú vẫn chưa ngủ được. Tại bên nhà chị Bảy Lụa ở hàng xóm, sát vách nhà ông Tú, hãy còn tiếng cóc-cóc keng-keng của lão phù-thủy và tiếng lão đọc bùa chú, la hét rùm-beng. Trong bữa cơm tối, bà Tú có cho ông Tú hay chuyện cô Tám-Thanh, nữ-sinh 16 tuổi, em gái của chị Bảy, chiều thứ Năm tuần trước đi học về, bị nóng-lạnh, nằm mê-mán đến ba ngày, rồi bỗng đứng ngồi dậy đòi ăn cơm với muối, và ca hát om-sòm, nói bậy nói bạ, múa men nhảy-nhót, xé áo xé quần, như con điên. Hai người ôm chặt lấy cô Thanh lôi ra xe taxi đem cô đến Bác-sĩ. Bác-sĩ không chữa bệnh được, bèn đưa cô vào Nhà-thương điên Chợ-Quán. Bác-sĩ Chợ-Quán nhốt cô trong một phòng kín. Cô đập cửa rầm-rầm, ca-hát và cười suốt đêm, hoặc nói mê nói sảng, chửi cả Bác-sĩ, và hăm về âm-phủ tâu với Diêm-vương lên bắt ông Bác-sĩ đem xuống nhốt dưới Địa-ngục. Sáng hôm sau, chị Bảy Lụa nghe lời mấy người quen ngoài Chợ bèn Cô Thanh bị ma-

quĩ nhập, phải mời thầy phù-thủy tới cúng cho cô, và làm bùa trừ tà, chứ để ở nhà-thương bác sĩ không chữa được bệnh đó đâu. Chị Bảy Lụa vô nhà-thương Chợ-Quán lãnh cô Thanh về, và do một bà bạn quen chỉ dẫn đi Hốc-Môn mời một thầy phù-thủy có tiếng chữa bệnh tà-ma linh-nghiệm lắm.

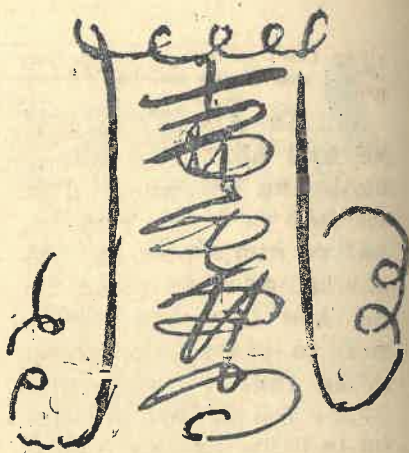
Lão phù-thủy, tên là Thầy Tư Nhiều liền tới nhà chị Bảy để xem-xét căn bệnh của cô Thanh, rồi ông bảo: « Cậ này có đi ngang qua một cái am cô-hồn, và phá-phách hay nói xác-xược gì đó, bị hồn ma nhập vào ám-ảnh cô. Nhưng căn bệnh như vậy, tôi cứu hết liền, không có sao đâu... Mua một nải chuối, và làm thịt một con gà nấu cháo cứng, ba đĩa xôi, ba chén chè, sữa soạn bàn thờ, đèn hương, một bình bông, một cò trái cây, cam, quít, măng cầu, rồi chiều mai tôi tới, 9 giờ

● *Chú thích hình trang đầu :*

Một pháp sư Ấn-độ (Thành phố Calcutta) đang luyện phép : hai tay treo sau lưng, hai bàn tay đưa ra trước, nắm hai bàn chân,

cúng tới 6 giờ sáng. Cúng liên-
tiếp 3 đêm, là cô ấy khỏi bệnh. »
Cuối-cùng ông đòi 5.000đ. Chị
Bảy Lụa bằng lòng, nhưng xin
đưa trước 2000đ., còn 3000đ.
khi nào thầy chữa bệnh cho em
chị khỏi hẳn, chị sẽ trả nốt.

Do đó mà tối nay lão phù-thủy
đánh mỏ, đánh kiêng, cóc-cóc
keng-keng, và đọc bùa đọc chú,
trừ tà du ma, làm rùm-beng,
không những ông Tú bà Tú mà cả
xóm không ai ngủ được. Nhưng
không ai than-phiền gì vì cả xóm
đều biết chuyện cô Thanh bị ma-
quỉ xâm-nhập, tự-nhiên cô biến
thành con-diên khiến cho cả xóm
đều hoang-mang lo-sợ, chứ không
riêng gì chị Bảy Lụa. Cho nên
họ bằng lòng mất giấc ngủ để
xem lão phù-thủy có cứu được
con diên trầm-trọng của cô Thanh
không. Nếu cô Thanh lành bệnh,
thì lão phù-thủy sẽ là ân-nhân
cho cả xóm, lão đáng kính đáng
phục lẫm. Nếu trái lại, lão gạt
chị Bảy Lụa nuốt 2000 bạc
mà cô Thanh không hết bệnh
diên, thì họ bảo nhau sẽ đập cho



lão một mẻ nên thân để lão chữa
bỏ cái nghề bịp-bợm đồng-bào.

Nghe dư-luận xâm-xi trong
xóm như vậy, nên nhân đêm nay
không ngủ được, bà Tú hỏi ông
Tú :

— Mình ơi, phù-thủy có phép
thần-thông biến-hóa, có oai-quyền
hay thần-lực gì trừ tà đuổi ma-
thiệt không, hay chỉ là trò bịp, hà
Mình ?

Ông Tú lắng tai nghe lão thầy-
pháp đang đọc một bài chú với
cái giọng lên bổng xuống trầm

CORTONYL

riêng của l. o. thật ào-huyền rùng
rợn :

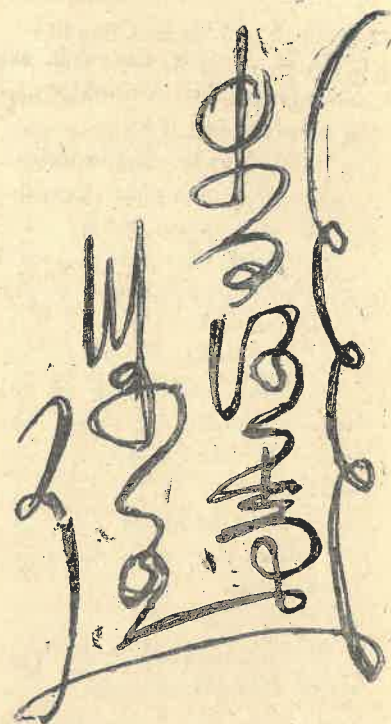
« ... Ân khê khê, khê
hê, khê hê, hêng hông,
nhập phạ ra, nạp phạ
ra, bát ra nhập phạ ra,
bát ra nhập phạ ra, đề
sắc sá, đề sắc sá sắc trí
rị, sắc trí rị ta phẩn
tra, ta phẩn tra, phiến
đề ca, thất rị duệ, ta phạ
ha... » Rồi lão hét lên : « Ừm
ba la ! Ừm ba la ! ... Hú !
Hú ! Hai tiếng hú của lão thật
dài, như tiếng ma hú rùng-rợn
trong đêm khuya. Kế tiếp tiếng
kiêng, tiếng mỏ : keng ! keng !
Cóc ! cóc ! keng ! cóc ! keng !
Cóc... keng ! cóc... keng ! keng !
keng !... »

Bà Tú sợ quá, ôm xiết lấy ông
Tú, hỏi rất khẽ :

— Lão phù-thủy là cái gì vậy,
Mình ? Lão đang đuổi Ma đó,
phải không Mình ?

Ông Tú tủm-tim cười, chậm
điều thuốc hút :

— Tưởng gì, chớ lão tụng
bài *Tiêu-tai cát tường thần chú*,
ai mà không biết. Bài đó đầu



phải là bài chú trừ tà ma.

Lão phù-thủy lại hét lên thật
to :

« Ừm tam đà ra dà đà ta bà ha !
« Ừm tam đà ra dà đà ta bà ha !
« Ừm tam đà ra dà đà ta bà ha !
keng ! keng ! keng ! cóc-cóc keng !
cóc-cóc keng ! cóc cóc keng !... »

CALCIUM PDD
POLYVITAMINE

Bà Tú úp mặt vào nách ông Tú, nằm im thin-thít... Một lúc, bà gọi thăm ông Tú :

— Mình ơi !... Em sợ quá !...

Ông Tú đưa bàn tay dịu hiền âu yếm vuốt tóc bà Tú :

— Có gì đâu mà sợ, em ! Đừng sợ... có anh đây...

— Mình ơi !

— Có anh đây.

— Mình muốn uống cà phê không ? Em đây bật đèn, nấu nước sôi pha cà-phê-sữa cho mình nhé ?

— Em uống không ?

— Có. Em uống chung một li với mình.

— Ừ.

Bà Tú xem đồng-hồ đã 3 giờ khuya. Lão phù-thủy còn « *Um-ba-la* » cho đến 6 giờ sáng. Bà Tú nằm trằn mền, ôm riết lấy ông Tú tuy bà đã để đèn sáng trưng trong phòng. Thành-thoảng hai người uống một hớp cà phê sữa, rồi để lại li trên bàn ngủ, cạnh đầu giường. Bà bảo :

— Có mình, em hồng sợ ma đâu... Mình ơi, ông phù-thủy la hét như vậy mà có đuôi



Một phù thủy Ấn-độ New Delhi tươi cười đi chân không trên một đám lửa than đang cháy hừng hực.

được tà ma thiệt không. Mình ?

— Nếu thầy-pháp có tay-ấn già, có thể cứu bịnh-nhân được. Tay-ấn non thì không cứu nổi căn bịnh mà còn bị nặng thêm.

— Thế ra bùa chú của phù-thủy cũng linh-nghiệm thiệt hả mình ?

— Trong 10 ông pháp-sư đời nay có thể còn có được một hai



Nữ pháp sư Ấn độ làm phép trừ tà ma trong một ngôi nhà ở New-Delhi.



ông có bùa pháp cao-kỳ, đuôi được tà-ma. Còn 8, 9 ông là phù-thủy bịp-bợm.

Pháp-sư cao tay-ấn, là những vị pháp-sư chân-chánh (*de vrais exorciseurs*) có thể vận-dụng uy-quyền ảo thuật để làm xê-dịch một hòn đá chẳng hạn, trên đó có vẽ bùa, và hòn đá tự động « đi » được từ chỗ này đến chỗ khác theo mệnh-lệnh của pháp-sư. Vì Người sai khiến được ma. Cái thần-lực của Người lớn lắm. Với những bùa-chú thích-ứng, huyền-vi và linh-nghiệm, pháp-sư có thể đóng vai-trò người lính cảnh-sát trừ-khử, xua đuổi, những tà-ma yêu-quái là những phần-tử bất hảo của thế-giới vô-hình, ngăn-cản chúng phá-phách thế-giới hữu hình. Chuyện đó rất thường, không phải là mê-tín dị-đoan. Nhưng, cần phải nhấn mạnh thêm này, là quyền-lực cao kỳ mầu-nhiệm như thế chỉ có những bậc Chơn-sư cao-pháp mới có được mà thôi. Họ học những pháp môn huyền-bí trong các loại sách như « *Vạn-pháp quy-tôn* » từ nghìn xưa để lại, do các bậc Đại-Thánh-triết đã cảm-thông được với thế-giới vô-hình ở một thời-dại trình-nguyên mà Thần, Thánh, Phật. Người còn ở chung-đụng với nhau được trong không-khí tinh-khiết siêu-

CORTONYL

viết của trí-óc và linh-hồn. Số người tham-nho kế-nghiệp những học-thuyết cao-siêu huyền-diệu đó ngày nay vẫn còn, nhưng không được bao nhiêu. Trái lại, đại đa số những kẻ phù-thủy dốt nát, xuyên-tạc Thánh-học chọn truyền, đạo-pháp chọn-tu, áp dụng tà-thuyết mê-muội để lừa gạt những trí-óc ngây-thơ chất-phác, đó là bọn phù-thủy, thầy-cung, pháp-sư giả-hiệu, bịp-bơm, như lão thầy pháp đang cóc-cóc keng-keng bên nhà chị Bảy Lụa. Chúng ta cần phải gạt bỏ những thành-kịch trí-thức hẹp-hòi ngoan-cố, và tôn-trọng chấp-lý của sự vật mặc dầu chấp-lý đó biểu-hiện ra trước mắt ta một cách vô cùng huyền-ảo, vượt quá sức tưởng-tượng tầm-thường và thấp-thor của chúng ta. Kinh-nghiệm thực-tế trên đời này, trong nhiều trường-hợp cụ-thể đã chứng minh cho ta thấy rằng những sự kiện & lý-ký ở vào bí-mật như ếm-bùa, như « trừ tà », như diệt-tru yêu-tinh, qui-quái, như kêu gọi hồn ma từ cõi vô-hình về cõi hữu-thanh, là



Phù thủy Phi Châu (Sénégal)

hồn nhập xác, v.v... và v.v... (nhiều lắm) đều có thật, và sự

Đau các chứng đau nhức và cảm cúm
CO BAN TAY CÁC NHÀ THUỐC TAY

Magie Noire

LES RECETTES INFERNALES
ET LES CEUVRES DEMONIAQUES

Rituels, Grimoires & Co.

Magie Noire

DICTIONNAIRE
INFERNAL



liên-lạc do phật-hồn của con người ở thế-giới này cảm-thông với thế-giới u-minh, không phải là mê-tin dị-đoan. Biết bao nhiêu những tiết-lộ huyền-bí đã khiến cho con người ở dương-thế dù có trí-thức uyên thâm đến đâu chẳng nữa cũng phải vô-cùng kinh-ngạc và thắc-mắc liên-miên.

— Minh ơi, sao ở nước ta hay có ma quỷ, có phù-thủy, pháp-sư, còn các nước Văn-minh Âu-Mỹ lại không có? Nhiều người cho rằng tại vì ở các nước Văn-Minh Tây-phương, khoa-học đã tiến lên một mức-độ quá cao, cho nên mê-tin dị-đoan không còn nữa. Họ nhận xét như vậy có đúng không, Minh?

— Anh nghĩ rằng những kẻ nào chưa nghiên-cứu kỹ vấn-đề, chưa đi sâu vào lĩnh-vực huyền-bí của tạo hóa, thì không nên liều-lĩnh quả-quyết một điều gì cả. Quả-quyết như thế chỉ càng chứng tỏ sự học-hỏi của mình còn thấp-kém, non-nớt, sự nhận-xét của mình còn thiếu-sốt, nông-cạn,

Những sách của Pháp dạy về phép phù thủy, mới xuất bản ở Paris trong vòng 10 năm sau đây.

quan-diêm của mình về vũ-trụ, về nhân sinh, hãy còn quá hẹp-hòi, lệch-lạc, ấu-trí. Biết bao nhiêu kẻ kiếm được mảnh bằng Bác-sĩ y-khoa, hay tiến-sĩ, thạc-sĩ khoa-học, đã vội-vàng tự-phủ rằng mình đã đạt được mức cao của trí-thức khoa-học loài người. Tính kiêu-căng tự-mãn của hạng người ấy thật đáng thương-hại vì nó chứng-tỏ rằng họ hoàn-toàn kém khả-năng tiến lên linh-vực cao hơn nữa của Chân-lý vũ-trụ.



Sống trên thế-giới hiện nay, chúng ta phải hiểu rằng cái **chân khoa-học vũ-trụ** (la Vraie Science Universelle) là **khoa học bao gồm cả hữu-hình và vô-hình**. Khoa-học thực-nghiệm (la Science expérimentale) như y-học, thiên-văn-học, không-gian-học, toán-lý-hóa, v.v... đều căn-cứ trên những hình-trạng thể-chất của sự-vật (phénomènes matériels). Còn khoa-học huyền-bí thì khám-phá những hiện-tượng thần-linh (phénomènes spirituels) của sự-vật. Chẳng hạn như sự hiện-hình mẫu-nhiệm của Đức Bà Maria bên Đạo Thiên

Một tên phù thủy có danh tiếng ở Paris hiện nay.

Chúa, sự hiện-linh của Đức Bà **Quan-Thế Âm** bên Phật-giáo, đó là những hiện-tượng mà chỉ những kẻ vô-thần, ngoan-cổ, thiên-cận, những kẻ thiếu kinh-nghiệm về những sự-vật huyền-bí, những kẻ mà lòng tin-tưởng duy-nhất và kiêu-căng nơi khoa-học thực-nghiệm đã ngăn-cản nhãn-quan ngăn-ngữn của họ nhìn thấy bề mặt bi-ân của vũ-trụ, chỉ những kẻ đó mới dám phủ-nhận chân-lý

CALCIUM PPD
POLYVITAMINE

thứ hai của thông-minh tạo-hóa, (la seconde Vérie de l'intelligence créatrice).

Những chuyện Ma, Quỷ, và những Thần-Chú đề trừ ma-quỉ, những khía-cạnh huyền-ảo linh-thiên thuộc về Đạo pháp của các Tôn-giáo Vĩ-đại như Thiên-Chúa-giáo, Phật-giáo, Hồi-giáo, đều có thật cả, ở thế-giới này và các thế-giới khác. Tại các nước có thể gọi là văn-minh tiến bộ nhất hiện nay, như nước Pháp, nước Anh, nước Đức chẳng hạn, ở ngay thế kỷ XX của Nguyên-tử-lực và Hòa-tiến lên Trăng, không ai dám quả-quyết rằng không có ma-quỉ và không có những biện pháp thần-linh trừ ma-quỉ. Từ năm 1958 đến nay, Giáo-hội Thiên-Chúa-giáo ở Tây-phương vẫn dùng các phép trừ tà yểm ma (**Exorcisme**) y như ở thời Trung-Cổ và thượng-cổ vậy.

Ai cũng biết rằng biện-pháp trừ tà yểm ma ở Âu-Châu căn-cứ trên sự tin-tưởng có một thế-giới u-minh, và sự tín-ngưỡng nơi quyền-lực mà các Đệ-tử của Chúa Jésus Christ có thể sử-dụng để chống lại và tiêu-trừ ma-quỉ. (Démons) cũng y như bên

Phật-giáo vậy. Nói một cách cụ-thể hơn, hiện nay trong nhiều Nhà Thờ Thiên-Chúa ở Tây-Phương, nhất là ở Pháp, vị linh-mục thường giao cho một giáo-sĩ phụ-trách việc trừ tà-ma mỗi khi các bác-sĩ đã xác-nhận rằng bệnh-nhân không bị bệnh thường, và có những triệu chứng dễ có thể kết-luận rằng y bị bệnh tà-ma. Những triệu-chứng ấy đại-khái như là : nói và hiểu một vài loại ngôn-ngữ kỳ lạ, biết rõ được một vật đã giấu-kín, phôi-diễn một sức mạnh phi-thường, không thích-ứng với thân-thể của nạn nhân, v.v...

Nghi lễ trừ tà-ma (séance d'exorcisme) do vị Linh-mục điều-khiển, gồm có những « Kinh cầu-nguyện các Thánh », *Litanies des Saints*, và *Pater Noster*, làm dấu Thánh-giá và những lời sai-khiến (adjurations) như :

« *Je t'ordonne, esprit immonde, je te somme, par tous les mystères de Notre Seigneur, de me dire ton nom...* »

hoặc :

« *Je t'exorcise, esprit impur ; que toute intrusion de l'ennemi,*

toute image soient enlevées hors de cette créature... », v.v...

(Đoạn trên đây, nói về phép trừ tà-ma (exorcisme) trong các Giáo-đường Thiên-Chúa-Giáo hiện nay ở Pháp, và Đức là thuật theo tài liệu đích-xác của Jacques Duteurtre và Cyrille De Neubourg, trong *Tout Savoir*, số 61, tháng Juin 1958, Paris).

Dịch hai câu trên :

« Hồn ma ô-uế, ta truyền lệnh cho mi, nhân-danh tất cả các huyền-bí của Chúa Trời, mi phải khai cho ta rõ danh-tính của mi, mi là ai... »

hặc :

« Hồn ma nhớp-nhua, ta diệt trừ mi. Mọi xâm-nhập của thù địch, mọi hình-ảnh, phải được rút ra khỏi người này... »v.v...

Tuy-nhiên, ở Pháp cũng như ở Việt-Nam, ngoài phạm-vi của Nhà-Thờ hay Nhà-Chùa, phép trừ tà đuổi ma vẫn có bề mặt và bề trái của nó. Có phép đích-xác, cứu chữa được bệnh-nhân nhờ bí-quyết huyền-bí của một pháp-sư chân-chính. Có phép xảo-quyết không linh-nghiệm gì cả của một tên phù-thủy bịp-bợm.

Đây, kể một vài tài-liệu xác-thực còn ghi lại trong sách báo, và hồ-sơ của Tòa-án.

1) Năm 1954, ở Paris, có một thiếu-nữ hai mươi tuổi bị bệnh bạch-huyết (Leucémie) trầm-trọng. Hai ba bệnh-viện, nhiều bác-sĩ chuyên-môn, nhiều lần truyền máu, pénicilline, cortisone, tất cả kho tàng còn bất-lyc của khoa-học, trải qua tháng này tháng nọ, và cuối cùng xe hồng-thập-tự của bệnh-viện chở cô về nhà chờ ngày chết. Cha mẹ cô tuyệt vọng thấy con gái lớn yêu kiều duyên-dáng hồi nào bây giờ chỉ còn là cái xác xanh-xao gầy mòn đang hấp-hối trên giường.

Có bà hàng-xóm mách má cô đi mời một pháp-sư danh-tiếng. Hạng phù-thủy thật và giả này hiện còn rất đông ở nước Pháp cũng không khác nào ở Việt nam vậy.

Vị Pháp-sư (le Sorcier) trước kia làm nghề chẵn cừu, nay đã già lụ-khụ, được má cô vào tận thôn-quê nơi ông ở, đón ông về Paris, xem căn bệnh của Madeleine A... đưa con gái độc nhất. Ông lão pháp-sư đến lúc 8 giờ tối, thấy Madeleine mê-sảng, thở rất yếu. Bà Má cô sợ không qua

khỏi đêm nay. Ông Lão đặt bàn tay trên trán cô, và dùng-dinh đi ra vườn, bẻ một nắm cành cây *fusain*, một loại cây nhỏ, hoa trắng, thường trồng làm cây-cảnh trong các vườn ở Pháp. Đêm ấy, ông đốt *fusain* cho bệnh-nhân uống sau khi đọc những câu bùa-chú bằng tiếng la-tinh. Sáng hôm sau ông trở về quê. Madeleine ngủ ngon giấc. Vài ba hôm sau, tuy cô còn yếu lắm nhưng bệnh đã thuyên-giảm. Bác-sĩ công-nhận hồng-huyết-cầu của cô đã tăng nhiều. Và dần dần cô hết bệnh. Chứng bạch-huyết trầm-trọng của cô, mà các Bác-sĩ không cứu được, đành để cô chờ chết, đã dứt-tiết hẳn nhờ vài cành lá cây trong vườn và lời bùa-chú của một pháp-sư già cả quê-mùa, không có học-thức, không có bằng Bác-sĩ. Hiện giờ, theo lời của Cyrielle de Neubourg, cô Madeleine vẫn sống khỏe mạnh ở Paris.

2) Trái lại, cũng có những vụ phù-thủy bịp và bị tù tội. Ở Port-Jérôme, tháng 10-1953, một bà mẹ nghe lời phù-thủy, đem đứa con mới sanh, được 6 tuổi, vứt xuống sông, vì phù-thủy bảo nó là một hồn ma nhập xác.

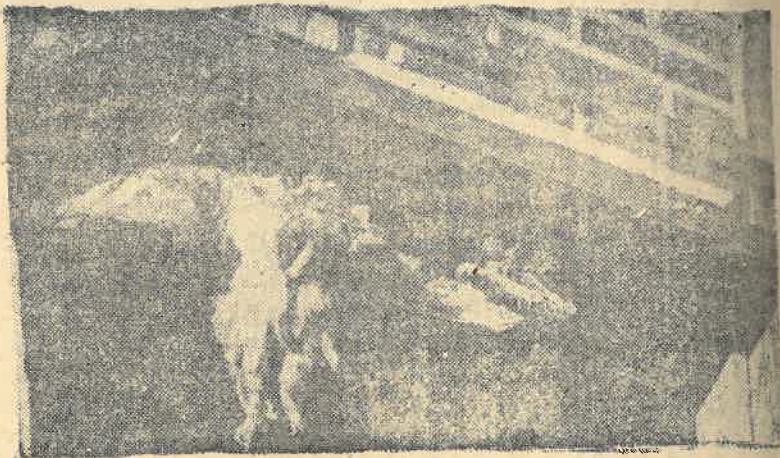


Một cánh đồng ở tỉnh Aube (Pháp) thường có con yêu xuất hiện nơi ba cây trụi lá. Theo lời khẩn cầu của dân chúng, vị Lich mục Nhà Thờ gần đây phải đóng một cây Thánh giá nơi con tinh thường hiện, giữa hai góc cây kỳ dị tréo nhánh lại lẫn nhau. Tỉnh thoảng con tinh (một thiếu nữ) vẫn còn hiện, nhưng ít hơn trước. Chỗ này gọi là Croc.au-Diable, gần quận Bayel, (Aube)

Tháng 4-1953, tòa án Paris xử vụ một người đàn-bà đau ốm luôn nghe lời một mụ phù-thủy đưa hết cả số tiền dành-dựm được cho mụ để mụ làm phép cho. Mụ phù-thủy ôm số tiền đi mất, sau bị bắt, bị 6 tháng tù. Tháng 10-1957, một mụ phù-thủy ở Paris, tên là Simone Roehring, tự xưng là « sứ-già của Chúa Christ » chữa một người đàn-ông bị bệnh ung-thư, cấm không cho người nhà vào phòng bệnh. Mười ngày sau, mụ biến đàn mắt, để lại cái xác chết của bệnh nhân thúi rục trên sàn nhà. Mụ bị tòa xử khờ-sai chung thân ở tỉnh Alpes-Maritimes, tên phù-thủy có danh

tiếng Louis Murare bị một tên thanh-niên làm vườn Joseph Marini bỏ lưới cước vào đầu ông, vì lão phù-thủy lợi-dụng đem làm bùa phép chữa bệnh cho vợ chàng, ngủ luôn với nữ thân-chủ. Marini chỉ bị 18 tháng tù. Ở thành phố Orléans, tháng 7-1958, tên phù-thủy Jules Barnault và tình

Tại thành phố Lyon, một ga ra thường bị ma hiện về phá, chủ treo xác một con chim Cú mèo trên tường, nơi mặt tiền, để tránh tai họa, theo lời khuyên bảo của một pháp sư.



nhân của y là Simone Riffet em bùa mê cho chồng của Simone hóa ra người điên bị đưa vào bệnh viện, để Simone ở nhà tự-do hú-hí với lão phù-thủy, nhưng có mưu bại-lộ khi Bác-sĩ bệnh viện nhận thấy nơi bệnh-nhân nhưng triệu-chứng bị tà ma ám-nhập. Tên phù-thủy và đồng-lôa Simone Riffet bị khờ-sai chung thân « để làm gương cho bọn phù-thủy tác-quái » v.v...

Còn nhiều vụ phù-thủy bịp-bọn như thế ở Pháp, Đức, Anh, hiện ở thời này, giữa những kinh-thành Paris, Berlin, London, chẳng khác gì những vụ phù-thủy bịp ở Việt Nam, mà các báo đăng những tin vật nơi mục. Tin trong nước.

Bây giờ em đừng tin những kẻ chuyên-môn nói xấu người Việt Nam, bảo chỉ có Việt Nam hay mê-tín dị-doan, có ma yêu, có phù-thủy; chứ các nước Văn-minh không có. Lào! Pháp, Anh, Đức, Ý, Bồ-đào-Nha, Nga-Xô, Mỹ, Ga-nã-dại, Mexico, còn có nhiều ma và nhiều phù-

thủy gặp mấy ở Việt Nam. Nếu anh kể theo sử-sách, có bằng-chứng hẳn hoi, thuật lại những vụ Ma xuất hiện, Ma bắt, và phù-thủy trừ ma ở các nước « Văn minh tiến bộ » ấy thì không biết bao giờ mới hết. Nếu bảo là « mê-tín dị-doan », thì họ còn « mê-tín dị-doan » bằng mấy người Việt Nam nữa. Nhưng khôn nổi, có rất nhiều, có vô-số trường-hợp không phải là « mê-tín dị-doan » nữa, mà là có thật. Chân-lý phi-lý (la vérité absurde) toát ra hiển-hiện trước nhân-quan của con người, nếu tin thì cứ thối-mắc mãi, mà không tin thì hóa ra mù-quáng Ma-quỉ hiện ra sờ-sờ trước mắt mà không tin sao được! Nhất là ở thời Mặt-Pháp này, một số đông Sư Tả gphả Đạo, bỏ hết những giới-luật của Phật, xuyên-tạc giáo lý của đấng Thế-tôn, giới Tỳ-Kheo bảo-vệ Phật-pháp mỗi ngày mỗi giảm bớt, tham vọng, sân-si, kiêu-mạn, tà-dâm, sát-sanh, mỗi ngày mỗi xâm-nhập vào Thiên-

CORTONYL

món, cho nên tha-hồ ma-quĩ
lộng-hành, ma-vương cám-dỗ,
bọn phù-thủy bịp-bợm ra đời mỗi
ngày mỗi đông.

— Chán quá, Mình nhi.

— Thế cho nên bây giờ anh
cho rằng pháp-sư, phù-thủy không
còn quyền-lực gì xua đuổi tà ma
yêu quĩ nổi. Trái lại, bây giờ
tà-ma quĩ-quái thịnh hành hơn
bao giờ hết. Dù có pháp-sư cao
tay-án cũng khó mà diệt-trừ

được chúng.

Bên nhà chị Bảy Lụa, thầy-
pháp Sư Nhiều vẫn cóc-cóc, keng
keng, cô nữ-sinh kiều-diễm « bị
ma làm » vẫn ca hát, hét la rùm
beng, xé mùng, xé nệm, chửi bới
om-sòm, rồi cười hăng-hắc...

Diệu Huyền



△ Nạn phụ nữ

Lớp đệ nhất một trường nữ trung học nọ, ông giáo
sư chứng minh phải mạnh cuo (trọng hơn) phải yếu
nhưng vẫn không thành công. Cùng lý ông mới bảo :

— Nhưng các chị không cãi rằng Chúa trời đã tạo
ra người đàn ông trước ?

Một cô học trò đứng lên nói :

— Thưa không đúng là vậy, ngay ở đây chúng tôi
làm bài cũng làm bài nháp trước.



Mừng « PHỒ THÔNG »

丙	仲	狂	學	裝	筆	名	聲	恭	普		
秋	風	術	點	翻	揚	播	喜	通	啟	頌	
	大	指	山	歷	字	四	今	報	第	普	
曾	浪	南	河	史	內	方	朝	館	九	通	
昭	有	船	文	勤	遍	南	上	八	年	報	
輝	何	邁	不	修	垂	越	九	年	詩	館	
贈	題	憂	趕	休	飾	洲	境	秋	週		

Tụng Phò Thông báo quán khởi đệ cửu niên thi

*Phò Thông báo quán bát-niên chu
Cung hỷ kim triều thượng cửu thu
Thanh bá tứ phương Nam Việt cảnh
Danh dương đủ nội biển A-châu.
Bút phiến lịch sử cần tu sức,
Trang điểm san hà văn bất hư.
Học thuật chỉ nam thuyền mại hãn,
Cuồng phong đại lãng hữu hà ưu.*

✱ TẶNG-CHIÊU-HUY

Giáo-sư Việt-Hán Kiên-Bình

Dịch Việt văn:

Thơ mừng báo Phò Thông lên 9 tu đời

*Đệ bát chu niên báo Phò Thông,
Mừng nay lên chín có đôi dòng.
Danh vang bốn hướng trời Nam Việt,
Tiếng dậy mười phương đất Á Đông.
Ngon bút phôi bày giòng lịch sử.
Văn chương trang điểm dãy non sông.
Con thuyền học thuật luôn đeo đuổi,
Sóng lớn, giông to... chẳng ngại lòng.*

● VƯƠNG ANH BÌNH
(Kiên Bình.)

Tặng Phò thông

*Độc giả trung-thành Nam-Bắc-Trung,
Bấy lâu theo dõi... mến tài ông !
Từ khi Đà-lạt nêu « Dân chủ »
Đến lúc Saigon mở « Phò Thông »
Nợ nước đền bồi chưa thỏa chí
Nghề văn xây dựng đã nên công,
« Dân-ta » khi khai lời can-trực,
Sự nghiệp lưu truyền với Núi-sông...*

● NAM-HIỀN

(Trần quốc Trân-Cao Lãnh)

Trao về Phò thông

Mừng Đệ-bát chu-niên

*Phò-Thông nay đã chín năm rồi,
Thân-thể tài-hoa lắm nổi trôi.
Bao kẻ tị ganh, nhiều kẻ phá
Một mình cặm cụi, mãi « Minh ơi ! »
Đời ham danh lợi, giành xoi thịt,
Ông vẫn thanh bần, chẳng thúi-hôi.
Văn nghiệp đắp-xây càng VI-đại
Mừng ông, trăm tuổi viết không thôi !*

Một độc-giả trung-thành
(Hòa Hưng, Saigon)

Kính mến tặng
Glám đóc Phồ Thông Tạp chí

Đọc báo Phồ.Thông từ số 1
Nay mừng tạp-chí bát chu-niên
Quý yếu tài đức người thi mộng,
Cảm phục công trình nghiệp bút nghiên.
Số kiếp hết tù, chưa hết nợ,
Văn chương thêm tuổi lại thêm duyên.
Nhấn ai thường khóc vì Dân tộc,
Há lẽ ngày nay ần mái Thiên?

△ Bích-Vân Thân nữ
(Thừa Thiên)

Tái bút : Đề mừng Phồ Thông 9 tuổi, dám mong nhà Thơ
họa văn cho vui.

B.V.T.N

Phụng họa Bích Vân thân-nữ

Xin tạ lòng ai, từ khởi ngộ
Thâm tình lưu luyến bát dư-niên.
Dân-thù, hổ thẹn tài và đức,
Quốc hận, bùi ngùi bút với nghiên.
Thơ mất tự-do, hờn thế-hệ,
Kiếp còn lận-đận, nợ nhân-duyên.
Chưa xong nhiệm vụ cùng Sóng Núi
Đầu đũa buồng trôi, ghé bóng Thiên?

△ Nguyễn Vỹ

丙午年
1
贈普通雜誌第九年
普通雜誌九週年
改更曾經道路誰
彈炮隆隆重擊宇宙
波濤澎湃震震江少
沈淪苦海嘆今
身競虛名弄戲
澳美泥中鷓未印
豈惜世事托慈航
富秋筆

Tặng Phò Thông tạp chí

đệ cửu niên

Phò Thông Tạp chí cứu sương hàn
Ấu Ấu tăng kinh đạo lộ nan,
Đạn, pháo long trùng kinh vũ trụ,
Ba đảo bành trướng chấn giang sơn
Trầm luân khổ hải ta nhưn loại !
Tranh cạnh hư danh lộng hỷ trường
Úc, Mỹ né trung Hồng vị ẩn !
Khởi tương thể sự thác Tư-hàng ?

SONG-THU

(Bính ngọc Đông)



* * DỊCH :

Chín cái Xuân về với Phò-Thông
Ấu Ấu từng gói dấu phiêu bồng
Âm ầm bom đạn long trời đất
Cuồn cuộn ba đảo lở núi sông
Nhơn loại đắm chìm trong bể khổ
Hi trường múa nhảy giữa đêm Đông
Văn chương chưa bữa cùng hoàn-hải
Hà nở im lìm chốn cửa-Không ?

● **SONG-THU**

(Bính-Ngọc Đông)

bến đêm

* Nguyễn-Vương

Mây về tan bóng chiều xa
Rung rung để khóc thông gà ngủ quên
Hải đăng ngọn sóng triều lên
Tàn xuân bến tục xúi miền viễn khơi

Phơi vàng con nước sa khơi
Sóng nhỏ bãi cát tằm say sóng trôi
Biển đêm cánh quạ muôn đời
Mù sương trắng khuất giòng ơ biệt nguồn

Ngân hà mối nở bên gương
Đất xa cách núi biển cương trở hồng
Thiên nhiên rục rờ ngọc Đông
Trời đêm bỗng mở một vầng hào quang.

trông sao

Mắt xa thân nặng số ương
Chân tìm núi đứng nghe rừng buồn cũ
Bãi cồn sóng bữa nghìn năm
Hồn dẫu bề động sấm nhân cổ về

Một đời chim hát trong mơ
Thanh bình dấu giữa vầng thơ gói nắng
Đỉnh thiên trắng xế ngổ ngang
Suối trần gian bỗng đỏ vầng ánh sao.

Một vụ vượt ngục táo bạo nhất từ trước đến nay . . .

* TẮN - ĐẮC

Anh lính Lê Dương Karl Seterberg là người Thụy Điển, trong một phút say rượu, đã tình nguyện gia nhập vào đạo quân kỷ luật thiện chiến. Phạm quân kỷ, anh bị đày đi nhà giam Colomb Béchar. Anh đã vượt ngục một cách lạ đời và dưới đây là câu chuyện do anh kể lại.

Hỏa ngục trần gian
Tông báng súng vào cằm
tên trung úy Pháp hách dịch
đã đánh vào mặt tôi vì tôi đi

trật bước, tôi lấy làm hả dạ lắm. Nhìn gương mặt bầm dập của hắn sau một thời gian nằm nhà thương, tôi vui thích được đôi chút. Nhưng sự vui sướng của tôi tan biến đi khi nghe tòa án quân sự tuyên án : năm năm khổ sai tại Colomb Béchar. Nhà giam này được coi là hỏa ngục của Lê Dương.

Danh hiệu đó kể ra không ngoa chút nào. Nó nằm giữa sa mạc nắng cháy và hơn phân nửa những người sống

VƯỢT NGỤC

bên trong những bức vách bằng bùn, cao năm thước, khi mãn hạn đều phải loạn trí cả.

Tuần lễ đầu tiên nơi là tôi vượt ngục liền : tôi chỉ việc trèo qua tường sau giờ ngủ. Nhưng đi được ba mươi bước là tôi bị lính tuần tiêu bên ngoài chặn bắt. Hình phạt thật giản dị nhưng khắc nghiệt vô cùng. Tôi phải nài nỉ đồ quân trang đầy đủ kể cả súng cá nhân, tất cả nặng chừng 60 kí và phải chạy chung quanh thành 24 tiếng đồng hồ, mỗi giờ chỉ ngừng lại được một lần để uống nước trong bị đông. Lần thứ nhất quỵ xuống vì kiệt sức, tôi bị tên lính canh lôi dậy đẩy cho chạy. Lần thứ nhì, hấn đá vào ba sườn tôi. Tôi rần rần không té nhủi lần thứ ba và khi thi hành xong hình phạt tôi như chết rồi. Ngày đầu tiên bị giam riêng tôi kể như là đê xã hơi. Ngày thứ hai tôi mới bắt đầu thấy khổ. Thời gian bị giam riêng chỉ có một tuần lễ nhưng đối với tôi nó dài như một tháng.

Những ngày lẻ loi trong xà lim chật và tối, tôi nghĩ nhiều

đến người đàn bà đã là nguyên nhân dung rú cho tôi dấn bước vào con đường đưa đến địa ngục này.

Tình yêu thúc đẩy

Câu chuyện xảy ra hai năm trước tại Thụy Điển, chồng nàng là một thủy thủ đi vắng nhà luôn và nàng cảm thấy lẻ loi. Tôi 24 tuổi, nàng 27. Chúng tôi quen nhau trong một cuộc họp bạn và yêu nhau liền sau đó.

Chúng tôi yêu nhau được ba tháng, cho đến ngày nàng cho biết chồng nàng trở về và sẽ làm việc thường xuyên trên bờ không đi biển nữa. Giữa chúng tôi thế là đoạn tuyệt. Tôi cố thuyết phục cũng không làm sao lay chuyển được ý định chấm dứt của nàng.

Đau khổ quá, tôi bỏ chân thơ ký trong một xưởng xe hơi để đi Ba Lê tìm quên. Tôi uống rượu lu bù, làm tiêu hết số tiền dành dụm. Một sáng tỉnh dậy, tôi mới nhận ra đã hết tiền, nhưng nỗi nhớ người yêu vẫn dai dẳng, tôi uống nốt

chai rượu cuối cùng, và chén cháo hơi men, khi đèn vẫn phông tuyến mộ linh Lê Dương của Pháp, ký tên tình nguyện phục vụ trong 5 năm.

Sáng hôm sau, tinh táo, tôi mới biết là mình vừa làm một việc rõ đại, rồi đây chúng tôi đáp tàu đi Algérie.

Chẳng bao lâu, tôi đến hải cảng Oran. Một thành lính ám dạm xâu xỉ sừng sừng ở cửa thành phố. Tôi sống tại đây 5 ngày. Vui đầu trong ly rượu để tự gây một sự can đảm giả tạo. Tôi là một thanh niên thuộc hạng trung lưu, đa tình thế mà lại chọn cuộc sống của những kẻ đi đây chỉ vì không kịp suy nghĩ chín chắn.

Ngày thứ sáu tôi được đến một trại huấn luyện bộ binh ở giữa sa mạc. Nói sao cho hết những sự cam go khổ sở của chúng tôi. Trong một thời gian ngắn, tôi nhận thức ra rằng binh chủng Lê Dương chỉ là một địa ngục trần gian đối

với tôi. Tôi tưởng nó theo mộng làm, đáng cho những thanh niên phiêu lưu chúng tôi chuộng, nhưng sự thật chẳng có gì theo mộng cả.

Trong thâm tâm tôi tự nguyện sẽ tìm cách thoát khỏi đời sống quân ngũ. Tôi tính trở về Thụy Điển đem người yêu thoát khỏi tay thằng thầy thù chó chết, đêm đêm ngủ với nàng trong khi tôi khổ sở sống giữa hỏa ngục này.

Một tia hy vọng

Lần vượt ngục thứ hai của tôi được may mắn hơn. Khi tôi được lệnh cùng hai tù nhân khác khiêng một con lạc đà chết lên chiếc cam nhông do một tài xế Ả Rập lái chờ đến lườn sông khô cạn để chôn. Nơi này cách trại giam 200 thước.

Lúc lúi cái xác xuống vì ba chúng tôi không đủ sức nên phải nhờ anh tài xế tiếp tay. Anh này gọi luôn anh lính cầm

súng máy theo gác tới phụ. Tôi dùng tận lực lôi mạnh một cái, xác con lạc đà tuôn xuống trúng anh lính gác làm anh ta chới vơi. Tôi quay lại dùng nhu đạo quật ngã anh ta rồi xô luôn xuống hồ sâu hai thước. Tôi lượm cây súng chạy lại chiếc xe cam nhông rồi máy vọt đi trước con mắt ngả ngơ của hai anh bạn tù và tài xế.

Chạy được một đôi, tôi bỏ xe đi bộ. Nhờ trên xe có sẵn đồ ăn nên không lo đói. Mấy ngày sau tôi ra khỏi sa mạc, tới một thành phố nơi tôi đã trú đóng trước kia. Tôi tìm đến nhà một cô gái đã từng yêu tôi, nói thật hết cho nàng nghe và được nàng tiếp đón nồng hậu. Ăn uống tắm rửa xong, tôi lăn ra ngủ. Ngủ không biết được bao lâu bỗng tôi giật mình thức giấc. Cô gái bên tôi đã biến đâu mất. Tôi nghe có tiếng giày đinh bước nặng nề trên cầu thang. Nghe theo linh tính, tôi chụp cây súng lẻ lẻo phóng qua cửa sổ. Trời

đã sáng và vài phút sau tôi đã chạy vào một con lộ nhỏ hẹp, có một bức tường cao hai thước rưỡi chắn ngang, tôi cố gắng leo lên đầu tường để bực mình trông thấy phía dưới, bên kia có một cái chợ đang họp. Người Ả Rập đông nghịt, tôi liệu không thể nào lách mình chạy cho nhanh được giữa bọn họ. Như hầu hết các chợ Ả Rập, chợ này có một tầm vĩ sát phủ bên trên không chút ngăn ngại, tôi lao mình lên tầm vĩ nhảy từ cọc này sang cọc khác. Bọn Ả Rập nhìn tôi bằng con mắt kinh ngạc. Họ càng sợ hãi hơn khi thấy có một toán Lê Dương ào ào kéo tới đây họ, tìm lối đi. Tôi bắn một vài phát vào đám Lê Dương, thấy một tên buôn súng ngã quỵ. Tôi tới đầu kia tầm vĩ và có một đám Lê Dương khác chờ ở đó. Lôi đành buông súng.

Sau này tôi được cho biết chính cô gái Algérie đã phản bội tôi. Cũng may tên Lê Dương kia chỉ bị thương nên

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm. CÓ BÀN TAY CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1569/57.1/OPDC.

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm. CÓ BÀN TAY CÁC NHÀ THUỐC TÂY

tôi chỉ lãnh 20 năm tù và 90 ngày giam riêng.

Phép màu

Những ngày đắm mình trong bóng tối của phòng riêng, tôi suy nghĩ nhiều để tìm cách vượt ngục nữa. Mãn hạn giam riêng độ một tuần lễ, tôi được một phép mẫu đến trường thường. Một con lạc đà già đến ngã chết bên ngoài vòng thành. Vị sĩ-quan bảo cứ để nó đó, đèn sáng hãy đem chôn.

Người tôi run lên vì sung sướng. Cửa tự do đã mở cho tôi rồi. Tôi cố giữ cho lòng bình tĩnh. Không ai thấy có vẻ gì bất thường nơi tôi.

Tôi, tôi đến vòng thành. Khi biết chắc không bị ai dòm ngó, tôi bắt đầu dùng cái muỗng nhọn mà tôi để dành từ lâu khoét bốn cái lỗ trên bức tường cao đắp bằng bùn khô. Nhờ bốn cái lỗ này tôi sẽ bầu vùi vào để treo qua tường.

Hành động của tôi thật nhẹ nhàng đến nỗi hai tên lính gác gần đó cũng không hay. Khi xong đầu đó tôi trở về trại lấy những vật dụng cần thiết.

Trở ra bức tường, tôi cẩn thận nhìn quanh rồi hầu vào lỗ lên đầu tường. Tối đây, tôi chờ một lát, nghe ngóng bốn bề im lặng như tờ. Tôi buông rớt xuống bên kia. Tiếng va chạm giữa tâm thân tôi và mặt đất nghe vang rền như sấm. Nhưng may quá, không ai nghe biết gì cả.

Tôi chạy đến con lạc đà và bắt đầu moi ruột nó ra. Có lần tóm quá khiến tôi muốn buông xuôi ý định cho rồi. Thịt nó còn ấm và máu nó nóng lạ. Mùi hôi thối lòi cuồn mây con chuột chạy đến, nhưng gặp tôi, chúng bỏ chạy đi. Ruột nó nhiều quá, tôi rán đưa đi nhiều lần tới một cái hồ gần đó vắt xuống, rồi lấp cát lên. Xong tôi chui vào bên trong xác chết giữa khoảng mây xương sườn. Bên trong

tôi om và đầy máu me ngọt ngọt.

Tôi nằm bên trong xác con lạc đà mấy tiếng đồng hồ liền. Gắn sáng, tôi nghe tiếng bọn lính đi ra khỏi thành. Tôi kiệt sức vì thiếu ngủ, cơ thể tôi tê cá, bắt buộc phải bó gối lại cho vừa với khung xương sườn. Hai lần nghe mây con chuột cõ chui vào trong xác chết, nhưng tôi đuổi được chúng đi.

Bọn lính tới gần và tôi nghe tên trung sĩ ra lệnh : « Cột bốn chân nó lại ». Tôi nằm thật yên trong khi bọn lính lui cui cột bốn chân lạc đà. Một con muỗi to tướng cắn lên cổ tôi, nhưng tôi không dám đập sợ lộ. Cuối cùng tôi nghe tiếng một chiếc xe chạy tới và cảm thấy con lạc đà bị nắm bốn chân nâng lên. Tim tôi đập mạnh. Lát nữa đây, chúng tôi sẽ bị vắt xuống một cái hồ bỏ mặc ở đó. Tôi chỉ việc chờ trời sụp tối.

Cuộc hành trình qua những tảng đá to lớn, những đụn

cát, thật là vất vả, khổ sở. Tôi lác lư mạnh bên trong chiếc quan tài bằng xương và thịt. Mặt mũi tôi làm đầy máu khô và những máu thịt vụn. Ruột muối chui cả vào bên trong áo quần, giày vớ tôi. Sau một thời gian dài như một thế kỷ, tôi cảm thấy chiếc xe ngừng lại. Chúng tôi đã đến bên cái hồ. Tên trung sĩ bảo lớn : « Đẩy nó xuống hồ ».

Mây tên lính nháy từ trên xuống và khởi sự lôi xác con lạc đà. Nó nặng quá nên chúng lôi không nổi. Tôi nghe có tiếng động cơ xe hơi rõ mạnh. Thôi chết rồi, người ta tính cán lên xác con lạc đà để đẩy nó xuống hồ chớ gì. Bị chiếc xe hai tầng rượt đè lên, tôi chịu sao nổi.

Tôi mở miệng định kêu nhưng chiếc xe đã lăn lên mình con lạc đà. Người tôi bị xương con lạc đà ép xuống đau vô cùng. Tôi định kêu cứu, nhưng đúng vào lúc ấy xác con lạc đà rớt xuống cái hồ rộng.

Đình

midol

Đi các chứng đau nhức
và mất ngủ
có bán tại các nhà thuốc tây

CORTONYL

Mọi sự đều yên lành

Chờ cho xe chạy rồi, tôi mới chui ra khỏi bụng lạc đà. Mình mấy tôi, hôi hám bẩn thỉu không thể tả nhưng không khí tự do vẫn làm cho tôi dễ mê sung sướng. Tôi tìm đến một ao nước cách đó một dặm. Tắm rửa sạch sẽ và giặt áo quần xong, tôi thấy khỏe khoắn làm sao.

Mục tiêu của tôi khi ấy là con đường sắt cách đó chừng mười dặm, là con đường duy nhất giúp ra khỏi vùng đất cát nóng cháy này. Tôi nghĩ phải làm sao lên xe lửa trước khi trời tối. Vì chiều đến là có cuộc điếm danh và khi ấy thế nào họ cũng hay biết sự vắng mặt của tôi và người ta sẽ lục soát tất cả những xe lửa chạy qua.

Lòng tôi mừng rộn ràng khi xuống hết một đụn cát cao, tôi trông thấy hai con đường sắt chạy dài tít đàng chân trời. Tôi bèn chạy men theo đường xe lửa tìm đến trạm lấy nước. Nơi này có mấy cây tàng to lớn, tôi sẽ núp đàng

sau đó chờ xe tới ngừng lấy nước sẽ nhảy lên toa xe.

Lúc tôi đến nơi, đồng hồ chỉ gần 10 giờ tối. Cái nóng cháy da không phải là mối đe dọa đối với tôi nữa. Tôi cũng không sợ bị bọn lệ dương bắt lại mà chỉ ngán lọt vào tay bọn cướp. May quá, là không ai tìm tôi và mọi việc sau đó xảy ra đúng như tôi dự liệu.

Tôi tìm cách leo lên được chiếc xe lửa. Nó đưa tôi bình yên tới Oran. Đoạn cuối cùng của cuộc hành trình tìm tự do của tôi chấm dứt một cách êm thắm. Nhân viên hỏa xa hay cảnh sát Oran đều không làm khó dễ tôi. Nửa tiếng đồng hồ sau khi tới nơi, tôi tìm đến sứ quán Thụy điển, nơi đây người ta lắng nghe câu chuyện của tôi một cách thiện cảm. Tôi được săn sóc mấy vết thương, được tắm rửa và ăn uống đầy đủ. Tôi ở lại đây một tuần lễ, nhiều khi sướng quá tưởng như điện lên được. Thế là tôi đã thoát khỏi Đại Đội Kỳ Luật khét tiếng.



đăng trình

*Sao ta khóc mãi người em gái
Giữa lúc trái mùa xam loạn lý
Đi đi ta quyết ra đi
Nửa vai nhẹ gánh nặng gì chiếc thân
Bước đi là động vang rừng
Dậm đi núi chuyền sông ngừng xác rơi
Mây loan màu thắm chân trời
Sa trường lạnh lạnh tiếng cười cổ nhân
Chiều gieo bóng tối loang dần
Ruộng cần côi đỏ tiếng hờn mạ xanh
Khi nao vườn trái trái lạnh
Anh về anh vẫn là anh thuở nào !*

QUANG LINH





△ của ban Trung Sĩ Huyền-Phương-Tử, K.B.C 6032
Về câu hỏi của cô Trần-thị-Thu ở Biên-Hòa.

...Thưa chị Diệu-Huyền, trong Bờ Thông 181, cô Trần-thị-Thu ở Biên-Hòa hỏi chị 2 câu, song chị lại nhờ bạn đọc trả lời. Đây, em xin trả lời giúp chị câu thứ nhì, còn câu thứ nhất em không biết.

Nguyên văn câu hỏi của cô Thu :

« Em nghe nói người con gái còn Trinh đến hôn trái đu đủ, thì trái đu đủ tự nhiên rịn mũ ngay chỗ vừa hôn ».

Thưa chị, sự thật nó không phải như câu hỏi của cô Thu mà trái đu đủ chỉ rịn mũ khi người đàn bà (hoặc đàn ông) đã *Mất Trinh* đến hôn nó. Chính bạn em đã « thí-nghiệm » rồi Chị ạ, đúng 100% o. Nếu Chị và bạn đọc không tin thì thử thí-nghiệm xem và cô Thu cũng thế, chắc cô đã đặt lộn câu hỏi rồi đấy.

T/S Huyền-Phương-Tử
K,B,C. 6032

△ của Ô. Trương-Khắc-Mễ, Quảng-Trị
Trần-Hung-Đạo, Vị nhân thế giới.

Vào thế kỷ thứ XIII nước Mông Cổ đánh lấy nhà Tống (Trung Hoa) xưng là Nguyên-Triều, chiếm Ai-Lao, Miến-Điện, Ấn-Độ, và sai tướng Hốt-tất-Liệt đem quân vượt Tân-Cương, san phẳng các nước miền Tây-Á, đến tận các nước Trung-Âu. Sử nước Pháp còn mạng-danh cho đạo quân xâm-lãng của Hốt-tất-Liệt là : « *les Hungs* » và những câu rùng rợn : « *L'herbe ne poussait plus là où les Hungs avaient passé* » hay là những lời kêu-căng vô đạo của tướng giặc như : « *Après moi, c'est un fléau* » vân vân...

Sau khi uy danh đã được lừng lẫy ở phía Tây, nhà Nguyên còn muốn đánh phá các nước phía Đông và phía Nam để thực hiện cái mộng làm bá-chủ Thế-giới. Nhưng gặp sức-kháng chiến chống xâm lăng của dân tộc Việt-Nam do tướng **Trần-Hưng-Đạo**, tổng

THƯ BAN ĐỌC

chỉ huy, đã giết hay bắt sống nhiều danh tướng và vô số binh sĩ cũng như tịch thu 400 chiến thuyền và toàn bộ khí giới.

Nhờ đó cái mộng làm Bá-chủ thiên-hạ của nhà Nguyên tan vỡ, các nước ở phía Đông và phía Nam đều được yên ổn.

Như vậy, Tướng **Trần-Hưng-Đạo** nói riêng và dân tộc Việt-Nam nói chung có phải là ân nhân của thế giới đương thời hay không ? Nhưng không may hiện nay dân tộc Việt-Nam là con cháu của tướng **Trần-Hưng-Đạo** đang bị chiến tranh tàn phá day xéo đến mức, cầu xin Thế-giới can thiệp thế nào để đem lại hòa bình ở Việt-Nam.

Tướng **Trần-Hưng-Đạo** nói riêng và dân-tộc Việt-Nam nói chung rất yêu chuộng hòa bình ; hành động chứng minh cụ thể là các tướng sĩ địch còn sống sót đều được đối xử rất tử tế và đưa sang trả lại cho nhà Nguyên, không hề có một hành động khiêu khích hay trả thù nhỏ nhen.

Đây là ý kiến thiên cận của một ông lão nhà quê, xin Quý Tạp-Chí bỏ tấc thêm và ủy cho những nhà Văn-Học kiểu bào có tên tuổi ở Ba-Lê và Luân-Đôn tỏ chức những buổi diễn-thuyết nối liền với ngày kỷ-niệm bạc danh tướng, một phần không để mai-một phượng danh của Ngài, phần khác có tiếng nói danh-dự trên thế-giới.

Kính Chào ông Giám-Đốc và mong ông tán đồng.

Mai-Xá-Chánh, ngày 28 - 10 - 1966

Trương-Khắc-Mễ

Một ông lão quê mùa ở Thôn Mai-Xá-Chánh, tỉnh Quảng-Trị

* Tái-bút :

Một vị văn-hào Nhật-Bồn đã để một câu đối ở đền Vạn-Kiếp cũng đủ để chứng tỏ diêm này :

« Vạn-Kiếp hữu san giai kiếm khí ;
Lục-dầu vô thủy bất thu thanh. »

Trương-Khắc-Mễ

△ Cô Lâm-x-Yến, Y Khoa Sài Gòn

Lại « cái đồng hồ »

...Tụi em không hỏi chị Diệu Huyền mà chị cảnh-nanh « thay lời N.V. đáp » ? Cõi bỏ hai người « mù » dữ hôn ! Nhưng Diệu Huyền bảo « xem bức vẽ nơi đây », thế mà tìm khắp quyển Phổ-Thông không thấy « bức vẽ » cái đồng hồ đâu hết ! Chắc định nhờ ông Tú vẽ hộ mà ông Tú không vẽ, thành ra trật đường rầy chớ gì ?

Diệu Huyền đáp : Đừng có kiếm chuyện nghe !

Bức vẽ cái đồng hồ xưa đây nè :



Đây, đồng hồ xưa như vậy đó. Bằng đồng. Nó cái eo có một lỗ nhỏ bằng mũi kim. Nước chứa đầy trong hồ A, chảy từng giọt xuống hồ B. Cạn hồ A là một giờ (giờ xưa = 2 giờ nay). Lật ngược hồ B lên trên, Hồ A xuống dưới. Nước hồ B chảy xuống hồ A. Cứ như thế mà xem giờ. Có những chiếc đồng hồ dựng cát, trắng thật nhuyền thay vì dựng nước. - Chào !

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

* ĐIỀU-HUYỀN

* **Bạn Phan thị ngọc Mai, Đệ tứ Đồng Khánh, Phan-thiết.**

Bạn nên làm đơn xin đặc ân về hạn chế tuổi tác, trình bày rõ trường hợp của bạn kèm theo giấy của giáo-sư chứng nhận học lực của bạn.

● **Bạn Quang Nhật Nguyệt, Phan đình Phùng, Sài Gòn**

— « Như gái một con, nhi... »

Ý nghĩa là con gái có chồng sanh một đứa con rồi thì sắc đẹp tăng lên, mịn mà hơn lúc chưa có chồng.

Cũng có câu tục ngữ « Trông gái một con thấy mỗi-một con mắt » nghĩa là nhìn thiếu phụ mới sanh con đầu lòng, sắc đẹp hấp dẫn đến đôi muốn nhìn hoài, nhìn đến mỗi mồn con mắt cũng còn muốn nhìn nữa.

— Mồng hai tháng chạp năm Nhâm ngo, là ngày thứ Ba, 28.12.1943.

△ **Bà Phạm Hồng Ánh, Đồng Ba, HUẾ**

Giải Nobel Văn chương 1966, thuộc về 2 nhà văn Do-thái :

1) Samuel Yosef Agnon.

2) Nữ thi sĩ Nelly Sachs

Giải thưởng 300.000 bạc Thụy điển chia cho 2 người, sẽ do Quốc vương Gustave VI trao tặng, ngày 10-12-1966, tại Hàn lâm Viện Stockholm

Cô Nelly Sachs là giòng dõi Do Thái, sinh trưởng ở Đức, nhập tịch dân Thủy-diễn (Suède). Năm nay cô 75 tuổi.

Samuel Agnon, năm nay 78 tuổi.

Dùng Midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 1360/BY.I/DPDC.

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

Chính gốc Do Thái, ở ngay Jérusalem, tác giả hai bộ truyện bằng tiếng Do Thái.

★ Ô Lê. Diên. Cam Ranh

— Địa danh tỉnh Phan Rang do tiếng chàm Panduranga.

— Tên vị Đô Đốc Nga bại trận trong cuộc chiến tranh Nga Nhật, và có đem hạm đội trốn trong vịnh Cam Ranh, tháng 5.1905, là **Rojdestvenski**.

Hạm đội ấy gồm có: 9 thiết giáp-hạm, 8 Tuần dương hạm, và 11 phóng lôi hạm, bị Hải quân Nhật của Đô đốc Togo đánh tan tành tại eo biển Tsushima ngày 27 và 28-5-1905.

— Ngày 21-4-1947 là ngày thứ Năm trong tuần.

△ Ban Tâm Thành. Cao Thắng

— Tamura Ryuichi, không phải một Họa sĩ, mà là một thi sĩ Nhật, sinh năm 1923, tại Tokyo, thuộc nhóm Tao đàn Arechi.

— Họa-sĩ Foujita người Nhật, sinh năm 1886 ở Tokyo, qua Paris năm 1913, hiện ở luôn Paris, nhập tịch dân Pháp.

Gần Đến kinh kỳ, Bản hãn đã dượt, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống: **Lời Công Hoàn « ÔNG TIÊN »**. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-hành-Tôn. Nhà thuốc «**Ông Tiên**» Phú-Lâm Cholon K.N. BYT. số 1 — 9-5-43

Phong Ngứa, Ghê chốc, lở loét, gãi tới đau lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »** 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt. Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-43).

Có thể nghiền cà-phê buổi sáng, không hút thuốc lá trọn ngày, chớ không thể thiếu:

Nhật báo **Tin Sớm**

Cơ quan Thông tin chuyên nghiệp và thuần túy. Không nịnh bợ chánh quyền, a dua theo đảng phái, chẳng màng lợi, danh.

Tha thiết phục vụ quyền lợi đồng bào các giới. Sẵn sàng chuyên đạt nguyện vọng của đồng bào có thể lên chánh quyền.

Địa chỉ: 225, Phạm ngũ Lão — Saigon.
Điện thoại: 25.863

Nhớ tìm đọc:

Hoài báo 6

Tiếng nói của Cựu Sinh Viên H.V.Q.G.H.C
phát hành đầu tháng 12 - 1966:

● Cải tổ Ủy ban Hành Chánh Xã.
Dương hồng Ngọc

★ Mồ hoang (thơ) Vân Huyền Tâm.

● Ruồi Xanh truyện ngắn Lê tất Điều đề theo rồi một cuộc bút chiến.

LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiêm và tái Bảo-Hiêm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

○ Bồi thường mau lẹ

● Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện-thoại số. 26.893

31.33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặt biệt các món ăn Tiều
- Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

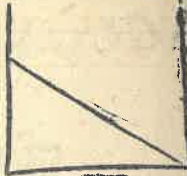
của mọi người và
trong mọi gia - đình



NƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐÁU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH, SỐNG LÂU YÊU ĐỜI

KINH-LÝ VÂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huê—Saigon,
Điện-thoại 23. 187



Phạm-văn-Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thành-Giản

SAIGON

EM NHỎ NÓNG!
Hãy cho em uống
THUỐC BAN NÓNG KIM-QUAN
(RAKEMID 33 G)
THUỐC TÂY KIM-QUAN
SỐ NGANG CHỢ BẾN N. TH. SAIGON

K.N số 260 ngày 20-6-63

Giấy phép số 292 CDV/TTND ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN
231.233, Phạm-Ngũ-Lão — Saigon

K.D số 3.094 ngày 24-11-66